

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**



**ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ
MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

Ngành : Tài chính - Ngân hàng
Mã số : 7340201
Cơ sở đào tạo : Học viện nông nghiệp Việt Nam
Trình độ đào tạo : Đại học

Hà Nội, tháng 10/2019

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC BIỂU, BẢNG	ii
PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG	1
1.1 SỰ CẦN THIẾT MỞ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG	1
1.2 CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO PHÉP MỞ CHƯƠNG TRÌNH	3
1.3 KẾT QUẢ KHẢO SÁT, PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ NHU CẦU VỀ NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH	4
PHẦN 2. NĂNG LỰC CƠ SỞ ĐÀO TẠO KHOA KẾ TOÁN & QTKD HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	13
2.1 GIỚI THIỆU VỀ KHOA	13
2.2 HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	16
2.3 CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO	49
2.3.1 Cơ sở vật chất và phương tiện hỗ trợ học tập	49
2.3.2 Hệ thống thư viện, phòng đọc và tài liệu học tập:	53
PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG	69
3.1 CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, TÀI LIỆU, CHUẨN QUỐC TẾ ĐÃ THAM KHẢO	69
3.2 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH	69
3.2.1 Mục tiêu đào tạo	70
3.2.2 Chuẩn đầu ra	70
3.2.3 Định hướng nghề nghiệp sau tốt nghiệp	72
3.2.4 Định hướng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp	72
3.2.5 Nội dung chương trình đào tạo	72
3.3 MÔ TẢ CÁC MÔN HỌC	88
PHẦN 4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	115

DANH MỤC BIỂU, BẢNG

Biểu đồ 1: Đánh giá chung về chất lượng nhân lực đang làm việc trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng	6
Biểu đồ 2: Sự cần thiết xây dựng chương trình đào tạo Tài chính – Ngân hàng	7
Biểu đồ 3: Lĩnh vực và công tác mà người được đào tạo về Tài chính – Ngân hàng có thể làm.....	8
Biểu đồ 4: Lĩnh vực cần cử nhân Tài chính – Ngân hàng.....	8
Biểu đồ 5: Các năng lực chung cần thiết cho cử nhân Tài chính – Ngân hàng	9
Biểu đồ 6: Các năng lực cụ thể cần thiết cho cử nhân Tài chính – Ngân hàng	10
Biểu đồ 7: Phương pháp đào tạo cần thiết đối với ngành Tài chính – Ngân hàng.....	10
Biểu đồ 8: Các khối kiến thức cần thiết được đề xuất	11
Bảng 1: Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo đại học ngành Tài chính- Ngân hàng.....	14
Bảng 2: Các công trình công bố của giảng viên trong Khoa	16
Bảng 3: Các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp của giảng viên trong Khoa	37
Bảng 4: Các hội nghị, hội thảo của Khoa	47
Bảng 5: Thiết bị phục vụ cho đào tạo	50
Bảng 6: Tài liệu tham khảo hiện có trong thư viện.....	53
Bảng 7: Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Ngành Tài chính – Ngân hàng	70
Bảng 8: Chương trình đào tạo Ngành Tài chính – Ngân hàng	73
Bảng 9: Kế hoạch đào tạo Ngành Tài chính – Ngân hàng.....	81

PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1.1 SỰ CẦN THIẾT MỞ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

Học viện Nông nghiệp Việt Nam phấn đấu trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu đa ngành với chất lượng hàng đầu trong nước, tiên tiến trong khu vực về nông nghiệp và phát triển nông thôn, phục vụ đắc lực cho công cuộc đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Là trường trọng điểm quốc gia, Học viện Nông nghiệp Việt Nam không ngừng phấn đấu đạt chất lượng cao trong đào tạo, khoa học-công nghệ và phục vụ xã hội, đóng góp thiết thực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam văn minh, giàu, đẹp.

Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh (FABM) thành lập tháng 11/2007 tập trung thực hiện các nhiệm vụ: (i) Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, kinh doanh nông nghiệp và kế toán doanh nghiệp bao gồm trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ và đào tạo ngắn hạn theo yêu cầu của xã hội;

(ii) Tổ chức và triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học về Quản trị kinh doanh, Marketing, Quản trị tài chính, Kinh doanh nông nghiệp, Kế toán doanh nghiệp, Kế toán kiểm toán, phục vụ công tác đào tạo và nâng cao năng lực cán bộ giảng dạy;

(iii) Cung cấp các dịch vụ tư vấn, chuyển giao khoa học và công nghệ trong lĩnh vực kinh doanh, quản trị, quản trị kinh doanh, kế toán doanh nghiệp và phát triển theo yêu cầu của các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các tổ chức quốc tế, các địa phương và mọi thành phần kinh tế.

Tầm nhìn của FABM hướng tới 2030 đó là phấn đấu trở thành một trong những đơn vị hàng đầu của Học viện Nông nghiệp Việt Nam về đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế xã hội, góp phần công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Vận dụng sáng tạo và linh hoạt chiến lược phát triển của Học viện, phát huy thế mạnh của Khoa, tranh thủ sự giúp đỡ của lãnh đạo Học viện, sự phối hợp và tư vấn của các ban, khoa và đơn vị bạn trong và ngoài Học viện, tạo ra sự khác biệt trong đào tạo và nghiên cứu hướng tới chuẩn quốc gia và khu vực, nhằm đáp ứng nhu cầu của người học,

tổ chức sử dụng lao động và sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học; nâng cao năng lực chuyên môn và đời sống vật chất tinh thần của giảng viên và viên chức trong Khoa.

Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh hiện là một trong các khoa lớn trực thuộc Học viện cả về quy mô sinh viên và số lượng cán bộ giảng dạy. Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý của khoa gồm 7 Phó giáo sư - tiến sĩ, 20 tiến sĩ được đào tạo ở các nước phát triển.

Hiện nay, Khoa đang đảm nhận 4 ngành đào tạo đại học gồm: Quản trị kinh doanh; Kinh doanh nông nghiệp; Kế toán; Quản lý và phát triển du lịch. Trong đó có ngành Kế toán có 2 chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp và Kế toán-kiểm toán. Ngành Quản trị kinh doanh gồm 3 chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, Quản trị Marketing và Quản trị tài chính. Khoa có 03 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ là Quản trị kinh doanh; Kế toán; Quản lý du lịch bền vững; 01 ngành Tiến sĩ Quản trị kinh doanh. Ngoài ra, khoa còn có Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh nông nghiệp tiên tiến.

Hàng năm, số lượng sinh viên nhập học của Khoa khoảng 500-1000 sinh viên chính quy, 70-160 học viên cao học. Sinh viên ra trường trên 90 % tìm được việc làm sau 6 tháng.

Cơ sở vật chất, thiết bị, phòng thực hành, thư viện, giáo trình: Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo của ngoài hệ thống giảng đường, thư viện, phương tiện hỗ trợ đào tạo của Học viện, Khoa còn có hệ thống thư viện chuyên ngành với nhiều đầu sách tham khảo chuyên sâu trong các lĩnh vực đào tạo, phòng hội thảo, seminar, phòng thực hành máy tính, máy chiếu và các phương tiện khác phục vụ đào tạo chuyên ngành.

Trong 5 năm trở lại đây khoa thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, tỉnh và hợp tác nghiên cứu với cơ quan nghiên cứu nước ngoài, bao gồm 9 đề tài cấp bộ, 6 đề tài cấp tỉnh, 5 đề tài song phương và hàng năm có từ 5-10 đề tài cấp Học viện. Kết quả thực hiện các đề tài tốt, đủ sản phẩm, đảm bảo đúng tiến độ, đúng qui định về tài chính, nghiệm thu đề tài đạt từ khá trở lên, kết quả nghiên cứu của các đề tài đều được đăng trên các tạp chí có uy tín trong nước và trên thế giới. Nhiều bài báo khoa học được công bố tại các tạp chí uy tín trong và ngoài nước.

Hợp tác nghiên cứu với nước ngoài tiêu biểu như Chương trình vùng cao (Upland program), dự án Việt Bỉ, dự án SPF (Quỹ Hòa Bình Nhật Bản) tập trung viết các tình huống phục vụ giảng dạy thạc sĩ Quản trị kinh doanh trong Khoa. Dự án Nghiên cứu tiêu dùng thực phẩm tại Việt Nam do bộ Nông nghiệp Đức tài trợ, dự án

ERASMUS+ LMPT trong việc thực hiện chương trình đào tạo thí điểm ngành Quản lý du lịch và phát triển bền vững (tuyển sinh năm 2019)...

Để phục vụ tốt cho giảng dạy và nghiên cứu, Khoa đã và đang mở rộng hệ thống liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu ở nhiều nước trên thế giới, như Nhật Bản, Đức, Trung Quốc, Thái Lan, Úc, Tây Ban Nha, Bỉ, Đài Loan...; hợp tác với các tổ chức quốc tế như Chương trình Phát triển của liên hiệp quốc (UNDP), Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), Quỹ quốc tế về phát triển nông nghiệp (IFAD), SEARCA, JICA, GTZ, UNDP, Ford Foundation, AIDA, SPF...,

1.2 CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO PHÉP MỞ CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo Ngành Tài chính – Ngân hàng được xây dựng dựa trên các căn cứ sau:

- Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;
- Nghị quyết 14/2005/NQ-CP ngày 2/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2010;
- Quyết định số 38/2009/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bảng danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;
- Nghị quyết 29-NQ/TW về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế được hội nghị trung ương 8 (Khóa XI) thông qua ngày 4/11/2013;
- Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam 2006-2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Quy chế đào tạo đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/09/2017 về việc ban hành quy chế Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Chiến lược phát triển của Học viện Nông nghiệp Việt Nam: Phát triển thành

trường đại học đa ngành trọng điểm quốc gia có uy tín quốc tế và trong nước;

- Căn cứ Quyết định số 1368/QĐ –HVN ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam (Học viện) về việc ban hành Quy định dạy và học đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Quyết định số 2790/QĐ-HVN ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định dạy và học đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Quyết định số 3563/QĐ-HVN ngày 12/11/2015 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

- Quyết định số 4298/QĐ-HVN ngày 31/12/2015 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

- Căn cứ vào chiến lược phát triển của Học viện và của Khoa

Chiến lược phát triển của Học viện Nông nghiệp Việt Nam: Phát triển thành trường đại học đa ngành trọng điểm quốc gia có uy tín quốc tế và trong nước.

Chiến lược phát triển chương trình đào tạo đại học và sau đại học của Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh đến năm 2025 dựa trên chiến lược của Học viện về nâng cao chất lượng đào tạo thông qua mở một số các chương trình đào tạo tiên tiến/chất lượng cao và của Bộ giáo dục và Đào tạo về đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục.

1.3 KẾT QUẢ KHẢO SÁT, PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ NHU CẦU VỀ NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH

Theo báo cáo của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), nhu cầu đào tạo mới nhân lực ngành Tài chính – Ngân hàng giai đoạn 2016 – 2020 của Việt Nam là trên 1,6 triệu người và đến năm 2020, tổng số nhân lực làm việc trong ngành Ngân hàng khoảng 300.000 người và có xu hướng tăng lên trong các năm tiếp theo. Bên cạnh đó, cuộc Cách mạng công nghệ 4.0 đặt ngành Ngân hàng trước thách thức lớn đó là khan hiếm nguồn nhân lực chất lượng cao – yếu tố quyết định đến sự thành công và cạnh tranh về nguồn lực chất lượng cao là yếu tố làm nên sự thành công trong hội nhập.

Trong mấy năm gần đây, các ngân hàng mỗi năm đều đẩy mạnh tuyển dụng để đáp ứng nhu cầu phát triển của thực tế. Nếu như trong năm 2018, số lượng tuyển mới là hơn 20.000 nhân lực thì năm 2019, con số đó tiếp tục tăng. Ngân hàng Nam Á từng tuyển khoảng 1.000 nhân sự mới ở nhiều vị trí, ngân hàng Techcombank tập trung

hiều ở các bộ phận kinh doanh. Trên chuyên mục tuyển dụng của ngân hàng Vietcombank cũng đăng tuyển dụng hàng loạt vị trí như chuyên viên kinh doanh, thanh toán thẻ quản lý nợ, quản lý bán vùng, phát triển kinh doanh ngân hàng điện tử... Các ngân hàng khác như VPBank, VietinBank, Sacombank... cũng có nhu cầu tuyển dụng trong ở nhiều vị trí khác nhau, với số lượng mỗi ngân hàng từ hàng chục đến hàng trăm nhân viên.

Ở Việt Nam, theo dự báo, năm 2020 - 2025, nhu cầu nhân lực cấp cao ngành tài chính ngân hàng tăng 20%/năm. Do đó, các cơ sở đào tạo không đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực thì lực lượng lao động chất lượng cao trong ngành sẽ thiếu trầm trọng. khảo sát tại các ngân hàng Việt Nam cho thấy, có 3 vị trí rất khó tuyển dụng hiện nay là quản trị rủi ro, quản lý và đầu tư. Nguồn nhân lực ngành ngân hàng hiện nay vẫn có một thực tế là vừa thiếu vừa yếu. Đặc biệt, khối kiến thức bổ trợ (công nghệ thông tin, ngoại ngữ) yếu; kiến thức ngành, giao tiếp hạn chế. Hầu hết các ngân hàng thương mại cổ phần quy mô trung bình trở xuống thiếu đội ngũ quản trị điều hành, lãnh đạo cấp chi nhánh, phòng giao dịch.

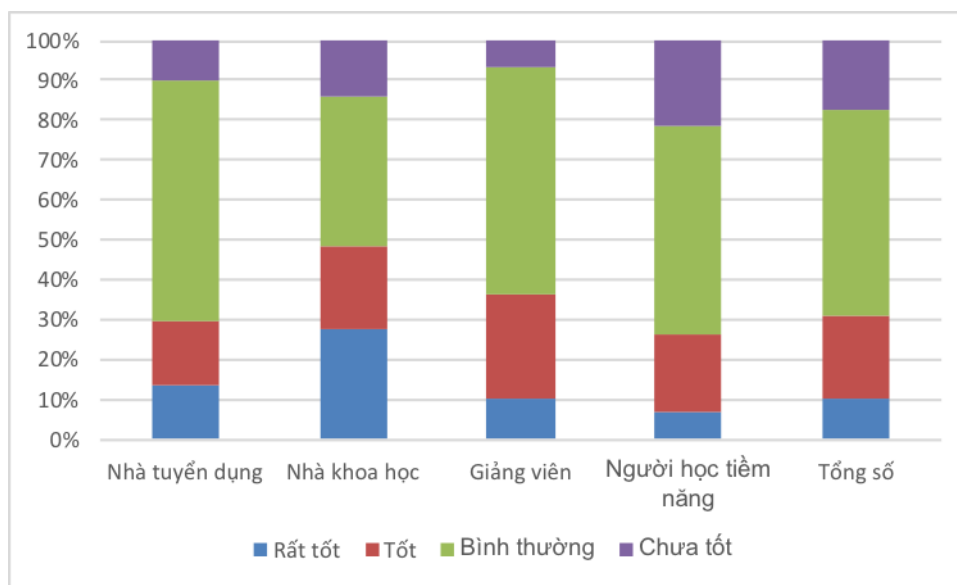
Tháng 7/2019, Ngân hàng Nhà nước đã ra Quyết định số 1537/QĐ-NHNN về việc Phê duyệt Ban hành Kế hoạch triển khai chiến lược phát triển nguồn nhân lực ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Kế hoạch tập trung vào các nội dung sau: (i) Xây dựng các tiêu chuẩn nghề nghiệp; (ii) Tăng cường hợp tác giữa đơn vị đào tạo và đơn vị sử dụng lao động trong ngành Ngân hàng; (iii) Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; (iv) Đào tạo lực lượng cán bộ nắm bắt được tiến bộ khoa học công nghệ và ứng dụng vào thực tiễn của Ngành; (v) Xây dựng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin tại các tổ chức tín dụng; (vi) Tăng cường hợp tác, tận dụng hỗ trợ, chuyển giao kỹ thuật, đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu từ các tổ chức quốc tế; (vii) Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Ngành đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Qua đó có thể thấy nhu cầu về nhân lực ngành Tài chính – Ngân hàng vẫn đang là vấn đề nóng, đặc biệt là với sự tác động của cuộc cách mạng công nghệ 4.0, đòi hỏi các cơ sở đào tạo, cơ quan quản lý, các nhà tuyển dụng cần phải tập trung trong vấn đề đào tạo, tuyển dụng, sử dụng và bồi dưỡng nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực này.

Để rút ngắn khoảng cách giữa đào tạo nguồn nhân lực của Học viện với yêu cầu của thị trường lao động, Học viện đã tiến hành điều tra nhu cầu đào tạo Tài chính – Ngân hàng của 30 giảng viên, 30 nhà khoa học, 30 nhà tuyển dụng tiềm năng có kinh nghiệm trong ngành và 150 người học tiềm năng về các vấn đề liên quan tới nhu cầu, vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng cần có của sinh viên theo học ngành Tài chính – Ngân hàng thông qua công cụ khảo sát là mẫu phiếu khảo sát lấy ý kiến, trong thời gian là tháng 6, tháng 7 năm 2019. Hình thức khảo sát là phỏng vấn trực tiếp các đối tượng ở các tỉnh miền Bắc và sử dụng hình thức điều tra online với người học tiềm năng. Mục tiêu của việc điều tra là xác định nhu cầu của thị trường lao động đối với các Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng, xác định được đơn vị, cơ quan, lĩnh vực, nơi làm việc và vị trí công tác tiềm năng của Tài chính – Ngân hàng. Trên cơ sở đó, làm căn cứ cho khoa ra quyết định xây dựng chương trình đào tạo Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng.

a. Đánh giá thực trạng chất lượng nhân lực trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng và nhu cầu đào tạo

Đánh giá chung về chất lượng nhân lực đang làm việc trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng được thể hiện qua kết quả được trình bày trên Biểu đồ 1.



Biểu đồ 1: Đánh giá chung về chất lượng nhân lực đang làm việc trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng

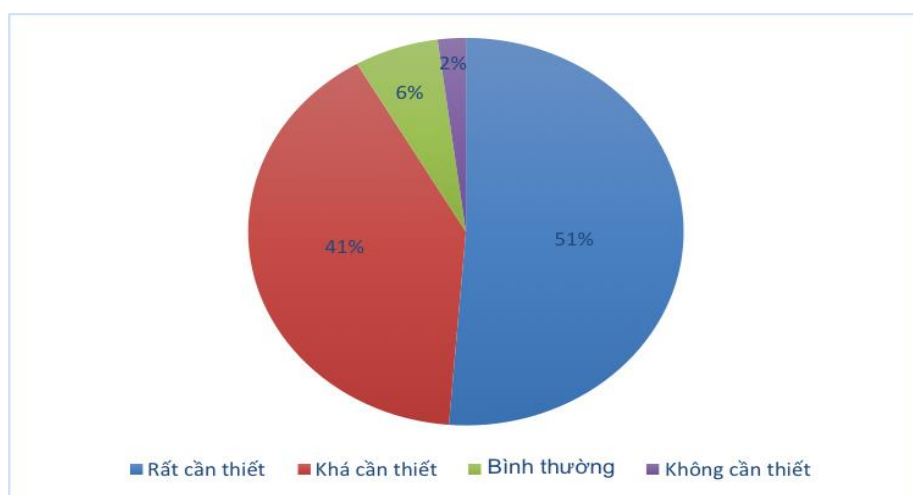
Theo biểu đồ 1, chất lượng nhân lực đang làm việc trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng hiện nay được đánh giá chủ yếu ở mức bình thường, tỷ lệ đánh giá chưa tốt

và tốt gần tương đương nhau. Mức độ này là thể hiện chất lượng nhân lực trong lĩnh vực này cần được cải thiện và bổ sung thêm nhiều kiến thức và kỹ năng cần có theo đặc thù của công việc.

Một tín hiệu rất tốt là, có 70% số người đại diện đơn vị tuyển dụng được hỏi cho biết họ có nhu cầu nhân sự Tài chính ngân hàng. Ở Việt Nam, ngành Tài chính – Ngân hàng đã và đang phát triển nhanh, Chính phủ đã quan tâm đến ngành này và có nhiều chính sách để phát triển Tài chính – Ngân hàng phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới.

b. Sự cần thiết xây dựng chương trình đào tạo Tài chính – Ngân hàng

Theo kết quả điều tra, có tới 89% số người được hỏi cho rằng cần có chương trình đào tạo về tài chính – ngân hàng. Điều này cho thấy tính cấp thiết trong việc xây dựng chương trình đào tạo này phục vụ nhu cầu xã hội.



Biểu đồ 2: Sự cần thiết xây dựng chương trình đào tạo Tài chính – Ngân hàng

c. Lĩnh vực và vị trí công việc của cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng

Theo những bên liên quan được khảo sát lấy ý kiến, thì vị trí công việc người được đào tạo có thể đảm nhận khá phong phú, đa dạng. Nhìn chung, ở tất cả các đơn vị và lĩnh vực hoạt động đều có xuất hiện các vị trí công việc liên quan đến ngành Tài chính – Ngân hàng, trong đó nơi làm việc chủ yếu tập trung các ngân hàng thương mại, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, các đơn vị quản lý nhà nước...



Biểu đồ 3: Lĩnh vực và công tác mà người được đào tạo về Tài chính – Ngân hàng có thể làm

d. Các lĩnh vực cần cử nhân về Tài chính – Ngân hàng

Kết quả khảo sát cho thấy ở Việt Nam, các cử nhân về Tài chính – Ngân hàng rất cần trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính, đơn vị công lập, kiểm toán, chứng khoán, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh ...

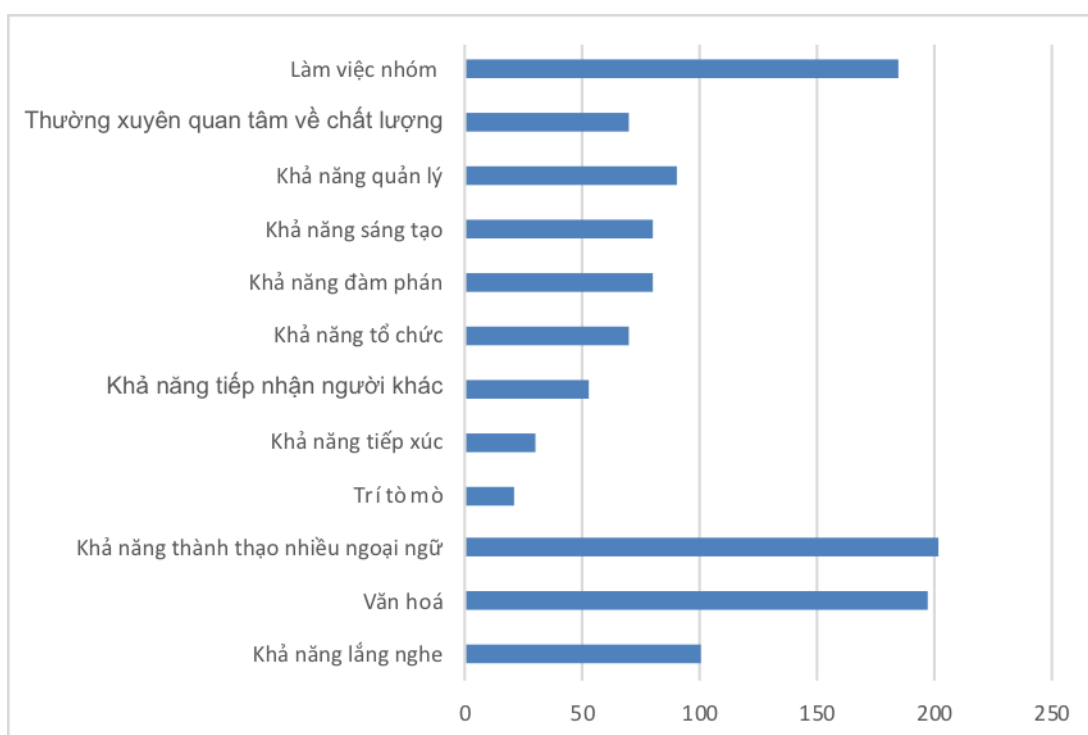
Ở Việt Nam, có rất nhiều mô hình hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng xuất hiện mới bắt kịp với xu hướng phát triển của thế giới như chứng khoán phái sinh, các dịch vụ tài chính, đặc biệt chú trọng đến tài chính cá nhân. Hầu hết các lĩnh vực này đang phát triển nhanh ở Việt Nam và cũng xuất hiện rất nhiều vấn đề đòi hỏi nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng của người làm việc.



Biểu đồ 4: Lĩnh vực cần cử nhân Tài chính – Ngân hàng

e. Các năng lực chung cần thiết cho một cử nhân Tài chính – Ngân hàng.

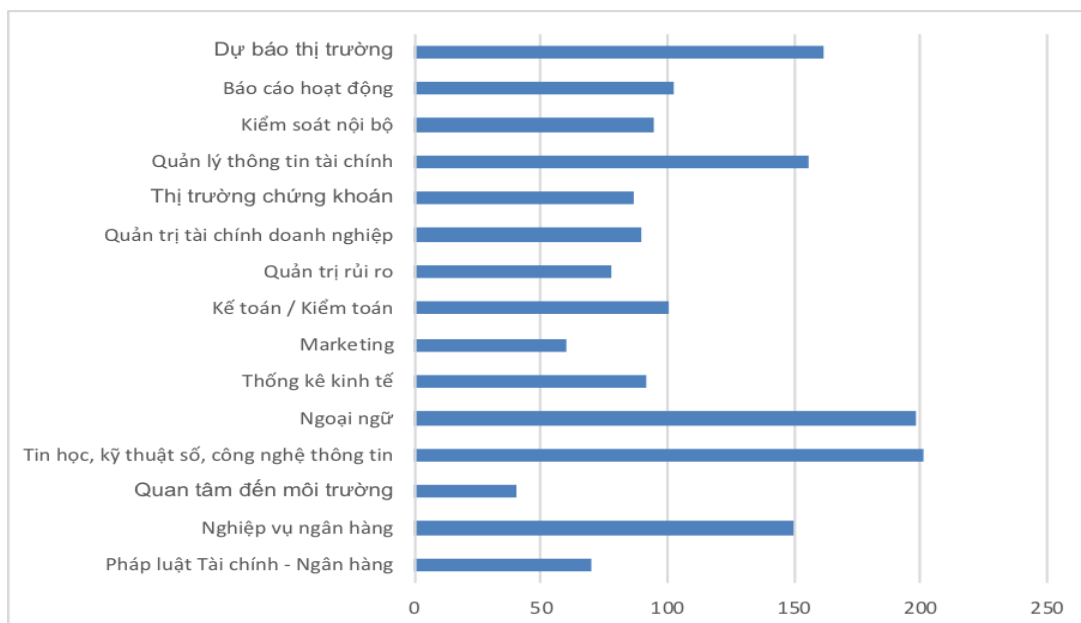
Kết quả khảo sát cũng cho thấy rằng điều quan trọng nhất mà các cử nhân Tài chính – Ngân hàng cần đạt được là khả năng giao tiếp bằng tiếng nước ngoài trôi chảy, đặc biệt là tiếng Anh, trong một số các đơn vị nước ngoài đặc thù đòi hỏi phải biết các ngoại ngữ khác như tiếng Trung, tiếng Nhật. Ngoài ra, có văn hoá, có khả năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức, đàm phán, quản lý cũng là những năng lực rất quan trọng đối với các cử nhân Tài chính – Ngân hàng. Những kết quả này là nền tảng quan trọng để phát triển chuẩn đầu ra (kết quả học tập mong đợi) cho chương trình đào tạo về Tài chính – Ngân hàng và phát triển các học phần của chương trình.



Biểu đồ 5: Các năng lực chung cần thiết cho cử nhân Tài chính – Ngân hàng

f. Các năng lực cụ thể cần thiết cho cử nhân Tài chính – Ngân hàng

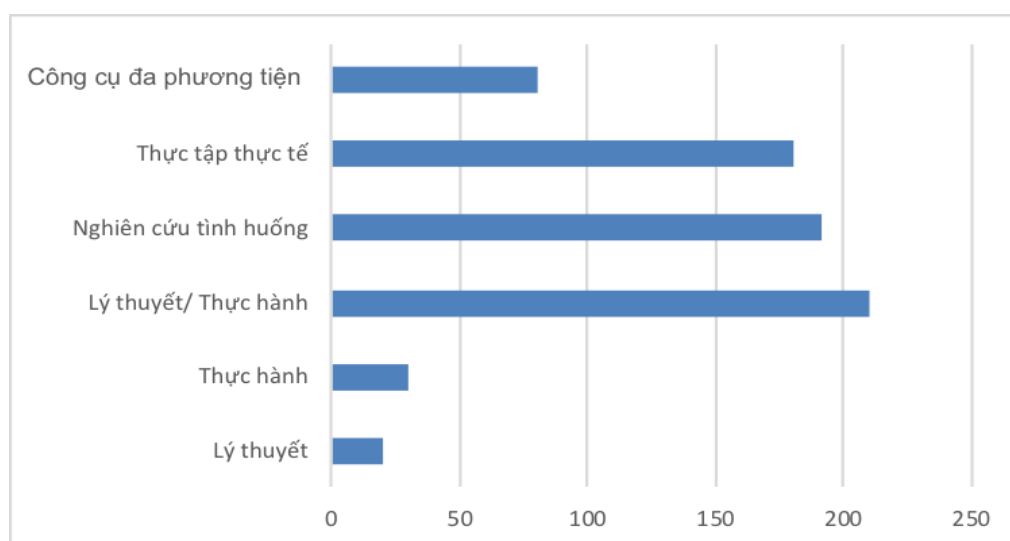
Các năng lực cụ thể mà các cử nhân Tài chính – Ngân hàng cần đạt được khá đa dạng, quan trọng nhất là ngoại ngữ, pháp luật Tài chính – Ngân hàng, quản lý thông tin tài chính, dự báo thị trường, tin học, nghiệp vụ ngân hàng, thống kê kinh tế... Có thể thấy, căn cứ vào từng lĩnh vực cụ thể, các cử nhân cần có các năng lực phù hợp



Biểu đồ 6: Các năng lực cụ thể cần thiết cho cử nhân Tài chính – Ngân hàng

g. Phương pháp đào tạo cần thiết đối với ngành Tài chính – Ngân hàng

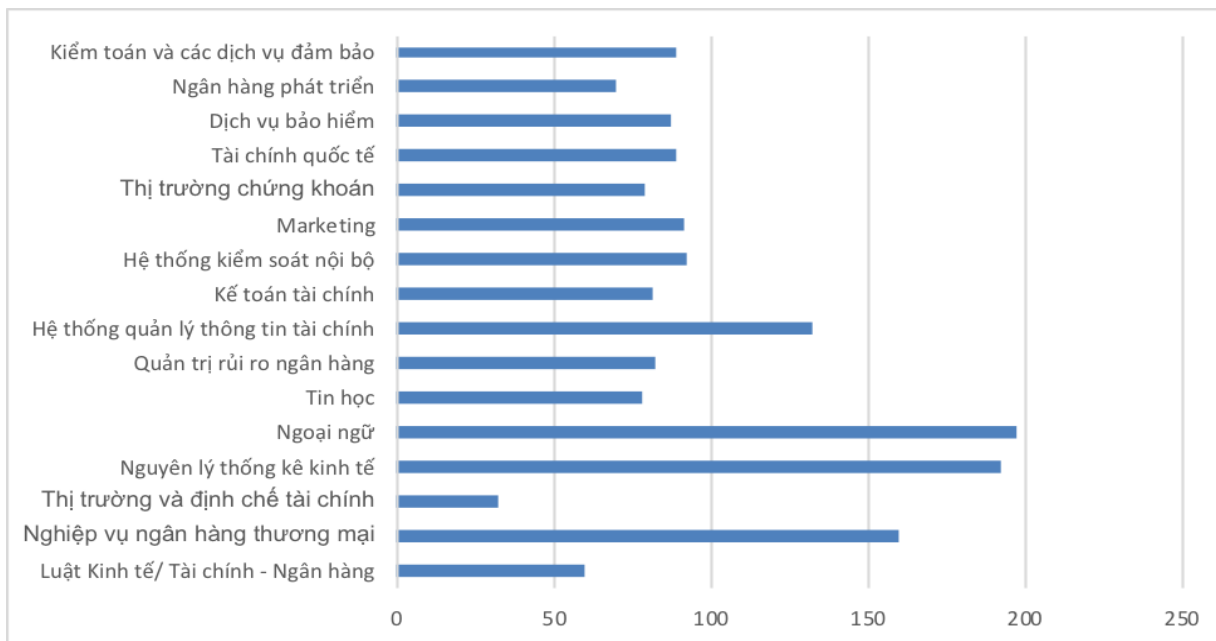
Theo những người được điều tra, để có được những năng lực chung và cụ thể như trên, các phương pháp dạy học nên tập trung vào việc kết hợp đào tạo lý thuyết với đào tạo thực tế, nghiên cứu trường hợp, thực tập tại các ngân hàng, công ty tài chính, quỹ tín dụng, hợp tác xã tín dụng, công ty kiểm toán, công ty chứng khoán, doanh nghiệp và các đơn vị công lập, kiểm toán, chứng khoán, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh ... Kết quả này rất quan trọng cho việc phát triển phương pháp đào tạo khi phát triển chương trình đào tạo Tài chính – Ngân hàng. Chương trình đào tạo cần được bổ sung thêm các học phần thực tế để tăng cường khả năng thực hành cho sinh viên.



Biểu đồ 7: Phương pháp đào tạo cần thiết đối với ngành Tài chính – Ngân hàng

h. Các khối kiến thức cần thiết được đề xuất

Để đạt được năng lực chủ yếu trên, người trả lời đề xuất các khối kiến thức chính trong chương trình đào tạo là ngoại ngữ, pháp luật tài chính – ngân hàng, nghiệp vụ ngân hàng thương mại, ngân hàng phát triển, kế toán tài chính, kiểm soát nội bộ, tài chính quốc tế, bảo hiểm, quản trị rủi ro ngân hàng, marketing... . Ngoại ngữ là một trong những học phần quan trọng để phù hợp với yêu cầu của nhà tuyển dụng. Đây là gợi ý quan trọng, làm nền tảng để chọn các học phần trong chương trình đào tạo.



Biểu đồ 8: Các khối kiến thức cần thiết được đề xuất

i. Nhu cầu và khả năng tiếp nhận sinh viên thực tập

Có 85% người trả lời nói rằng họ sẵn sàng tiếp nhận sinh viên đến thực tập, thực hành trong đơn vị/công ty của họ. Kết quả này rất quan trọng đối với nhóm phát triển chương trình đào tạo để có thể xem xét học phần thực tế trong chương trình đào tạo như thực tập nghề nghiệp hoặc các chuyến đi thực địa. Việc có cơ hội thực tập nhằm mục đích phát triển khả năng làm việc của sinh viên sau khi ra trường. Có 35% số người được hỏi cho biết họ có thể nhận sinh viên thực tập để thực tập, đào tạo để tìm kiếm nhân viên giỏi. Một số người trong số họ nhận sinh viên để thực tập dưới hình thức quan sát trong một khoảng thời gian mà thôi. Thời gian thực tập tốt nhất là từ 1 đến 3 tháng.

Từ kết quả khảo sát ta thấy, thực trạng đào tạo nguồn nhân lực về Tài chính – Ngân hàng là cần thiết, phù hợp với nhu cầu của xã hội. Đây cũng là phù hợp với thể

mạnh và định hướng phát triển của quốc gia phù hợp với xu hướng của thế giới. Kết quả khảo sát của Khoa Kế toán và QTKD với các tác nhân có liên quan đã cho thấy việc xây dựng ngành đào mới này thực sự là cần thiết. Đây là hướng đi đúng đắn của Học viện nông nghiệp Việt Nam, phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

Kết quả khảo là căn cứ quan trọng để nhóm soạn thảo chương trình của khoa Kế toán và QTKD xây dựng các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo gắn với các năng lực chung, năng lực chuyên môn nhằm đáp ứng nhu cầu công việc tại các đơn vị sau khi tốt nghiệp.

PHẦN 2. NĂNG LỰC CƠ SỞ ĐÀO TẠO KHOA KẾ TOÁN & QTKD HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

2.1 GIỚI THIỆU VỀ KHOA

Về lực lượng cán bộ hiện tại, Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh là khoa lớn của Học viện Nông nghiệp Việt Nam về quy mô sinh viên và đội ngũ cán bộ giảng dạy có chất lượng. Hiện nay Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh có 66 giảng viên, trong đó 7 Phó giáo sư - Tiến sỹ, 20 tiến sỹ, 18 giảng viên đang học tiến sỹ. Đáng chú ý là các giảng viên có nhiều giảng viên được đào trình độ Tiến sỹ, Thạc sỹ được đào tạo ở các nước có nền giáo dục tiên tiến, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên của Khoa. Các tiến sỹ, thạc sỹ được đào tạo trong nước đều là những giảng viên đã có kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu. Vì vậy, đội ngũ giảng viên của Khoa hoàn toàn có thể đảm nhận giảng dạy chương trình cử nhân Tài chính – Ngân hàng.

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như quy định Học viện tại Quyết định 340/QĐ-HVN, Quyết định số 4298/QĐ-HVN ngày 31/12/2015 của Giám đốc Học viện, đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu của chuyên ngành đào tạo trong khoa đáp ứng yêu cầu đào tạo, cụ thể:

- Có 10 giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sỹ và có 01 tiến sỹ ngành gần với ngành Tài chính – Ngân hàng. Các giảng viên đều có kinh nghiệm giảng dạy trình độ đại học trên 05 năm và có hơn 02 hai công trình khoa học thuộc lĩnh vực ngành Tài chính – Ngân hàng đã công bố trong 05 năm tính đến tháng 10/2018.

- Các giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu của khoa có hàng trăm công trình được công bố trên các tạp chí có phản biện độc lập, có uy tín trong và ngoài nước. Trong vòng 3 năm trở lại đây, trung bình mỗi năm có 25 công trình nghiên cứu được công bố.

- Khoa có nhiều kinh nghiệm và có khả năng xây dựng chương trình và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, như chương trình đào tạo thạc sỹ, tiến sỹ QTKD, chương trình tiên tiến QTKDNN, chương trình POHE, và 8 chương trình đào tạo đại học. Khoa cùng với Khoa Công nghệ Thực phẩm đã xây dựng và thực hiện đào tạo chương trình cử nhân Công nghệ và Kinh doanh thực phẩm. Các giảng viên của Khoa có nhiều kinh nghiệm trong việc hướng dẫn sinh viên thực tập tốt nghiệp đại học và cao học về các lĩnh vực của tài chính – ngân hàng như PGS. TS Trần Quang Trung, PGS.TS Lê Hữu Ảnh, PGS. TS Trần Hữu Cường, PGS. TS Đỗ Văn Viện v.v.

Bảng 1: Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo đại học ngành Tài chính- Ngân hàng

Số TT	Họ và tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nước cấp bằng	Ngành/ chuyên ngành đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Năm tham gia đào tạo ĐH	Thành tích khoa học (Số lượng đề tài, các bài báo)
Các cán bộ cơ hữu ngành đúng/ngành gần:						
1	Đỗ Quang Giám	PGS	Tiến Sỹ (2013), Thái Lan	Kinh tế tài chính	1996	Công bố 43 công trình khoa học (có 12 công trình bằng tiếng Anh), bao gồm: 5 giáo trình và sách tham khảo, 38 bài báo khoa học, trong đó có 9 bài báo về Tài chính. Chủ trì và tham gia 15 đề tài, dự án, trong đó có 02 đề tài NCKH về Tài chính; Đã hướng dẫn 11 học viên cao học về lĩnh vực Tài chính Ngân hàng
2	Trần Quang Trung	PGS	Tiến Sỹ (2013), Nhật Bản	Kế toán	2002	Công bố 23 công trình khoa học, bao gồm 5 sách giáo trình và tham khảo, 18 bài báo khoa học. Chủ trì và tham gia 9 đề tài, dự án.
3	Lê Thị Kim Sơn		Tiến Sỹ (2018), Cộng hoà Pháp	Kế toán kiểm toán/ Kế toán và Tài chính quốc tế/ Khoa học quản trị	2006	- Tốt nghiệp đại học ngành Kế toán kiểm toán. - Tốt nghiệp thạc sĩ ngành Kế toán và Tài chính quốc tế tại Vương quốc Anh. - Công bố 6 bài báo trong nước và quốc tế, trong đó có 1 bài báo về tài chính - Chủ nhiệm và tham gia 3 đề tài các cấp, trong đó có 2 đề tài về tài chính
4	Lê Thị Thanh Hảo		Thạc sỹ (2012) Vương quốc Bỉ	Kế toán/ Quản trị và kinh doanh quốc tế	2006	Chủ trì và tham gia 10 đề tài các cấp, trong đó có 6 đề tài về tài chính; Công bố 06 bài báo trong nước, trong đó có 3 bài báo về tài chính

Số TT	Họ và tên	Học hàm, năm phong	Học vị, năm tốt nghiệp, nước cấp bằng	Ngành/ chuyên ngành đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	Năm tham gia đào tạo ĐH	Thành tích khoa học (Số lượng đề tài, các bài báo)
5	Bùi Thị Hồng Nhung		ThS (2016) Vương quốc Anh	Kế toán/ Quản trị kinh doanh	2012	Chủ trì và tham gia 06 đề tài các cấp, trong đó có 01 đề tài về Ngân hàng; 05 đề tài về tài chính; Công bố 06 bài báo trong nước và quốc tế về đề tài tài chính
6	Nguyễn Thị Hương		Thạc sỹ (2014) Nhật Bản	Tài chính Ngân hàng/ Kinh tế nông nghiệp và nguồn lực	2014	Công bố 04 đề tài các cấp, trong đó 03 đề tài về tài chính; Công bố 06 bài báo trong nước và quốc tế về tài chính
7	Đào Thị Hoàng Anh		Thạc sỹ (2016) Nhật Bản	Tài chính Ngân hàng/ Kinh tế nông nghiệp và nguồn lực	2011	Chủ trì và tham gia 04 đề tài các cấp về lĩnh vực tài chính; Công bố 04 bài báo trong nước và quốc tế về đề tài tài chính
8	Đặng Thị Hải Yến		Thạc sỹ (2014) Nhật Bản	Tài chính Ngân hàng/ Kinh tế nông nghiệp và nguồn lực	2012	Chủ trì và tham gia 04 đề tài các cấp về lĩnh vực tài chính; Công bố 04 bài báo trong nước và quốc tế về đề tài tài chính
9	Bùi Thị Lâm		Thạc sỹ (2010) Việt Nam	Kế toán/ Quản trị kinh doanh	2009	04 đề tài các cấp về lĩnh vực tài chính; 04 bài báo trong nước và quốc tế về đề tài tài chính
10	Hoàng Sỹ Thính		Thạc sỹ (2012)	Kinh tế nông nghiệp/ Kinh doanh nông nghiệp	2009	07 đề tài các cấp về tài chính 06 bài báo về tài chính

2.2 HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Cán bộ giảng dạy trong Khoa Kế toán và QTKD đã và đang tham gia nhiều chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Học viện; liên kết với các trường đại học, viện nghiên cứu, các địa phương và các cơ quan Trung ương để thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu và chuyển giao, các dự án và chương trình phát triển trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và khu vực doanh nghiệp.

Các nghiên cứu tập trung vào các chính sách vĩ mô, các vấn đề lý luận và thực tiễn của quản trị và quản lý, quản trị kinh doanh, phát triển nông nghiệp và nông thôn; ngân hàng, tài chính, tín dụng nông thôn, tài chính vi mô, kế toán công, kinh tế sản xuất, marketing và marketing nông nghiệp; kinh tế hội nhập, kinh tế tài nguyên và môi trường, phát triển nông thôn, khuyến nông. Các đề tài, dự án khoa học và các công bố tiêu biểu gần đây thuộc 5 lĩnh vực nghiên cứu khoa học kinh tế và quản trị kinh doanh, trong đó có nhiều bài được viết bằng tiếng Anh công bố ở nước ngoài (bao gồm tạp chí chuyên ngành, kỷ yếu nghiên cứu khoa học, các Hội thảo quốc tế). Trong số hàng trăm đề tài, dự án khoa học được thực hiện thành công có nhiều dự án quốc tế.

Bảng 2: Các công trình công bố của giảng viên trong Khoa

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
1	Impacts of Credit Access on Agricultural Production and Rural Household's Welfares in Northern Mountains of Vietnam	Bùi Thị Lâm	Tạp chí Asian Social Science Số 7 năm 2019
2	Chính sách cổ tức của các công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HoSE)	Nguyễn Thị Hương, Lê Thị Thanh Hảo, Bùi Thị Lâm	Tạp chí Khoa học và Phát triển 2015, tập 13, số 7: 1212-1221
3	The impact of financial leverage on firm performance: A case study of listed oil and gas companies in England	Bùi Thị Hồng Nhung, Đặng Thị Hải Yến, Đào Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Hương	Tạp chí khoa học quốc tế : International Journal of Economic, commerce and Management, Vol. V, Issue 6, June 2017 ISSN 2348 0386

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
4	Relationship of credit and farm household incomes: A case study of Pig farming households, in Binh Luc, Ha Nam Province, Vietnam	Bùi Thị Hồng Nhung, Đặng Thị Hải Yến, Đào Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Hương	Tạp chí Công Thương, ISSN: 0866-7756
5	How social media marketing affects customer retention: a case study of Uber in London, United Kingdom	Bùi Thị Hồng Nhung, Đặng Thị Hải Yến, Đào Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Hương	Tạp chí khoa học quốc tế : International Journal of Economic, commerce and Management, Vol. VI, Issue 12, December 2018 ISSN 2348 0386
6	Relationship between working capital management and profitability: A case study of listed aquaculture companies in Vietnam	Bùi Thị Hồng Nhung, Đặng Thị Hải Yến, Đào Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Hương	International Journal of Economics, Commerce and Management, United Kingdom , Vol. 7, Issue 2, February 2019 ISSN 2348 0368
7	The impact of capital structure on firm performance - empirical evidence from listed food and beverage companies in Vietnam	Bùi Thị Hồng Nhung, Đặng Thị Hải Yến, Đào Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Hương	International Journal of Economics, Commerce and Management, United Kingdom , Vol. 7, Issue 2, February 2019 ISSN 2348 0368
8	Phân tích nguyên nhân ảnh hưởng tới nhu cầu tham gia bảo hiểm y tế của nông dân tỉnh Thái Bình	Lê Thị Thanh Hào	Bảo hiểm xã hội Việt Nam, 2014
9	Giải pháp thu hút nông dân Tỉnh Thái Bình tham gia bảo hiểm y tế hộ gia đình	Lê Thị Thanh Hào	Bảo hiểm xã hội Việt Nam, 2015
10	Huy động các khoản đóng góp của dân trong tài chính công cấp cơ sở ở nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng	Nguyễn Thị Hương, Kim Thị Dung	Tạp chí Khoa học và Phát triển: Tập 9, số 2: 308 – 316, 2011

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
11	Xây dựng mô hình bài toán vay vốn tín dụng gắn với dòng tiền thu chi trong hộ nông dân	Bùi Thị Lâm, Lê Hữu Ảnh	Tạp chí Khoa học và Phát triển, Tập 7 số 2/2009, trang 212 – 218.
12	Nghiên cứu quan hệ giữa dịch vụ công trong nông thôn và thu nhập của hộ nông dân	Bùi Thị Lâm, Lê Hữu Ảnh	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, Số 7/2011, trang 61 – 65.
13	Cointegration and Causality Among International Gold and ASEAN Emerging Stock Markets	Do Quang Giam and Sriboonchitta, S.	The Thailand Econometric Society, Vol.2(2)
14	Examining Volatility Spillover Effects Across International Gold Market and ASEAN Emerging Stock Markets	Do Quang Giam, Wiboonpongse, A., Sriwichailamphan, T.	The Thailand Econometric Society, Vol.2(2)
15	Khả năng tiếp cận tín dụng chính thức của hộ nông dân: Trường hợp nghiên cứu ở vùng cận ngoại thành Hà Nội	Nguyễn Quốc Oánh, Phạm Thị Mỹ Dung	Tạp chí Khoa học và phát triển, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội. Hà Nội, tập 8, số 1, tr.170-177.
16	Thị trường tài chính nông thôn Việt Nam dưới góc độ tiếp cận vốn tín dụng của hộ gia đình	Nguyễn Quốc Oánh, Phạm Thị Mỹ Dung	Tạp chí Kinh tế và phát triển, Trường đại học Kinh tế quốc dân. Hà Nội, tập 170, số 2, tháng 8/2011, tr.29-36.
17	Equitability in Access to Rural Public Services in Vietnam: An Outlook from the Red River Delta	Le Huu Anh, Do Quang Giam, Bui Thi Lam, Vu Ngoc Huyen and Tran Huu Cuong	International Business and Management, Vol. 2(1), 2011. pp. 209-218
18	Equitability in Access to Rural Public Services in Vietnam: An Outlook from the Red River Delta	Le Huu Anh, Do Quang Giam, Bui Thi Lam, Vu Ngoc Huyen and Tran Huu Cuong	International Business and Management, Vol. 2(1), 2011. pp. 209-218

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
19	Xác định thu nhập chịu thuế, miễn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập làm thêm giờ của giảng viên trường đại học, cao đẳng công lập	Bùi Bằng Đoàn	Tạp chí Kế toán và Kiểm toán. Số 09/2011
20	Tiếp cận tín dụng của các hộ chăn nuôi- Trường hợp nghiên cứu tại tỉnh Hải Dương	Lê Thị Minh Châu, Philippe Lebailly, Nguyễn Tuấn Sơn	Tạp chí Khoa học và phát triển, Tập 10, Số 7, 1050-1060
21	Access to credit of farm households in Hai Duong province-Vietnam	Lê Thị Minh Châu, Philippe Lebailly, Nguyễn Tuấn Sơn	Proceeding of the 3 th International Scientific Symposium “Agrosym Jahorina 2012”, 15-17November, 2012, Bosnia Herzegovina- p 605-610 (ISBN:978-99955-751-37)
22	Cost, return analysis and constraints in livestock production and marketing in Hai Duong, Vietnam.	Lê Thị Minh Châu, Philippe Lebailly, Nguyễn Tuấn Sơn	Proceeding of the 4 th International Scientific Symposium “Agrosym Jahorina 2013”, 3-6 October, Bosnia Herzegovina-p1194-1200(ISBN:978-99955-751-37)
23	Determinants of credit accessibility of animal production households in Hai Duong province, Vietnam.	Lê Thị Minh Châu, Philippe Lebailly, Nguyễn Tuấn Sơn	Proceeding of the 5 th European Association of Agricultural Economists- 29 -31 May, 2013, Leuven, Belgium.
24	Nghiên cứu áp dụng mô hình định giá tương đối với các doanh nghiệp niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Hoàng Giang, Bùi Thị Hồng Nhung	Tạp chí khoa học và Phát triển, Học viện Nông nghiệp Việt Nam 2014, tập 12, số 3: 446-455
25	The involvment of governments in the development of agriculture insurance	Nguyen Dang Tung, Le Huu Anh, Nguyen Quoc Oanh	International Journal of Economics, Commerce and Management. United Kingdom. Vol. III, Issue 6, June 2015. ISSN 2348-0386

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
26	Vận dụng phương pháp san bằng mũ để dự báo doanh thu cho doanh nghiệp ngành thép Việt Nam	Nguyễn Quốc Oánh, Lê Thanh Hà, Đỗ Quang Giám	Tạp chí Khoa học và Phát triển 2014, tập 12, số 2: 205-213
27	Sở giao dịch nông sản ở Việt Nam: tiện ích và những hỗ trợ từ phía Nhà nước	Ngô Thị Thu Hằng, Mai Lan Phương, Nguyễn Thị Minh Hiền	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế - số 6 (433) – 06-2014
28	Access to credit and constraints to production and marketing of animal producing households in Hai Duong province, Vietnam	Le Thi Minh Chau, Philippe Lebailly, Nguyen Tuan Son	Groupe de Recherches Asie de l'Est et du Sud Est.Centre d'Etudes du Développement, UCL, Louvain la Neuve, Belgium
29	Rural Finance and Credit access in South-Eastern Bosnia and Herzegovina	Sinisa Belrjan, Hamid El Bilall, Borko Sorajic, Lê Thị Minh Châu, Nouredin Driouech, Huanita Milutinovic	Journal “Agriculture and Forestry” ISSN 1800-9492
30	Enhancing formal credit accessibility of pig production households in Thai Binh Province, Vietnam	Nguyen Dang Tung, Le Thi Huyen	International Journal of Economics, Commerce and Management Vol. III, Issue 4, April 2015
31	Risk analysis: Case study for coffee growers in the central highland area (Tay Nguyen), Vietnam.	Hoàng Sỹ Thính, Nguyễn Thị Hương	International Journal of Economics, Commerce and Management, Vol. 3, No. 8: 194-212, 2015
32	Thực trạng vay và sử dụng vốn vay ưu đãi của sinh viên Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Lê Thị Thanh Hảo	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp (2019)

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
33	Yếu tố ảnh hưởng tới quyết định vay vốn và hiệu quả sử dụng vốn vay ưu đãi của sinh viên Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Lê Thị Thanh Hảo	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp (2019)
34	Synthesis reports: proposals for a public- private agricultural risk management system in Vietnam and coffee insurance model in central highlands. 2015. Vietnam. (Languages: English and Vietnamese;)	Nguyễn Thị Hương, Hoàng Sỹ Thỉnh	The Spanish Agency for International Cooperation and Development (AECID) and Ministry of Agriculture and Rural Development (MARD).
35	Households' Perception of Risk Management Strategies in Pig Production in Vietnam - A Case Study of Quynh Phu District, Thai Binh Province.	Nguyễn Thị Hương	Japanese Journal of Farm Management, Vol.53, No. 4: 90-95, 2016. Japan
36	Households' Perception of Risk Management Strategies in Pig Production in Vietnam: A Case Study of Quynh Phu District, Thai Binh Province	Nguyễn Thị Hương	The Japanese Journal of Rural Economics, vol. 17: 58-63. Nhật Bản, 2015
37	Tiềm năng và giải pháp phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Phú Thọ	Kim Thị Dung, Lê Thị Thanh Thủy, Đinh Văn Dẫn, Trần Đức Trí	Tạp chí Kinh tế Phát triển, Số 195(III), tr.27
38	Nghiên cứu sự hài lòng của du khách nội địa về chất lượng dịch vụ du lịch tại làng cổ Đường Lâm	Lê Thị Tuyết, Nguyễn Anh Tru, Vũ Thị Hằng Nga, Trần Hữu Cường	Khoa học và phát triển 2014, tập 12, số 4: 620-634
39	Thực trạng du lịch nông thôn Ninh Bình nhìn từ góc độ chi	Vũ Văn Tám, Lê Hữu Ảnh	Tạp chí Khoa học và Kỹ thuật nông nghiệp, 2006

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	tiêu của du khách		
40	Thừa Thiên _ Huế cần làm gì để phát triển du lịch sinh thái?	Nguyễn Quyết Thắng, Lê Hữu Ảnh	Tạp chí Du lịch Việt Nam, Số 9/2011, trang 24-26
41	Phát triển du lịch sinh thái vùng du lịch Bắc Trung Bộ: thực trạng và giải pháp	Nguyễn Quyết Thắng, Lê Hữu Ảnh	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 2/2012, trang 47-58.
42	Nghiên cứu một số nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch sinh thái của du khách tại vùng du lịch Bắc Trung Bộ	Nguyễn Quyết Thắng, Lê Hữu Ảnh	Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 175 (II) 1/2012, trang 46-53.
43	Phát triển du lịch cộng đồng ở tỉnh Phú Thọ: Thực trạng và giải pháp	Kim Thị Dung, Lê Thị Thanh Thủy	Tạp chí khoa học và phát triển, Trường Đại học nông nghiệp Hà Nội, 2014
44	Tiềm năng và giải pháp phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Phú Thọ	Kim Thị Dung, Lê Thị Thanh Thủy	Tạp chí kinh tế và phát triển, Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội, 2013
45	Một số vấn đề lý luận về phát triển du lịch cộng đồng ở nông thôn	Kim Thị Dung, Lê Thị Thanh Thủy	Tạp chí kinh tế và phát triển, Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội, 2011
46	Tiềm năng và giải pháp phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Phú Thọ	Kim Thị Dung, Lê Thị Thanh Thủy	Tạp chí kinh tế và phát triển, Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội, 2013, số 195(II)
47	Nghiên cứu phát triển sản phẩm du lịch tại Khu di tích lịch sử Đền Hùng, tỉnh Phú Thọ. (QTKD)	Bùi Bằng Đoàn, Phùng Thị Hoa Lê	Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2013
48	Risk and Risk Premium on International Tourism Receipts of Asia and The Pacific Region	Đỗ Quang Giám và cs	International journal of research, Vol. 14 (13), p 427-437
49	Effects of international gold market on stock exchange	Do Quang Giam	Economics Bulletin, Vol 29, Issue 2

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	volatility: evidence from Asean emerging stock markets		
50	Dairy cattle development and environmental consequences and technical control options in Hanoi, North of Vietnam	Nguyen Quoc Chinh	IDIC. International Development Research Center, No. 2005-RR6
51	The Analysis of Investment Climate in Argriculture in Hanoi province, Vietnam	Tran Huu Cuong, Bui Thi Nga	ISSAAS international congress 2009 (Argriculture for better living and Global economy)
52	Measuring the Impact of the Investment Climate on Total Factor Productivity (TFP) in Argriculture Sector: The Case of Hanoi, Vietnam	Tran Quang Trung, Tran Huu Cuong	ISSAAS international congress 2009 (Argriculture for better living and Global economy)
53	Đào tạo bồi dưỡng cán bộ nông nghiệp, nông thôn – Đổi mới nhận thức và kiến nghị giải pháp	Lê Hữu Ảnh	Hội thảo "Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý nông nghiệp và phát triển nông thôn" 4-2010
54	The Analysis of Investment Climate in Agriculture in Hanoi, Vietnam	Tran Huu Cuong, Bui Thi Nga	ISSAAS 2009. International Congress on Agriculture for better living and global economy. Pattaya, Thailand, January 11-15, 2010.
55	Một số giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư vào nông nghiệp của Hà Nội. Some Measures to improve the Investment climate in the agricultural Sector of Hanoi	Chu Thị Kim Loan, Trần Hữu Cường, Nguyễn Hùng Anh	Tạp chí Khoa học và Phát triển. Hanoi University of Agriculture. Tập 8, số 3-2010. ISSN: 1859-0004.
56	Đánh giá môi trường đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp – Góc nhìn từ phía các đơn vị sản xuất kinh doanh	Chu Thị Kim Loan, Trần Hữu Cường, Nguyễn Hùng Anh	Tạp chí Khoa học và Phát triển, Tập 8 số 1- 2010. Trang 157.

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
57	An analysis of the investment climate in agriculture in Hanoi Province, Vietnam	Tran Huu Cuong, Bui Thi Nga	Journal of International Society for Southeast Asian Agricultural Sciences (J. ISSAAS), 2010, Vol.16, No.2: 26-38
58	Investment climate in Agriculture of Hanoi, Vietnam	Tran Huu Cuong, Bui Thi Nga	Labor and Social Publishing House. (Book), 215p
59	Competitive Capacity of Urea Product of Ha Bac Urea and Chemical Company Limited	Nguyen Anh Tru, Dinh Thi Thu, Le Thi Kim Oanh	Journal of Science and Development. Vol.8, English issue No 2, 2010. Hanoi University of Agriculture, pp. 237-243.
60	Chính sách kinh tế vĩ mô với nông nghiệp, nông thôn - Tác động, hạn chế và một số đề xuất	Nguyễn Quốc Oánh, Phạm Thị Mỹ Dung	Kỷ yếu hội thảo quốc tế Chính sách tiền tệ phối hợp với các chính sách kinh tế vĩ mô khác trong điều kiện kinh tế thế giới biến động. Hà Nội,
61	Nghiên cứu biện pháp ứng phó của doanh nghiệp dệt may trên địa bàn thành phố Thái Bình trong suy thoái kinh tế	Nguyễn Quốc Chính, Đồng Đạo Dũng	Tạp chí Kinh tế và Phát triển. Số tháng 7/2011. Trang 92-100
62	Thừa Thiên _ Huế cần làm gì để phát triển du lịch sinh thái?	Nguyễn Quyết Thắng, Lê Hữu Ảnh	Tạp chí Du lịch Việt Nam, Số 9/2011, trang 24-26
63	Đề xuất mô hình quản lý nhà nước cấp cơ sở đối với nông nghiệp và phát triển nông thôn	Bùi Bằng Đoàn	Nghiên cứu kinh tế, Viện kinh tế Việt Nam -Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Số 10-2011
64	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp	Chu Thị Kim Loan, Nguyễn Hùng Anh, Trần Hữu Cường	Tạp chí Khoa học và Phát triển. Đại học Nông nghiệp Hà Nội. Tập 9, số 3-2011.
65	Phân tích chuỗi giá trị thủy sản	Trần Hữu Cường, Nguyễn Thúy Vinh	Tạp chí Kế toán và Kiểm toán. Số 09/2011 (96). ISSN 1859-1914.
66	Phân tích lợi ích của các tác nhân trên chuỗi giá trị sữa bò tươi ở Việt Nam	Trần Hữu Cường, Bùi Thị Nga.	Tạp chí Kinh tế và Phát triển. Số 169 (II). Tháng 7/2011. ISSN: 1859-0012.

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
67	Effectiveness of biological geotextiles for soil and water conservation in different argo-environments.	R. Bhattacharyya, Trần Hữu Cường, etc	The paper Land Degradation & Development. 22: 495-504 (2011).
68	Khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nông thôn Việt Nam trong bối cảnh hội nhập	Trần Hữu Cường, Chu. T.K. Loan. Ng. H. Anh, Bui. T. Nga.	Sách tham khảo. NXB Lao động – Xã hội. Hà Nội -2011.
69	Vertical Linkages in Production and Distribution of Export Vegetables. A Case Study in Luc Nam District, Bac Giang Province	Tran Huu Cuong, Ng. A. Tru, Dang T. K. Hoa, Ng. V. Phuong, Do T. M. Hanh	A Social Science Review- No.67, Sep. 2011. ISSN 0868-359X.
70	An Analysis of the Value Chain of Fresh Milk in the North of Vietnam. Journal of Vietnam's Socio-Economic Development	Bùi Thị Nga, Trần Hữu Cường, Philippe Lebailly	A Social Sciene Review- No.68, December 2011. ISSN 0868-359X.
71	Empirical Analysis on Factors of Enterprise Competitiveness: A case study for Small and Medium-sized Enterprises in Northern Rural Areas of Vietnam	Tran Huu Cuong, Ng. H. Anh, Chu T.K. Loan	Journal of International Business and Management. CSCanada. Vol.3, No.2, 2011, pp.128-132. DOI:10.3968/j.ibm.1923820110302.035
72	An Analysis the Value chain of Fresh milk in the North of Vietnam- A case study in Son La	Tran Huu Cuong, Bui Thi Nga, Philippe Lebailly	Seventh ASAE (Asian Society of Agricultural Economists) conference, Hanoi, 2011.
73	Khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nông thôn miền Bắc Việt nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế	Nguyễn Hùng Anh, Chu Thị Kim Loan và cộng sự	Tạp chí Khoa học và Phát triển. Tập 9, số 4.

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
74	Utilising biological geotextiles : Introduction to the borassus project and global perspectives.	M. A. Fullen, Trần Hữu Cường	The paper Land Degradation & Development. 22: 453-462 (2011)
75	The effect of external factors on SMEs financial performance	Nguyen Hai Nui	The 1st ASEAN+C Symposium on Business Management Research
76	Kế toán và vấn đề ra quyết định của doanh nghiệp	Nguyễn Hải Núi, Nguyễn Quốc Chính, Lê Thị Kim Oanh	Tạp chí Kế toán & kiểm toán. Số 09/2011. P.21-22, 43. ISSN: 1859-1914
77	Competitiveness of Medium and Small Enterprises in Rural Vietnam in the Era of Integration	Tran Huu Cuong, Chu Thi Kim Loan, Nguyen Hung Anh, Bui Thi Nga	Labor and Social Publishing House (Book), 198p, 2011
78	Hình thức hợp đồng sản xuất giữa doanh nghiệp với hộ nông dân – trường hợp nghiên cứu trong sản xuất chè và mía đường ở Sơn La	Lê Hữu Ảnh, Nguyễn Quốc Oánh, Nguyễn Duy Linh, Hoàng Thị Hà, Lê Phương Nam	Tạp chí Khoa học và Phát triển, Tập 9 Số 6/2011, trang 1032-1040
79	Phát triển du lịch sinh thái vùng du lịch Bắc Trung Bộ: thực trạng và giải pháp	Nguyễn Quyết Thắng, Lê Hữu Ảnh	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số 2/2012, trang 47-58
80	Nghiên cứu một số nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch sinh thái của du khách tại vùng du lịch Bắc Trung Bộ	Nguyễn Quyết Thắng, Lê Hữu Ảnh	Tạp chí Kinh tế và Phát triển số 175 (II) 1/2012, trang 46-53
81	Nhìn lại nửa thế kỷ đào tạo tại Đại học Nông nghiệp Hà nội – tinh thần lý luận tinh hoa, thực tiễn sáng tạo và	Lê Hữu Ảnh	Kỷ yếu Hội thảo Đào tạo cán bộ có trình độ đại học ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn – nửa thế kỷ nhìn lại của Trường Đại học Nông nghiệp Hà

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	trách nhiệm với lịch sử nông nghiệp Việt Nam		Nội. Hà Nội, ngày 24/12/2012
82	Vận dụng tiếp cận ABM vào quản trị chi phí, hạ giá thành sản phẩm tại Tổng Công ty Giấy Việt Nam	Ngô Thị Thu Hằng, Đỗ Quang Giám, Ngô Quang Hưng	Tạp chí Kế toán Kiểm toán, Số 11/2012
83	Tăng cường tự chủ tài chính để tiến tới giảm dần cơ chế “xin cho” đối với các trường đại học, cao đẳng công lập	Bùi Bằng Đoàn	Tạp chí Kế toán & Kiểm toán số 10/2012
84	Linkages in production and distribution of exported vegetables: Perspectives of farmers and firms in Luc Nam district, Bac Giang province, Vietnam	Nguyen Anh Tru, Do Thi My Hanh, Dang Thi Kim Hoa, Nguyen Van Phuong, Tran Huu Cuong	ISSAAS Vol. No. 1, 2012.
85	Freshwater aquaculture's contribution to food security in Vietnam: A case study of freshwater tilapia aquaculture in Hai Duong province	Nguyen Van Huong, Tran Huu Cuong	ISSAAS. Vol. 18, No. 1, 2012.
86	Milk Production and Marketing in Small Holder Dairy in the Northern Area of Vietnam: A case Study in Phu Dong. Vietnam's Socio-Economic Development	Bui Thi Nga, Tran Huu Cuong, Luong Thi Thu Ha, Philippe Lebailly	A Social Science Review-No. 71, Sep. 2012. Vietnam Institute of Economics – Vietnamese Academy of Social Sciences. ISSN 0868-359X
87	Agro-Enterprise Performance and Rural Investment Climate: Evidence from the North of Vietnam	Trần Quang Trung; Keisiro Itagaki	International Business and Management, Vol. 5, (2): 28-36
88	Development of retail market as key incentive to promote	Tran Huu Cuong, Do Thi My Hanh,	International Conference of Upland Programme. Stuttgart, Germany, 4/2012.

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	the indigenous pig production in Vietnam	Van Phuong Nguyen, André Markemann, Anne Valle Zarate, Marcus Mergenthaler, Le Thi Thuy.	
89	Effects of Vietnamese rice Price Control Policy on Competition with Thailand	Pham Thi Huong Diu, Harald von Witzke	Tropentag 9/2012
90	Dairy milk production in the North of Vietnam: A case study in Moc Chau	Bui Thi Nga, Tran Huu Cuong, Philippe Lebailly	International Journal of Advance in Management, Technology and Engineering Sciences journal, ISSN 2249-7455, Vol. II, Issue 3 (II), India
91	Nghiên cứu giải pháp tăng cường kết nối sản xuất với thị trường của hộ nông dân các tỉnh vùng trung du miền núi Đông Bắc	Bùi Bằng Đoàn, Bùi Thị Mai Linh	Nghiên cứu kinh tế, Viện kinh tế Việt Nam- Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Số 02/2013
92	Some theorical Issues on Aqua-cultural Value Chain Analysis	Nguyễn Thị Thúy Vinh, Trần Hữu Cường, Dương Văn Hiểu	Journal of Science and Development. Hanoi University of Agriculture. Vol.11, No.1, 2013.
93	Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về phát triển nông nghiệp bền vững và những bài học cho sự phát triển nông nghiệp ở Campuchia	Serey Mardy, Nguyễn Phúc Thọ, Chu Thị Kim Loan	Khoa học và phát triển, Tập 11, số 3 - 2013, trang 439 – 446
94	Thực trạng phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Sray Rieng, Campuchia	Serey Mardy, Nguyễn Phúc Thọ, Chu Thị Kim Loan	Kinh tế Châu Á, Thái Bình Dương, Số 413, tháng 11, trang 33 – 41
95	Giải pháp nâng cao hoạt động	Dương Thị Hoa,	Tạp chú KHKT - Mỏ Địa Chất, Số

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	dịch vụ cho sinh viên trong trường đại học	Vũ Thị Hằng Nga	44/7/2013
96	Tác động của các mô hình kết nối nông dân với thị trường đến thu nhập của hộ chăn nuôi heo thịt ở khu vực trung du miền núi Đông Bắc	Đỗ Quang Giám, Trần Quang Trung	Tạp chí Phát triển kinh tế, Số 273:51-62, 2013
97	Đánh giá khả năng tham gia sản xuất theo hợp đồng của hộ nông dân vùng trung du miền núi đông Bắc: Nghiên cứu với cây chè ở tỉnh Tuyên Quang	Đỗ Quang Giám, Trần Quang Trung	Tạp chí Khoa học và Phát triển, tập 11, số 3: 447-457, 2013
98	Tình hình thu hút đầu tư tại Hưng Yên thời gian qua: Thực trạng và giải pháp	Đỗ Minh Trí; Bùi Bằng Đoàn	Tạp chí nghiên cứu kinh tế, số 9-58
99	Liên kết sản xuất trong nông nghiệp tại các tỉnh miền núi phía Bắc- Nhận diện bản chất và định hướng giải quyết	Lê Hữu Ảnh	Mô hình tổ chức sản xuất, quản lý mới trong nông nghiệp, nông thôn , UB kinh tế Quốc hội, Bộ NÔNG NGHIỆP-PTNT; Hội nông dân Việt Nam, Cần Thơ 4-5/9/2013.
100	Nông nghiệp Việt Nam: Những thách thức và một số định hướng cho phát triển bền vững	Đỗ Kim Chung, Kim Thị Dung	Tạp chí Kinh tế Phát triển, Số 196, tr.28
101	Practices and Opinions of farmers on household bookkeeping: A case study in Lam Thao district, Phu Tho province, Socialist Republic of Vietnam	Nguyễn Thị Trang Nhung, Chaichain Wongsamun	KhonKaen University Research Journal of Humanities and social science, Volume 1, No.3 September – December – 2013
102	Market information access capability of rural farmer in	Le Van Cuong, Ngo Thi Thuan,	Greener Journal of Business and Management Studies, ISSN: 2276-7827

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	Nga Son, Thanh Hoa, Vietnam.	Nguyen Hung Anh	Vol. 3 (6), pp. 292-297
103	Strengthening Rural Investment Climate and the Government's Effort in Northern Vietnam	Tran Quang Trung, Keisiro Itagaki	Greener Journal of Business and Management Studies, Vol. 3 (5): 207-223, July 2013
104	Thực trạng tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện ở thành phố Hà Tĩnh	Chu Thị Kim Loan và Nguyễn Hồng Ban	Tạp chí Khoa học và Phát triển 2013, tập 11, số 1: 115-124
105	Áp dụng hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế: Những Lợi ích và hạn chế- Bằng chứng từ Chuẩn mực kế toán quốc tế số 39	Lê Thị Kim Sơn, Đỗ Quang Giám	Tạp chí Nghiên cứu Khoa học kiểm toán, Số 3/2013
106	Tác động của Hệ thống thông tin Kế toán đến mức độ tồn tại của gian lận và sai sót trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Hà Nội.	Ngô Thị Thu Hằng, Lê Thị Kim Sơn, Nguyễn Thị Thùy Dung	Tạp chí Khoa học và Phát triển – Số tháng 7/2013.
107	Khoảng cách giữa kỳ vọng của Nhà quản lý với năng lực thực tế của kế toán : lý giải và đề xuất	Ngô Thị Thu Hằng	Báo Kiểm toán cuối tháng – Số 12/tháng 6/2013
108	Công khai thông tin kế toán : Áp lực và sự ngập ngừng	Ngô Thị Thu Hằng	Báo Kiểm toán cuối tháng – Số 08/tháng 2/2013
109	Tác động của suy thoái kinh tế đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ở một số tỉnh phía Bắc	Nguyễn Quốc Chinh, Nguyễn Hải Núi	Tạp chí Khoa Học và Phát Triển, số 2, 2013
110	Cost monitoring to promote the value chain of fresh milk in North of Vietnam	Bui Thi Nga, Tran Huu Cuong, Philippe Lebailly	University of Liege- Gembloux Agro Bio Tech, Gembloux, Belgium.
111	Production and marketing	Nguyen Hung	International Business and Management

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	constraints of dairy farmers in Son La milk value chain, Vietnam	Anh, Tran Huu Cuong, Bui Thi Nga	journal, ISSN: 1923-841X, Vol. 6, No. 1, Canada
112	Kết nối sản xuất của hộ nông dân với thị trường ở khu vực trung du miền núi Đông Bắc	Đỗ Quang Giám, Trần Hữu Cường	Kỷ yếu “Kết quả nghiên cứu khoa học-Khoa Kế toán & QTKD 2007- 2012”-NXB Chính trị Quốc gia-Sự thật Hà Nội
113	Effects of Socio-economic and Demographic Variables on Meat Consumption in Vietnam	Nguyen Van Phuong, Tran Huu Cuong, Macus Mergenthaler	Asian Journal of Agriculture and Rural Development, 4(1)2014: 972-987.
114	Saving strategies of rural households in eastern Bosnia.	Sinisa Berjan, Lê Thị Minh Châu and Hamid El Bilali	Book of Abstracts. The 19 th Scientific Conference of Agronomists of Republic of Srpska, 26-29 March 2014, Trebinje, Bosnia and Herzegovina, p 288. (ISBN: 978-99938-93-27-1)
115	Effects of temporary migration on rural households in the Red River Delta of Vietnam	Nguyen Thi Thuy, F. Takanashi, K. Tsuji, I. Iwamoto	Agriculture Marketing Journal of Japan, Vol.22 (4), March 2014
116	Effects of temporary migration on agricultural production in the Red River Delta of Vietnam	Nguyen Thi Thuy, Nguyen Duy Linh, Izumi Iwamoto	Food, Agricultural and Resource Economics Journal of Japan, Vol.65 (1), April 2014
117	Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nhằm tăng cường thu hút đầu tư ở tỉnh Hưng Yên	Đỗ Minh Trí, Bùi Bằng Đoàn	Tạp chí Khoa học và Phát triển, Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Tập 12, số 5-2014.
118	Bàn về kế toán chi phí xử lý nước thải công nghiệp theo các mô hình trong các doanh nghiệp	Bùi Thị Phúc	Tạp chí kế toán & kiểm toán, Số 10/2014 (133)

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
119	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng với chất lượng dịch vụ - Nghiên cứu tại Công ty Bảo hiểm BIDV Hải Dương	Chu Thị Kim Loan	Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 206, trang 61-68
120	Rào cản kỹ thuật của Mỹ đối với tôm và các da trơn xuất khẩu của Việt Nam	Hoàng Thu Hiền, Nguyễn Tuấn Sơn và Chu Thị Kim Loan	Tạp chí Khoa học và Phát triển 2014, tập 12, số 6: 869-876
121	Thực trạng nguồn lực ở khu vực nông thôn Việt nam	Chu Thị Kim Loan và Đỗ Thị Tuyết Mai	Kinh tế và Dự báo, số 22, trang 20-22
122	Bàn về Quản lý và Quản trị dưới góc nhìn học thuật	Đỗ Văn Viện Đồng Đạo Dũng	Tạp chí kinh tế phát triển - Đại học Kinh tế quốc dân, số 203(2), 05/2014, trang 140-146.
123	Biến đổi xã hội nông thôn Đồng bằng sông Hồng qua nghiên cứu vốn xã hội – trường hợp nghiên cứu tại Cao Đức, Gia Bình, Bắc Ninh	Lê Hữu Ánh Đặng Hải Yến	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số (446) 7/2015, trang 61-69
124	Thay đổi cơ cấu tiêu dùng của hộ gia đình nông thôn ở Đồng Bằng Bắc Bộ và cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam	Trần Quang Trung, Bùi Thị Mai Linh	Tạp chí Khoa học và Phát triển 2014, tập 12, số 2: 224-230
125	Impact of quality attributes and marketing factors on prices for indigenous pork in Vietnam to promote sustainable utilization of local genetic resources	N. V. Phuong, D.T.M.Hanh, T.H.Cuong, Markemann, Avalle Zarate and M. Mergenthaler	Journal of Livestock Research for Rural Development 26 (07) 2014
126	Factors Influencing Milk Consumption of Rural	Tran Quang Trung, Do Quang	Greener Journal of Business and Management Studies, Vol. 4 (2)

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	Household in the Plains of Northern Vietnam	Giam, Vu Thi Hai, Lai Phuong Thao, Ngo Thi Thu Hang, Le Thi Kim Son, and Bui Thi Mai Linh	
127	Cost Monitoring for Clam Raising Farmers in the Northern Area of Vietnam	Bui Thi Nga, Philippe Lebailly	Greener Journal of Agricultural Sciences. ISSN: 2276-7770
128	Saving strategies of rural households in eastern Bosnia	Lê Thị Minh Châu, Sinisa Berjan Hamid El Bilali, Aziz Abouabdillah, Nouredin Driouech	Agro- knowledge Journal, Vol. 15, No.3. pp.299-308. NISSN 1512-6412
129	Nghiên cứu nhu cầu sử dụng phân hữu cơ làm từ rác của hộ nông dân xã Nam Phong, thành phố Nam Định	Nguyễn Ngọc Mai, Nguyễn Thanh Phong, Nguyễn Thị Thiêm	Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, tháng 12/2014
130	Phân tích nguyên nhân ảnh hưởng tới nhu cầu tham gia bảo hiểm y tế của nông dân tỉnh Thái Bình	Vũ Ngọc Huyền Nguyễn Văn Song Lê Thị Thanh Hảo Trần Minh Huệ	Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Kỳ 02, tháng 12/2014(264
131	Vận dụng phương pháp ABM trong quản trị chi phí nhằm nâng cao lợi ích cho người sản xuất – Nghiên cứu trường hợp chuỗi miến dong Phia Đén	Ngô Thị Thu Hằng, Phan Thị Thanh Nga	Tạp chí Khoa học Kinh tế- Đại học Đà Nẵng - Số 4 (08) – 2014.
132	Ưu điểm và nhược điểm khi	Trần Nguyễn Thị	Tạp chí Công Thương số 3 tháng

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	áp dụng khai báo hải quan điện tử đối với doanh nghiệp ở Hà Nội	Yến, Hoàng Thị Mai Anh, Trần Thị Hải Phương	12/2014
133	Vận dụng phương pháp tài khoản kế toán trong quản trị chi phí nguyên vật liệu trực tiếp,	Lê Văn Liên, Phan Lê Trang	Tạp chí nghiên cứu kế toán, Số 04 (129), 2014
134	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia xây dựng và sử dụng nhãn hiệu tập thể tỏi Thái Thụy của hộ trồng tỏi tỉnh Thái Bình	Vũ Ngọc Huyền và cộng sự	Tạp chí khoa học và phát triển 2014, tập 12, số 8: 1342-1350
135	Thực trạng tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện của nông dân tỉnh Thái Bình	Vũ Ngọc Huyền Nguyễn Văn Song	Tạp chí khoa học và phát triển 2014, tập 12, số 6: 853-861
136	Consumer behavior towards clothing products of GARCO 10 – A case study at Long Bien district	Chu Thị Kim Loan	Journal of Science & Development, Vol. 12, No. 2: 239-249. 2014
137	Nguyên nhân ảnh hưởng tới nhu cầu tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện của nông dân tỉnh Thái Bình	Vũ Ngọc Huyền và cộng sự	Tạp chí kinh tế và dự báo, số chuyên đề tháng 10/2014
138	Nhu cầu tham gia bảo hiểm nông nghiệp của hộ trồng chè tỉnh Phú Thọ	Vũ Ngọc Huyền và cộng sự	Tạp chí kinh tế và dự báo, số 22 tháng 11/2014
139	Benefits of farmers from onion storage in Kinh Mon District, Hai Duong Province, Vietnam	Trần Thị Thương, Isabelita M. Pabuayon	CEM Technical Bulletin, Vol. 12 No. 3, May 2015
140	Factors Affecting the Storage Decision of Onion Farmers in Kinh Mon District, Hai	Tran Thi Thuong, Isabelita M. Pabuayon	Journal of Economics, Management & Agricultural Development Vol. 1, No. 1 (15-27).

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	Duong Province, Vietnam		
141	Nghiên cứu các vấn đề an ninh lương thực của các hộ nghèo tại huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Lê Thị Thu Hương	Kinh tế và tự báo, số tháng 1/2015
142	Giải pháp thu hút nông dân Tỉnh Thái Bình tham gia bảo hiểm y tế hộ gia đình	Vũ Ngọc Huyền, Nguyễn Văn Song, Lê Thị Thanh Hào, Bùi Thị Phúc	Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Kỳ 02, tháng 4/2015(272)
143	Effects of the consumer price index on the volatility of foreign visitors to Vietnam	Đỗ Quang Giám, Trần Thị Tuấn, Lê Thanh Hà	Tạp chí Khoa học và Phát triển, Số (J.Sci.& Devel.) Số 13(1): 143-149
144	Kê khai thuế điện tử: lợi ích và khó khăn	Trần Minh Huệ, Phan Lê Trang	Tạp chí kế toán & kiểm toán, Số 1+2 (136+137), 2015
145	Về điều chỉnh chi phí khấu hao và hao mòn lũy kế do ảnh hưởng của lãi (lỗ) chưa thực hiện trong giao dịch bán tài sản cố định nội bộ theo thông tư 202	Lê Văn Liên, Phan Lê Trang	Tạp chí kế toán & kiểm toán, 2015 Số 4 (139)
146	Giải pháp thu hút nông dân tỉnh Thái Bình tham gia BHYT hộ gia đình	Bùi Thị Phúc, Vũ Ngọc Huyền, Nguyễn Văn Song, Lê Thị Thanh Hào	Tạp chí Bảo hiểm xã hội, Kỳ 02, tháng 4/2015(272)
147	Thực trạng thực hiện quyền của người lao động trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Hà Nội và một số kiến nghị	Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Thị Hải Bình, Hoàng Thị Mai Anh, Trần Thị Hải Phương	Tạp chí Lao động và xã hội, Số 499 từ 16-31/3/2015
148	Bàn về loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty	Lê Văn Liên, Nguyễn Thị Kim	Tạp chí nghiên cứu Tài chính kế toán, Số 03 (140) 2015

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh theo thông tư 202	Anh	
149	Bắt cập hạch toán loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán tài sản cố định trong nội bộ trong kỳ của thông tư 202	Lê văn Liên	Tạp chí kế toán & kiểm toán, Số 03/2015 (138)
150	Các yếu tố tác động tới chuỗi giá trị sản phẩm đặc sản ổi Đông Dư	Đỗ Quang Giám, Lê Thanh Hà, Đồng Thanh Mai	Tạp chí Khoa học và Phát triển, Số 3:455- 464, 2015
151	Tái cấu trúc nông nghiệp nhìn từ quy mô kinh doanh – lộ diện những thách thức mới trong chiến lược phân tích nông nghiệp Việt Nam	Lê Hữu Ảnh	Kỷ yếu Hội thảo Tái cơ cấu nông nghiệp Việt Nam: từ chính sách đến thực tiễn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Hà Nội, ngày 17/1/2015
152	Biến đổi xã hội nông thôn đồng bằng sông Hồng qua nghiên cứu vốn xã hội (trường hợp nghiên cứu tại xã Cao Đức, huyện Gia Bình tỉnh Bắc Ninh	Lê Hữu Ảnh, Đặng Hải Yên	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế số (446) 7/2015, trang 61-69
153	Đánh giá hiệu quả kinh tế sử dụng phân viên chậm tan trong sản xuất cói tại huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Lê Hữu Ảnh, Nguyễn Tất Cảnh	Tạp chí Khoa học và Phát triển, Tập 13 Số 5/2011, trang 825-832
154	Does contract farming improve productivity and income of farmers? A review of theory and evidence	Anh Tru Nguyen, Janet Dzator, Andrew Nadolny	Journal of Developing Areas. Vol. 49, No. 6, pp. 531-538. 2015

Bảng 3: Các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp của giảng viên trong Khoa

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
I. Đề tài cấp bộ				
1	Nghiên cứu mô hình bài toán tối ưu về vay vốn tín dụng cấp hộ nông dân/hộ trang trại	Bộ GD&ĐT, B2008-11-88		Tốt
2	Nghiên cứu giải pháp thúc đẩy liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ rau quả trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Bộ GD&ĐT, B2009-11-138	2693/QĐ-BGDĐT ngày 01/7/2011	Tốt
3	Sự đóng góp của người dân trong tài chính công cấp cơ sở ở nông thôn Đồng bằng sông Hồng	Bộ GD&ĐT, B2009-11-126		Tốt
4	Đánh giá tác động của suy thoái kinh tế đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp ở một số tỉnh phía Bắc	Bộ GD&ĐT, B2010-11-180	1766/QĐ-BGDĐT ngày 11/05/2012	Tốt
5	Xây dựng mô hình tổ chức và cơ chế quản lý cấp cơ sở (xã, phường) cho phát triển nông nghiệp, nông thôn ở một số tỉnh Đồng bằng Sông Hồng	Bộ GD&ĐT, B2010-11-178		Tốt
6	Kết nối sản xuất của hộ nông dân với thị trường ở khu vực trung du miền núi Đông Bắc	Bộ GD&ĐT, B2011-1109	4881/QĐ-BGDĐT	Tốt

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
	Việt Nam			
7	Nghiên cứu ảnh hưởng của yếu tố nguồn lực (đất đai, lao động, vốn và trình độ đào tạo) đến thu nhập của nông hộ khu vực miền Trung Việt Nam	Bộ GD&ĐT, 2015-2016		Tốt
8	Nghiên cứu cơ cấu tiêu dùng của thị trường nông thôn đồng bằng Bắc Bộ và giải pháp chiếm lĩnh thị trường cho các doanh nghiệp Việt Nam	Bộ GD&ĐT, B2012-11-21	6002/QĐ-BGDĐT Ngày 16-12/2014	Tốt
9	Đánh giá nguồn lực và đề xuất giải pháp phát triển sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi	Bộ GD&ĐT, 2015-2016		Khá
10	Các giải pháp nhằm phát triển nghề trồng rau an toàn trên địa bàn Hà Nội	Bộ GD&ĐT , B2007-11-67TĐ		Tốt
11	Nghiên cứu đề xuất chính sách, giải pháp thúc đẩy phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất-tiêu thụ sản phẩm trong trồng trọt, lâm nghiệp và thủy sản	Đề tài cấp bộ Nông nghiệp và PTNT, 2016-2017		Tốt

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
12	Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố nguồn lực tới thu nhập của nông hộ khu vực miền Trung Việt Nam	Bộ GD&ĐT, 2013-2015		Tốt
13	Khả năng ứng phó của người nghèo đối với rủi ro thiên tai và các tác động kinh tế xã hội bất lợi	Đề tài cấp nhà nước, 2012-2014		Tốt
14	Tác động của suy thoái kinh tế đối với các doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội	Bộ GD&ĐT, 2010-2011		Tốt
15	Các hình thức liên kết hợp tác trong sản xuất nông nghiệp	Đề tài cấp Bộ NN và PTNT, 2016-2017		Tốt
II. Đề tài liên kết với địa phương (đề tài cấp tỉnh)				
1	Xây dựng mô hình và tổ chức tư vấn chuyển giao mô hình vay vốn tín dụng hợp lý tại cấp hộ nông dân/hộ trang trại	ĐH Nông nghiệp Hà Nội - Sở KHCN Hoà Bình, 2008		Khá
2	Đánh giá môi trường đầu tư và đề xuất các giải pháp nhằm thu hút đầu tư vào nông nghiệp trên địa bàn Hà Nội	Sở KHCN Hà Nội, 01X-07/12-2008-2	Nghiệm thu ngày 11/9/2009	Khá
3	Các giải pháp đào tạo nguồn nhân lực trẻ tỉnh	ĐH Nông nghiệp Hà Nội - Sở KHCN Hoà Bình		Tốt

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
	Hòa Bình	Bình, 2008		
4	Xây dựng và chuyển giao mô hình liên kết 4 nhà cho các sản phẩm chủ yếu trong các vùng sản xuất hàng hóa tỉnh Sơn La	ĐH Nông nghiệp Hà Nội - Sở KHCN Sơn La		Khá
5	Rà soát điều chỉnh và xây dựng quy hoạch nông lâm thủy sản tỉnh Cao Bằng đến 2020, định hướng đến 2030.	ĐH Nông nghiệp Hà Nội - Sở KHCN Cao Bằng		Tốt
III. Đề tài dự án song phương				
1	Nghiên cứu chất lượng cung ứng và quản lý dịch vụ công chủ yếu trong nông thôn các tỉnh đồng bằng sông Hồng	ĐH Nông nghiệp Hà Nội -Đề tài dự án TRIG (WB), 2009		Tốt
2	Nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nông thôn trong bối cảnh hội nhập	ADB và Bộ GD&ĐT, 2008-2009		Tốt
3	Nghiên cứu hiệu ứng bốc hơi lan truyền trên thị trường vàng thế giới và các thị trường chứng khoán đang nổi ở khu vực ASEAN	ĐH Nông nghiệp Hà Nội -TTRIG2009	Nghiệm thu ngày 30/06/2011	Suất sắc
4	Sản xuất và tiêu thụ sữa tươi ở miền Bắc,	Thuộc chương trình hợp tác Việt Nam- Bỉ		Tốt

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
	Việt Nam	tài trợ (thực hiện tại Trường Đại học Nông nghiệp), 2011-2012		
5	Tiềm năng và cơ hội thị trường của lợn bản ở miền Bắc, Việt Nam	Hợp tác quốc tế theo hợp đồng nghiên cứu với Viện chăn nuôi Quốc tế, 2013		Tốt
6	Preferences for Ban Pork at Retail level in Vietnam	Institute of Animal Production in the Tropics and Subtropics, University of Hohenheim (480A), Stuttgart, Germany, 2010-2012		Tốt
7	Studie über Verbraucher in Vietnam (Study on food requirements of consumers in Vietnam).	Bộ nông nghiệp CHLB Đức, 2013		Tốt
8	Planning for Land Use of Upland Crop in Phan Ri - Phan Thiet Irrigation Area, Binh Thuan Province	JICA , 4-9/2016		Tốt
9	Survey on Promising Agricultural Products in Ha Nam Province	JICA , 6-8/2016		Tốt
10	Chính sách đất đai và phát triển nông nghiệp Việt Nam	Ausaid , 2002-2004		Tốt
11	Phát triển chăn nuôi bò sữa tại ngoại	EEPSEA , 2004		Tốt

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
	thành Hà nội, ô nhiễm môi trường và các giải pháp giảm thiểu			
12	Ứng phó của người dân với mực nước biển dâng tại xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy, Nam Định	EEPSEA, 2006		Tốt
13	Nghiên cứu các hình thức liên kết, hợp tác trong phát triển chăn nuôi gia cầm theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh Thái bình	Sở KHCN Thái Bình, 2016-2017		Tốt
14	Giám sát chi phí để thúc đẩy giá trị gia tăng cho các trang trại nuôi ngao miền Bắc Việt Nam	Dự án Bỉ, 2014		Tốt
15	Cung cấp các khóa đào tạo về chuỗi giá trị và chuỗi liên kết cho các đối tác liên quan tại phía Bắc Việt nam	Dự án Bỉ, 2016		Tốt
16	Cải thiện sức khỏe và sức sản xuất cho đàn bò sữa tại Việt Nam	Dự án Úc, ACIAR AH/2016/020		Tốt
17	Tăng cường năng lực cho hệ thống lương	FAO (GCP /GLO/712/JPN),		Chưa

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
	thực nhạy cảm về dinh dưỡng thông qua phương pháp tiếp cận đa bên (liên quan đến khu vực tư nhân, các tổ chức xã hội dân sự và học viện)	2016-2018		nghiệm thu
18	“Đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ theo chương trình mở và từ xa (online) chuyên ngành Phát triển du lịch bền vững tại Trung Quốc, Việt Nam và Kyrgyzstan”	ERASMUS+, 573897-EPP-1-2016-BG-EPPKA2-CBHE-JP		Chưa nghiệm thu
	Đề tài cấp học viện			
1	Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn vay ưu đãi của sinh viên Học viện Nông nghiệp Việt Nam	2018		Khá
2	Đánh giá tác động của quản trị vốn lưu động tới khả năng sinh lời của doanh nghiệp. Trường hợp nghiên cứu tại các doanh nghiệp ngành Thủy Sản trên thị trường chứng khoán Việt Nam	2018		Đạt
3	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tham gia thị	2016		Tốt

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
	trường của các hộ chăn nuôi gà Hồ trên địa bàn huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh			
4	Vận dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về nông nghiệp (IAS 41) trong doanh nghiệp nông nghiệp: Nghiên cứu trường hợp Công ty TNHH Giống Thủy sản Hải Long	2017		Tốt
3	Xây dựng mô hình liên kết trong sản xuất ngô làm thức ăn chăn nuôi ở tỉnh Sơn La	10/2015-12/2016		Tốt
5	Nghiên cứu sự tuân thủ thuế của các doanh nghiệp nhỏ và vừa- Trường hợp nghiên cứu tại một số tỉnh thuộc Đồng bằng Sông Hồng	2015-2016		Khá
6	Giải pháp phát triển mô hình nuôi rươi trên địa bàn huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	1/2016-12/2016		Tốt
7	Xây dựng hệ thống kế toán quản trị theo quy trình sản xuất tại Công ty TNHH	9/2015-9/2016		Tốt

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
	Giống Thủy sản Hải Long			
8	Hoàn thiện hệ thống tin kế toán phục vụ cho việc điều hành sản xuất kinh doanh đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ	9/2013-9/2014		Tốt
9	Đánh giá nguy cơ phá sản của các ngân hàng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam - HOSE bằng chỉ số Altman Z score	2014		Khá
10	Mối quan hệ giữa cấu trúc sở hữu và chính sách cổ tức của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)	2014		Khá
11	Chính sách cổ tức của các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã số T2014-10-24TT	2014		Đạt
12	Nghiên cứu mối quan hệ giữa lợi nhuận và cơ cấu vốn của các	2014		Khá

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
	doanh nghiệp nhóm ngành chế biến chế tạo niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh			
13	Nghiên cứu tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ về tài chính của Trường Đại học Nông Nghiệp Hà Nội đối với các Trung tâm, Viện trực thuộc	11/2008-11/2009		Tốt
14	Nghiên cứu năng lực làm việc của sinh viên tốt nghiệp ngành QTKD tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam trong các doanh nghiệp tại Hà Nội	2016		Khá
15	Nâng cấp chuỗi giá trị sữa tại Tỉnh Hà Nam	2017		Tốt
16	Xây dựng mô hình và tổ chức tư vấn, chuyển giao mô hình vay vốn tín dụng hợp lý và tiết kiệm cấp hộ nông dân/hộ trang trại	2009		Khá

Bảng 4: Các hội nghị, hội thảo của Khoa

STT	Tên hội thảo	Thời gian	Chủ trì	Đối tượng và số lượng tham gia
1	Nghiên cứu về Kinh tế phát triển	15/12/2009	GS. Ian Coxhead, Đại học Wisconsin	- Cán bộ giảng dạy khoa Kinh tế và PTNT: 30 - Cán bộ giảng dạy khoa Kế toán và QTKD: 30
2	Hợp tác xã ở Mỹ	29/01/2010	GS.Brent Hueth, Đại học Wisconsin	- Cán bộ giảng dạy khoa Kinh tế và PTNT: 30 - Cán bộ giảng dạy khoa Kế toán và QTKD: 30
3	Thuế và sự phát triển của thuế ở Việt Nam	15/05/2010	GS. Trần Nam Bình, Đại học New SouthWales	- Cán bộ giảng dạy: 10 - Sinh viên lớp tiên tiến: 17
4	Phương pháp giáo dục và học tập	29/05/2010	GS. Julian Becker, Đại học Lincoln, New Zealand	- Sinh viên lớp tiên tiến và sinh viên trong trường: 70
5	Khóa học về Thuế	10/05/2010 - 14/05/010	GS. Trần Nam Bình, Đại học New SouthWales	- Cán bộ giảng dạy khoa Kinh tế và PTNT: 20 - Cán bộ giảng dạy khoa Kế toán và QTKD: 20
6	Future Market and Impact of Speculator on Prices	01/09/2010	Gs. Randy Fortenbery	Cán bộ giảng dạy khoa Kinh tế và PTNT: 20 - Cán bộ giảng dạy khoa Kế toán và QTKD: 20 - Sinh viên lớp tiên tiến
7	“Interdisciplinary Research Opportunities for Agricultural Economists	28/10/2010	Gs. Paul Mitchell	- Cán bộ giảng dạy khoa Kế toán và QTKD: 20 - Sinh viên lớp tiên tiến
	Workshop on	11.12.2010	Gs. Randy Fortenbery	- BGH

STT	Tên hội thảo	Thời gian	Chủ trì	Đối tượng và số lượng tham gia
8	Development of Agricultural business in Global integration era		Gs. John Forster Gs. Nguyen Quoc Vong Một số GV khoa KE & QTKD	- Khoa KE & QTKD - Khoa KT & PTNT - SV CTTT QTKDNN
9	Fair Trade/Organic Coffee, Rural Livelihoods, and Poverty: Southern Mexican Coffee Families in Transition	23/02/2011	Gs. Barham Braford Lewis Đại học Wisconsin-Madison	- Cán bộ giảng dạy khoa Kế toán và QTKD: 20 - Sinh viên lớp tiên tiến
10	The value of secure property Rights: Evidence From Fisheries	17/05/2011	Prof .Dr. Corbett Grainger	- Khoa KT & PTNT
11	Educational & cultural exchange between Kagoshima university's students and HUA	21/09/2011	Kagoshima University HUA	- Kagoshima University - QTKDT 54
12	“STUDY AT AGRICULTURAL FACULTY OF HUMBOLT UNIVERSITY AT BERLIN	22/09/2011	Gs. Ts. Matthias Dennhardt	- QTKDT 55 - Khoa KE & QTKD
13	“PRICING	09/01/2012	Gs. Ts. Pravat K.	- Khoa KE & QTKD

STT	Tên hội thảo	Thời gian	Chủ trì	Đối tượng và số lượng tham gia
	STRATEGY FOR RECESSION AND RECOVERY”		Choudhury (ĐH Howard)	- Khoa KT & PTNT - SV CTTT QTKDNN
14	“WTO Agriculture negotiations”	16/02/2012	Andrew G. Stephens Du An Ho Tro Thi Hanh Phap Luat Ve Hoi Nhap Kinh Te (USAID STAR Plus)	- Khoa KE & QTKD - Khoa KT & PTNT - SV CTTT QTKDNN
15	Xây dựng sổ tay chương trình đào tạo ngành Công nghệ và KD Thực phẩm	5/11/2017	GS. Noel Wood, UCC, Ireland	- Khoa KE & QTKD - Khoa CNTP - SV CTTT QTKDNN

2.3 CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

Học viện có cơ sở vật chất đảm bảo cho đào tạo các chuyên ngành toàn Học viện. Đề án lấy cơ sở vật chất chung của nhà trường để tổ chức đào tạo.

2.3.1 Cơ sở vật chất và phương tiện hỗ trợ học tập

Lớp học lý thuyết và các phương tiện nghe nhìn trong phòng: Hệ thống Giảng đường và phương tiện hỗ trợ cho đào tạo đại học tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam đang sử dụng.

Học viện hiện có 12 khu giảng đường: Nguyễn Đăng, A, B, C, D, CĐ, H, T, TY, E. Các giảng đường đều được trang bị đầy đủ bàn ghế đảm bảo đủ chỗ ngồi cho 2 sinh viên/bàn, quạt trần, bóng đèn, cửa sổ thoáng. Toàn bộ các giảng đường được trang bị máy chiếu Overhead, máy chiếu Projector, thiết bị âm thanh gắn tại phòng học (phụ lục 7). Số lượng phòng học, giảng đường đã và đang đáp ứng nhu cầu dạy và học tại Học viện cũng như nhu cầu đối với ngành Tài chính – Ngân hàng

Phòng thực hành máy tính: được chia làm hai nhóm: khu vực do Khoa Tin học quản lý và khu vực do Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh quản lý. Hiện tại mỗi khu vực có thể cho phép hàng trăm sinh viên đồng thời thực hành các phần mềm cơ bản và chương trình chuyên ngành. Trong các phòng máy tính này cũng được nối mạng để người học trao đổi và tìm kiếm thông tin trên mạng, đáp ứng nhu cầu dạy và học của đối với ngành Tài chính – Ngân hàng cũng như các ngành khác của Khoa, Học viện.

Máy tính cho giảng viên và trợ giảng: hiện tại các máy tính có thể nối mạng theo cáp và không dây với mạng internet nội bộ và bên ngoài.

Bảng 5: Thiết bị phục vụ cho đào tạo

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị
1	Amli Califor 128B	KOREA, 2009	2	
2	Bàn Elip-HPHát 2000Wx1000Dx750H	Việt Nam, 2008	2	
3	Bàn họp Elip-Hoà Phát	Việt Nam	1	
4	Bàn họp gỗ CN sơn PUHP 1500x500x750	Việt Nam, 2008	20	
5	Bàn họp gỗ CN sơn PUHP 1800x500x750	Việt Nam, 2008	2	
6	Bàn máy tính Xuân Hoà	Việt Nam	1	
7	Bàn máy tính chân sắt	Việt Nam, 2014	26	
8	Bàn phòng máy tính, Model: TAB-14-07IB/HBS-3N	Việt Nam, 2013	3	
9	Bàn sắt 1500x750x750	Việt Nam, 2008	3	
10	Bàn gỗ dán, kính	Việt Nam, 2008	1	
11	Bàn vi tính 1000wx600Dx6000H	Việt Nam, 2008	92	
12	Bàn Xuân Hoà	Việt Nam	4	
13	Bảng Fooc trắng khung nhôm	Việt Nam, 2008	5	
14	Bảng ni chân nhôm	Việt Nam, 2008	1	
15	Bảng ni khung nhôm	Việt Nam, 2008	5	
16	Bục để tượng Bác CN MDF	Việt Nam, 2008	1	
17	Bục gỗ CN MDF nói chuyện	Việt Nam, 2008	1	
18	Cáp Hthảo (10m/cuộn)	Trung Quốc, 2008	1	
19	Cáp loa (2x0,75/m)	Trung Quốc, 2008	80	
20	Dây Loa	Việt Nam, 2009	60	
21	Đèn Bàn	Việt Nam, 2010	1	

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị
22	Điện thoại bàn Panasonic	Malay, 2008	4	
23	Điều hoà Daikin	Nhật Bản, 2009	6	
24	Điều hoà LG	Nhật Bản, 2009	3	
25	Điều hoà Panasonic	Malay, 2008	1	
26	Điều hoà Samsung	Việt Nam	2	
27	Điều hoà Mitshubishi	Malay, 2008	2	
28	Ghế gỗ đệm ni Hoà Phát	Việt Nam	70	
29	Ghế mạ Xuân Hoà	Việt Nam	34	
30	Ghế phòng máy tính	Việt Nam, 2013	3	
31	Ghế tựa Xuân Hoà	Việt Nam	20	
32	Ghế xoay Hoà Phát	Việt Nam	1	
33	Ghế xoay hơi đệm ni Hoà Phát	Việt Nam, 2008	3	
34	Ghế xoay Xuân Hoà	Việt Nam	3	
35	Giá Treo Loa	Việt Nam, 2009	2	
36	Gương tường	Việt Nam, 2009	3	
37	Hệ thống âm thanh phòng hội thảo Âm li + Micrro (có dây + không dây)	Việt Nam, 2014	1	
38	Hòm thư sinh viên	Việt Nam, 2008	1	
39	Kệ treo Tài liệu 1000Wx350Dc600H	Việt Nam, 2008	18	
40	Két bạc	Việt Nam, 2008	1	
41	Loa Bose 301	MEXICO, 2009	2	
42	Loa cột	Trung Quốc, 2008	4	
43	Màn chiếu Herin	Trung Quốc, 2010	1	
44	Máy ảnh Canon	Nhật Bản, 2009	1	
45	Máy quay video Panasonic	Trung Quốc 2012	1	
46	Máy chiếu Panasonic	Nhật Bản, 2008	18	
47	Máy chiếu Sony	Nhật Bản, 2008	7	
48	Máy Fax Panasonic	Thái Lan, 2008	1	
49	Máy IBM ThinkPad X60 Tablet	Trung Quốc, 2009	1	
50	Máy in EPSON	Trung Quốc, 2010	1	
51	Máy in HP 1320	Trung Quốc	1	
52	Máy in HP laseJet P2015	Trung Quốc, 2008	1	

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị
53	Máy in HP-P2015	Trung Quốc, 2008	8	
54	Máy in Laser đen trắng, Model: M401DN	Việt Nam, 2013	2	
55	Máy Photocopy Ricoh	Hàn Quốc, 2008	1	
56	Máy tính bàn CMS	Việt Nam, 2008	12	
57	Máy tính thực hành môn học chuyên ngành	Việt Nam, 2013	94	
58	Máy tính xách tay HP	Trung Quốc, 2008	4	
59	Máy tính xách tay Lenovo	Trung Quốc, 2009	4	
60	Máy tính xách tay Toshiba	Trung Quốc, 2008	1	
61	Megapower USB M1930	Trung Quốc, 2009	1	
62	Micro chủ tịch	Trung Quốc, 2008	1	
63	Micro Shure không dây	MEXICO, 2009	2	
64	Micro đại biểu	Trung Quốc, 2008	11	
65	Ổ cứng cắm ngoài HDD 320G	Trung Quốc, 2009	2	
66	Ổ cứng cắm ngoài HDD 500G	Trung Quốc, 2009	1	
67	Ổn áp Lioa	Việt Nam	1	
68	Ổn áp-UPS Santak	Việt Nam, 2008	5	
69	Phòng HT ĐL12000x4100	Việt Nam, 2008	1	
70	Phòng trang trí HT nhưng ĐL	Việt Nam, 2008	1	
71	Quạt bàn	Việt Nam, 2010	2	
72	Quạt trần điện cơ 1,4m	Việt Nam	17	
73	Quạt treo tường Senko	Malay, 2009	3	
74	Tivi Plasma Toshiba	Việt Nam, 2008	2	
75	Tăng âm công suất	Trung Quốc, 2008	1	
76	Tăng âm trung tâm	Trung Quốc, 2008	1	
77	Tủ HS 2 cánh	Việt Nam	1	
78	Tủ HS kính Hoà Phát	Việt Nam, 2008	3	
79	Tủ HS sắt Hoà Phát	Việt Nam, 2008	2	
80	Tủ HS sắt kính Hoà Phát	Việt Nam, 2008	3	
81	Tủ HS Xuân Hoà	Việt Nam,	1	
82	Tủ Inox	Việt Nam, 2009	1	
83	Tủ lạnh Funiki	Nhật Bản, 2007	1	
84	Tủ lạnh Sanyo	Việt Nam, 2007	1	

2.3.2 Hệ thống thư viện, phòng đọc và tài liệu học tập:

Người học có thể sử dụng hai cơ sở: Thư viện Lương Định Của và thư viện của Khoa. Đặc biệt thư viện của Khoa với hàng chục nghìn đầu sách khác nhau cả sách tiếng Việt, tiếng Anh và các ngoại ngữ khác phục vụ cho các chuyên ngành của Khoa. Hệ thống thư viện mới được nâng cấp về cách tra cứu, mượn và hoàn trả sách và tài liệu một cách nhanh chóng và tiết kiệm. Thư viện và phòng tư liệu chuyên môn với số lượng sách cập nhật và bổ sung hàng năm rất lớn tài liệu chuyên môn dành riêng cho Khối Kinh tế - Kinh doanh, Kế toán được bổ sung từ 2004 trở lại đây, trong đó có hàng trăm tài liệu tiếng Anh).

Bảng 6: Tài liệu tham khảo hiện có trong thư viện

Số TT	Tên sách: tên tạp chí (chỉ ghi những sách: tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách: tạp chí
1	Quản trị ngân hàng thương mại	Việt Nam:2012	3	Ngân hàng thương mại
2	Quản trị ngân hàng thương mại	Việt Nam:2010	2	Ngân hàng thương mại
3	Phân tích báo cáo tài chính	Việt Nam:2013	2	Phân tích tài chính doanh nghiệp
4	Phân tích thị trường tài chính	Việt Nam:2012	3	Tài chính tiền tệ
5	Giáo trình kinh tế tiền tệ ngân hàng	Việt Nam:2010	2	Tài chính tiền tệ
6	Tài chính doanh nghiệp	Việt Nam:2010	1	Quản trị tài chính doanh nghiệp
7	Tài chính hành vi: nhà đầu tư doanh nghiệp và thị trường	Việt Nam:2012	3	Tài chính cá nhân
8	Tài chính quốc tế hiện đại	Việt Nam:2013	2	Tài chính quốc tế
9	Thanh toán quốc tế: các nguyên tắc và thực hành	Việt Nam:2012	3	Dịch vụ thanh toán trong ngân hàng

Số TT	Tên sách: tên tạp chí (chỉ ghi những sách: tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách: tạp chí
10	Thông tin chứng khoán và giao dịch chứng khoán	Việt Nam:2010	2	Thị trường chứng khoán
11	Thực hành kế toán hợp nhất kinh doanh và hợp nhất báo cáo tài chính	Việt Nam:2011	4	Kế toán tài chính
12	Tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính	Việt Nam:2011	2	Tài chính tiền tệ
13	Tín dụng và thanh toán thương mại quốc tế	Việt Nam:2011	2	Dịch vụ thanh toán trong ngân hàng
14	Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp	Việt Nam:2012	3	Kế toán doanh nghiệp
15	Từ điển kế toán và kiểm toán Anh-Việt	Việt Nam:2010	2	Lý thuyết kiểm toán
16	Hướng dẫn thực hiện in: phát hành: quản lý sử dụng hóa đơn: chứng từ	Việt Nam:2011	1	Kế toán doanh nghiệp
17	Phân tích báo cáo tài chính	Việt Nam: 2011	3	Phân tích tài chính
18	Thanh toán quốc tế trong ngoại thương: tài trợ thương mại quốc tế	Việt Nam: 2012	3	Dịch vụ thanh toán trong ngân hàng
19	Báo cáo tài chính	Việt Nam: 2012	1	Phân tích tài chính
20	Thẩm định giá tài sản và doanh nghiệp	Việt Nam: 2010	4	Định giá tài sản
21	Tài chính Việt Nam 2013 - 2014: Cải cách thể chế cân đối tài khóa	Việt Nam: 2014	5	Tài chính tiền tệ
22	Giáo trình quản trị doanh nghiệp	Việt Nam:2012	3	Quản trị doanh nghiệp

Số TT	Tên sách: tên tạp chí (chỉ ghi những sách: tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách: tạp chí
23	Giáo trình quản trị doanh nghiệp	Việt Nam:2013	2	Quản trị doanh nghiệp
24	Giáo trình thương mại quốc tế	Việt Nam:2011	3	Dịch vụ thanh toán trong ngân hàng
25	Giáo trình tín dụng ngân hàng	Việt Nam:2014	4	Ngân hàng thương mại
26	Giáo trình tin học đại cương/.Nguyễn Thị Thu Thủy: chủ biên	Việt Nam: 2014	10	Tin học đại cương
27	Giáo trình thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu/ Nguyễn Thị Phương Liên;Đinh Văn Sơn: chủ biên	Việt Nam: 2014	10	Dịch vụ thanh toán trong ngân hàng
28	Văn bản pháp luật mới sửa đổi bổ sung về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp 2014	Việt Nam: 2014	5	Thuế
29	Báo cáo thường niên về kinh tế Việt Nam 2013: Trên đường gập ghềnh tới tương lai /Nguyễn Đức Thành : chủ biên	Việt Nam: 2014	5	Nguyên lý kinh tế
30	Một số vấn đề của kinh tế Việt Nam trong quá trình hội nhập: / Vũ Minh Long: chủ biên	Việt Nam: 2014	5	Nguyên lý kinh tế
31	Quản lý xã hội vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam trong phát triển bền vững: / Đặng Thị Hoa : chủ biên	Việt Nam: 2014	5	
32	Phân tích hoạt động kinh doanh/Phạm Văn Dực : chủ biên	Việt Nam: 2013	10	Phân tích hoạt động kinh doanh
33	Giáo trình Kinh tế đầu tư/Từ Quang Phương;Phạm Văn Hùng: chủ biên	Việt Nam: 2013	10	
34	Lập mô hình tài chính: Có kèm theo đĩa CD / Đỗ Thiên Anh Tuấn; Nguyễn Thị Thu Hà : chủ biên	Việt Nam: 2013	3	
35	Thuế 2013: Biểu thuế xuất khẩu - nhập khẩu và	Việt Nam: 2013	3	Kế toán thuế

Số TT	Tên sách: tên tạp chí (chỉ ghi những sách: tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách: tạp chí
	thuế GTGT hàng nhập khẩu/ Bộ Tài chính			
36	Lịch sử kinh tế / Nguyễn Chí Thanh: chủ biên	Việt Nam: 2013	6	Nguyên lý kinh tế
37	Giáo trình kinh tế thương mại /Đặng Đình Đào; Hoàng Đức Thân: chủ biên	Việt Nam: 2013	6	Nguyên lý kinh tế
38	Tài chính quốc tế hiện đại: Dành cho cao học và NCS/Nguyễn Văn Tiến: chủ biên.	Việt Nam: 2013	3	Tài chính quốc tế
39	Kinh tế vi mô căn bản và nâng cao: Câu hỏi trắc nghiệm và bài tập. Hướng dẫn chi tiết trả lời câu hỏi và bài tập 9 chương - 81 bài tập - 630 câu hỏi/Đinh Phi Hồ: chủ biên.	Việt Nam: 2013	6	Nguyên lý kinh tế
40	Bài tập và bài giải kế toán quản trị/ Phan Đức Dũng: chủ biên	Việt Nam: 2013	6	Kế toán quản trị
41	1.200 câu hỏi trắc nghiệm kinh tế vĩ mô: Sách dùng cho sinh viên đại học: cao đẳng các khối ngành kinh tế và học viên ôn thi cao học/ Trần Thị Minh Ngọc: Trương Văn Hiếu: chủ biên	Việt Nam: 2013	6	Nguyên lý kinh tế
42	Nghiên cứu năng suất chất lượng Quản lý chất lượng tại các doanh nghiệp Việt Nam/ Nguyễn Hồng Sơn; Phan Chí Anh: đồng chủ biên.	Việt Nam: 2013	6	
43	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại hiện đại Tập 1: Lý thuyết: bài tập và bài giải/ Nguyễn Minh Kiều : chủ biên	Việt Nam: 2013	3	
44	Đầu tư Quốc tế / Lê Quang Huy: chủ biên	Việt Nam: 2013	3	
45	Phân tích báo cáo tài chính: Lý thuyết: bài tập và bài giải /Phan Đức Dũng: chủ biên	Việt Nam: 2013	3	
46	An ninh môi trường / Nguyễn Đức Khiển; Nguyễn Kim Hoàng : chủ biên	Việt Nam: 2013	6	
47	Giáo trình lý thuyết thống kê / Trần Thị Kim Thu: chủ biên	Việt Nam: 2013	26	
48	Giáo trình kinh tế lượng / Nguyễn Quang Dong: Nguyễn Thị Minh: đồng chủ biên	Việt Nam: 2013	23	
49	Cuộc chơi đầu tư mạo hiểm: Từ khởi nghiệp đến IPO / Jeffrey Busgang	Việt Nam: 2013	3	

Số TT	Tên sách: tên tạp chí (chỉ ghi những sách: tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách: tạp chí
50	Giáo trình tính chi phí kinh doanh / Nguyễn Thị Huyền : chủ biên	Việt Nam: 2013	6	
51	Bài tập quản trị chất lượng /Đỗ Thị Đông : chủ biên	Việt Nam: 2013	6	
52	Kinh tế chính trị Đông Bắc Á giai đoạn 2001 - 2020 / Nguyễn Xuân Thắng; Đặng Xuân Thanh : chủ biên	Việt Nam: 2013	4	
53	Giáo trình nguyên lý và nghiệp vụ ngân hàng thương mại / Nguyễn Văn Tiến: chủ biên	Việt Nam: 2013	5	
54	Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ: hiện đại phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa: hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2011 - 2020: / Nguyễn Bá Ân: chủ biên	Việt Nam: 2013	3	
55	Chiến lược: chính sách của các quốc gia và vùng lãnh thổ ở Đông Bắc á về một số vấn đề nổi bật của khu vực: / Nguyễn Xuân Thắng.	Việt Nam: 2013	3	
56	Kinh tế học giành cho đại chúng: Kinh tế học và đời sống thường nhật / Steven E. Landsburg	Việt Nam: 2013	5	
57	Giáo trình tín dụng ngân hàng /Nguyễn Văn Tiến : chủ biên	Việt Nam: 2013	5	
58	Tập đoàn kinh tế trong việc thúc đẩy tái cơ cấu kinh tế /.Nguyễn Hữu Đạt: chủ biên	Việt Nam: 2013	3	
59	Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam và chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế ở Trung Quốc /	Việt Nam: 2013	3	
60	Niên giám thống kê= Statistical yearbook of Vietnam 2012.	Việt Nam: 2013	7	
61	Bài tập quản trị chất lượng / Đỗ Thị Đông: chủ biên	Việt Nam: 2013	6	
62	Giáo trình nguyên lý và nghiệp vụ ngân hàng thương mại / Nguyễn Văn Tiến: chủ biên.	Việt Nam: 2013	5	
63	Kinh tế học giành cho đại chúng: Kinh tế học và đời sống thường nhật / Steven E. Landsburg.	Việt Nam: 2013	5	
64	Giáo trình tín dụng ngân hàng / Nguyễn Văn	Việt Nam: 2013	5	

Số TT	Tên sách: tên tạp chí (chỉ ghi những sách: tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách: tạp chí
	Tiến : chủ biên			
65	Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước: Tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 (Đã sửa đổi: bổ sung áp dụng từ 02-2013)	Việt Nam: 2013	5	
66	Nâng cao năng lực quản lý tài chính và hệ thống thông tin kế toán dành cho chủ tài khoản và kế toán trưởng các đơn vị hành chính sự nghiệp 2013.	Việt Nam: 2013	5	
67	Luật quản lý thuế và chế độ kế toán doanh nghiệp mới 2013: Hướng dẫn xác định thu nhập thuế và quyết toán thuế	Việt Nam: 2013	5	
68	Tìm hiểu chính sách thuế 2013. Nghiệp vụ kế toán quản trị tài chính/ Bộ Tài chính	Việt Nam: 2013	6	
69	Liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp chế biến nông sản với nông dân ở Việt Nam /Hồ Quý Hậu : chủ biên	Việt Nam: 2013	1	
70	Phát triển kinh tế tri thức trên địa bàn thành phố Hà Nội	Việt Nam: 2013	10	
71	Giáo trình thống kê kinh tế / Phan Công Nghĩa: Bùi Đức Triệu: đồng chủ biên	Việt Nam: 2013	10	
72	268 sơ đồ kế toán doanh nghiệp	Việt Nam:2010	2	
73	Giáo trình kế toán tài chính	Việt Nam:2011	2	
74	Giáo trình kiểm toán tài chính	Việt Nam:2011	2	
75	Giáo trình kỹ năng quản trị	Việt Nam:2012	1	
76	Giáo trình lập dự án đầu tư	Việt Nam:2012	3	
77	Giáo trình quản lý học	Việt Nam:2012	3	
78	Giáo trình quản trị doanh nghiệp	Việt Nam:2012	3	
79	Giáo trình quản trị doanh nghiệp	Việt Nam:2013	2	
80	Giáo trình thương mại quốc tế	Việt Nam:2011	3	
81	Giáo trình tín dụng ngân hàng	Việt Nam:2014	4	
82	Kế toán hành chính sự nghiệp	Việt Nam:2013	2	
83	Kế toán quản trị	Việt Nam:2010	3	
84	Kế toán quản trị phần 2	Việt Nam:2010	4	

Số TT	Tên sách: tên tạp chí (chỉ ghi những sách: tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách: tạp chí
85	Kế toán tài chính phần 1	Việt Nam:2010	2	
86	Kế toán tài chính phần 2	Việt Nam:2010	2	
87	Kế toán tài chính phần 3	Việt Nam:2010	2	
88	Kiểm toán đại cương	Việt Nam:2010	2	
89	Lập mô hình tài chính	Việt Nam:2013	2	
90	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Việt Nam:2011	1	
91	Marketing quốc tế	Việt Nam:2012	1	
92	Marketing quốc tế (tái bản lần 2)	Việt Nam:2012	1	
93	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại hiện đại	Việt Nam:2013	2	
94	Nguyên lý và nghiệp vụ ngân hàng thương mại	Việt Nam:2013	4	
95	Những công cụ thiết yếu trong phân tích KT thị trường tài chính	Việt Nam:2012	2	
96	Những kỹ năng trọng điểm dành cho giám đốc doanh nghiệp	Việt Nam:2013	1	
97	Những mô hình quản trị kinh điển	Việt Nam:2011	3	
98	Giáo trình quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức	Việt Nam:2011	1	
99	Quản lý chất lượng tại các doanh nghiệp VN	Việt Nam:2013	4	
100	Quản trị chất lượng	Việt Nam:2010	2	
101	Quản trị chiến lược	Việt Nam:2011	1	
102	Quản trị chiến lược (bài tập và nghiên cứu tình huống)	Việt Nam:2011	1	
103	Quản trị chiến lược trong toàn cầu hóa kinh tế	Việt Nam:2010	2	
104	Quản trị dự án: thiết lập dự án đầu tư	Việt Nam:2010	2	
105	Quản trị kinh doanh quốc tế	Việt Nam:2010	1	
106	Quản trị kinh doanh quốc tế: giáo trình cao học	Việt Nam:2012	3	
107	Quản trị marketing định hướng giá trị	Việt Nam:2012	2	
108	Quản trị nguồn nhân lực	Việt Nam:2011	1	
109	Quản trị quá trình đổi mới và sáng tạo	Việt Nam:2012	3	
110	Quản trị sản xuất và vận hành	Việt Nam:2010	4	
111	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Việt Nam:2012	2	
112	Hiệu ứng chim mồi - Tập 1	Việt Nam, 2018	2	
113	Từ điển kế toán và kiểm toán Anh-Việt	Việt Nam:2010	2	
114	Bài tập và bài giải kế toán tài chính phần 3	Việt Nam:2010	2	

Số TT	Tên sách: tên tạp chí (chỉ ghi những sách: tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách: tạp chí
115	Bài tập và bài giải kế toán tài chính phần 2	Việt Nam:2010	2	
116	Bài tập và bài giải kế toán tài chính phần 1	Việt Nam:2010	2	
117	37 chuẩn mực kế toán VN	Việt Nam:2013	2	
118	Hướng dẫn thực hành hạch toán kế toán	Việt Nam:2010	4	
119	Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và quy chế quản lý tài sản công	Việt Nam:2011	2	
120	Kế toán trưởng đơn vị hành chính sự nghiệp	Việt Nam:2012	3	
121	Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	Việt Nam:2011	2	
122	Quản trị dự án hiện đại	Việt Nam:2010	1	
123	Quản trị bán hàng	Việt Nam:2012	3	
124	Giáo trình quản lý dự án	Việt Nam:2012	2	
125	Giáo trình quản lý dự án	Việt Nam:2012	2	
126	Bài tập kiểm toán nâng cao	Việt Nam:2011	2	
127	Bài tập kiểm toán căn bản	Việt Nam:2011	3	
128	Chính sách mới về đất đai năm 2012	Việt Nam:2012	3	
129	Bộ luật lao động 2012	Việt Nam:2012	3	
130	Bộ luật lao động và văn bản hướng dẫn thi hành	Việt Nam:2012	3	
131	Nguyên lý thống kê	Việt Nam:2012	3	
132	Thuế và kế toán thuế áp dụng cho doanh nghiệp VN	Việt Nam:2011	2	
133	Bài tập kế toán doanh nghiệp	Việt Nam:2012	3	
134	Hệ thống bài tập kế toán và sơ đồ kế toán: hành chính sự nghiệp	Việt Nam:2012	3	
135	Giáo trình kế toán doanh nghiệp	Việt Nam:2012	3	
136	Những văn bản pháp luật mới nhất về luật kinh tế	Việt Nam:2012	2	
137	Quản trị kênh phân phối	Việt Nam:2011	1	
138	Giáo trình quản trị doanh nghiệp	Việt Nam:2013	1	
139	Kế toán tài chính trong quan hệ với luật kế toán	Việt Nam:2010	1	
140	Luật kinh tế	Việt Nam:2010	2	
141	Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành	Việt Nam:2011	3	
142	Giáo trình kế toán máy	Việt Nam:2010	2	

Số TT	Tên sách: tên tạp chí (chỉ ghi những sách: tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách: tạp chí
143	Giáo trình nguyên lý kế toán	Việt Nam:2011	2	
144	Giáo trình kinh tế quốc tế	Việt Nam:2012	2	
145	Giáo trình kinh tế công cộng	Việt Nam:2013	4	
146	Kế toán chi phí	Việt Nam:2011	2	
147	Bìa tập giải kế toán chi phí	Việt Nam:2010	2	
148	Chính sách thuế và văn bản chi tiết hướng dẫn thi hành	Việt Nam: 2012	3	
149	Chính sách thuế 2010	Việt Nam: 2010	2	
150	Thuế 2011	Việt Nam: 2011	2	
151	Thuế 2013	Việt Nam: 2013	2	
152	Thuế tax 2012	Việt Nam: 2012	3	
153	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Việt Nam: 2012	3	
154	Giáo trình thống kê doanh nghiệp	Việt Nam: 2010	2	
155	Kinh tế học dành cho đại chúng	Việt Nam: 2013	4	
156	Giáo trình kinh tế đầu tư	Việt Nam: 2010	2	
157	Bài giảng nguyên lý kinh tế vi mô	Việt Nam: 2010	2	
158	Giáo trình lịch sử kinh tế	Việt Nam: 2013	4	
159	Giáo trình lý thuyết thống kê	Việt Nam: 2012	4	
160	Giáo trình kinh tế thương mại	Việt Nam: 2013	4	
161	Giáo trình thống kê chất lượng	Việt Nam: 2012	3	
162	Bài giảng nguyên lý kinh tế vĩ mô	Việt Nam: 2011	2	
163	Giáo trình kinh tế phát triển	Việt Nam: 2012	2	
164	Giáo trình nguyên lý thống kê	Việt Nam: 2010	2	
165	Kinh tế phát triển	Việt Nam: 2012	2	
166	Kinh tế thị trường khi VN trở thành quốc gia có thu nhập trung bình	Việt Nam: 2012	3	
167	Quan hệ kinh tế quốc tế	Việt Nam: 2010	3	
168	Phân tích và dự báo kinh doanh	Việt Nam: 2011	4	
169	Hướng dẫn bài tập kinh tế vĩ mô	Việt Nam: 2010	1	
170	Bài tập và bài giải nguyên lý kế toán	Việt Nam: 2012	2	
171	Phân tích kinh tế trong doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu	Việt Nam: 2010	4	
172	Giáo trình kinh tế lượng	Việt Nam: 2012	2	
173	Giáo trình kinh tế quốc tế	Việt Nam: 2012	2	

Số TT	Tên sách: tên tạp chí (chỉ ghi những sách: tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách: tạp chí
174	Kinh tế học bền vững	Việt Nam: 2011	3	
175	Giáo trình kinh tế VN	Việt Nam: 2010	4	
176	Kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh khởi nghiệp thành công	Việt Nam: 2011	4	
177	Tuyển chọn các mẫu hợp đồng thông dụng mới nhất	Việt Nam: 2013	1	
178	Tin học ứng dụng: excel ứng dụng trong phân tích: đầu tư và tài chính	Việt Nam: 2011	2	
179	Phương pháp nghiên cứu định lượng	Việt Nam: 2011	2	
180	Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại VN	Việt Nam: 2013	2	
181	Phân tích lý thuật hoạch định chiến lược giao dịch	Việt Nam: 2012	2	
182	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Việt Nam: 2010	1	
183	Năng lực CEO: yếu tố quyết định thành công của doanh nghiệp	Việt Nam: 2010	2	
184	Marketing quốc tế	Việt Nam: 2012	2	
185	Giáo trình nghiên cứu kinh doanh	Việt Nam: 2011	2	
186	Tiếp thị trực tuyến trong kỷ nguyên mới	Việt Nam: 2011	2	
187	Tinh hoa lãnh đạo	Việt Nam: 2011	3	
188	Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở VN	Việt Nam: 2013	2	
189	Đầu tư quốc tế	Việt Nam: 2013	2	
190	Doanh nghiệp VN hội nhập và những vấn đề môi trường	Việt Nam: 2010	2	
191	Bài tập-bài giải phân tích hoạt động kinh doanh	Việt Nam: 2010	2	
192	Thẩm định giá tài sản và doanh nghiệp	Việt Nam: 2010	4	
193	Marketing không cần quảng cáo	Việt Nam: 2010	1	
194	Nghiên cứu định lượng trong kinh doanh và tiếp thị	Việt Nam: 2010	2	
195	Cẩm nang rào cản thương mại quốc tế đối với hàng nông lâm thủy sản XNK của VN	Việt Nam: 2011	2	
196	Một số mô hình công nghiệp hóa trên thế giới và VN	Việt Nam: 2011	3	
197	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế	Việt Nam: 2010	1	
198	Giáo trình kinh doanh quốc tế	Việt Nam: 2012	2	

Số TT	Tên sách: tên tạp chí (chỉ ghi những sách: tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách: tạp chí
199	Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động khoa học - công nghệ ở VN	Việt Nam: 2012	3	
200	Những lí thuyết mới về doanh nghiệp	Việt Nam: 2011	3	
201	An ninh môi trường	Việt Nam: 2013	3	
202	Giáo trình xã hội học môi trường	Việt Nam: 2011	3	
203	Bài tập nguyên lý kế toán	Việt Nam: 2012	3	
204	Kỹ năng thuyết trình	Việt Nam: 2011	1	
205	Hợp tác kinh tế VN với ASEAN và ASEAN mở rộng	Việt Nam: 2010	1	
206	Hướng dẫn giải bài tập kinh tế vĩ mô	Việt Nam: 2010	1	
207	Hiện thực hóa cộng đồng kinh tế ASEAN và tác động đến VN	Việt Nam: 2013	2	
208	Văn hóa trong quản lý điều hành doanh nghiệp thời kỳ đổi mới ở VN	Việt Nam: 2010	2	
209	Hiệp định thương mại VN-Hoa Kỳ: tạo điều kiện cho VN hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới	Việt Nam: 2010	2	
210	Niên giám thống kê 2011	Việt Nam: 2012	3	
211	Niên giám thống kê 2011	Việt Nam: 2013	1	
212	Phân tích hoạt động kinh doanh	Việt Nam: 2012	4	
213	Kỹ năng quản trị	Việt Nam: 2011	1	Quản trị học; Quản trị ngân hàng; Quản trị doanh nghiệp
214	Cuộc chơi đầu tư mạo hiểm	Việt Nam: 2013	1	
215	Giáo trình tính chi phí kinh doanh	Việt Nam: 2013	4	Phân tích kinh doanh
216	Giáo trình kinh doanh ngoại hối	Việt Nam: 2012	3	Ngân hàng thương mại; Tài chính tiền tệ
217	Thẩm định dự án đầu tư	Việt Nam: 2012	3	Quản lý rủi

Số TT	Tên sách: tên tạp chí (chỉ ghi những sách: tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách: tạp chí
				ro trong ngân hàng; Quản trị tài chính doanh nghiệp
218	Mô hình tập đoàn kinh tế nhà nước ở Việt Nam	Việt Nam: 2013	2	
219	Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ: hiện đại	Việt Nam: 2012	2	
220	Cộng đồng kinh tế Đông Á và những toan tính của các nước lớn	Việt Nam: 2010	2	
221	Nghệ thuật đàm phán	Việt Nam: 2012	1	
222	Quản trị kinh doanh	Việt Nam: 2011	1	
223	Environment and Economi	USA : 2011	1	
224	Managerial Judgement & Strategic Investment Decisions	USA : 2010	1	
225	Accounting Information Systems	Canada : 2010	1	
226	The four colors of business growth	USA : 2011	1	
227	Marketing Essentials	USA : 2010	3	
228	Business writing & communication	USA : 2010	1	
229	Accounting understanding & practice	USA : 2010	1	
230	Essentials of accounting for government & not-for-profit organizations	USA : 2011	1	
231	Business communication for the global age	Australia : 2011	1	
232	Accounting & bookkeeping principles & practice	Australia : 2011	1	Nguyên lý kế toán; Kế toán tài chính
233	Management accounting for business decisions	UK : 2011	1	
234	ISO 9001:2008 for small business	Great Britain : 2010	1	
235	Developing change leaders	Great Britain : 2010	1	
236	Business skills for engineers & technologists	Great Britain : 2011	1	

Số TT	Tên sách: tên tạp chí (chỉ ghi những sách: tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách: tạp chí
237	Managing teams	USA : 2010	1	
238	Creating powerful brands	Great Britain : 2011	1	
239	Treaty interpretation	2010	1	
240	An introduction to intervest banks: hedge funds & private equity	2010	1	
241	Auditing & assurance services	2012	1	
242	Managing your personal finances	Singapore : 2011	1	
243	Cost management	Singapore : 2010	1	
244	Introduction to environmental economics	USA : 2011	1	
245	Law for Business	USA : 2012	1	
246	Enhancing the lessons of experience leadership	Singapore : 2012	1	
247	Compensation	Singapore : 2011	1	
248	Managerial communication	Singapore : 2011	1	
249	Bank Management & Financial Services	Singapore : 2010	1	
250	Business a changing world	USA : 2011	1	
251	Accounting Information Systems	USA : 2010	1	
252	Fundamentals of cost accounting	China2011	1	
253	Accounting for decision marketing & control	Singapore : 2011	1	
254	Purchasing & Supply Chain Management	Singapore : 2010	1	
255	Public finance	Singapore : 2010	1	
256	Practical Business Statistics	USA : 2012	1	
257	Avanced financial accounting	Singapore : 2011	1	
258	Business statistics in practice	USA : 2011	1	
259	Fundamentals of investments	USA : 2012	1	
260	Introcution to managerial accounting	USA : 2010	1	
261	International business	USA : 2011	1	
262	Applied statistics in business & economic	USA : 2011	1	
263	Principles of auditing & other assurance services	USA : 2012	1	
264	Service management- operations: strategy: information technology	Singapore : 2011	1	
265	Essentials of business statistics	USA : 2012	1	
266	Financial accounting	Singapore : 2011	1	Kế toán tài

Số TT	Tên sách: tên tạp chí (chỉ ghi những sách: tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách: tạp chí
				chính
267	Business history-complexities & comparisons	Great Britain : 2011	1	
268	Management Now	USA : 2012	1	
269	Mataphorical Management	USA : 2011	1	
270	Mergers: acquisitions & other restructuring activities	USA : 2012	1	Quản trị doanh nghiệp; Quản trị tài chính doanh nghiệp
271	Economic growth & environmental regulation	USA : 2010	1	
272	Basic Marketing	USA : 2011	1	Nguyên lý marketing;
273	Management	USA : 2011	1	Quản trị học
274	Experiencing change in german controlling	UK : 2010	1	
275	Enterprise Interoperability	USA : 2011	1	
276	Business process model & notation	USA : 2011	1	
277	The ethics of banking	USA : 2011	1	Đạo đức trong kinh doanh
278	Global bank regulation principles & policies	USA : 2010	1	
279	Methods to analyse agricultural commodity price volatility	USA : 2011	1	
280	The economics of small businesses	USA : 2011	1	
281	Prediction Markets	Germany: 2012	1	Thị trường chứng khoán
282	Information systems for engineering & infrastructure asset management	Australia : 2013	1	
283	Information technology for small business	USA : 2012	1	
284	Market risk & financial markets modeling	USA : 2012	2	
285	Enterprise: business-process & information systems modeling	USA : 2012	1	

Số TT	Tên sách: tên tạp chí (chỉ ghi những sách: tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách: tạp chí
286	Free markets & the culture of common good	USA : 2012	1	Thị trường và giá cả
287	Enterprise information systems	USA : 2011	1	
288	Infrastructuring	USA : 2011	1	
289	National Intellectual Capital	USA : 2011	1	
290	Capitalism	USA : 2011	1	
291	Pricing & risk management of synthetic CDOs	USA : 2011	1	
292	The practice of enterprise modeling	USA : 2011	1	Thị trường và giá cả
293	The financial systems of industrial countries	USA : 2012	1	Thị trường và định chế tài chính
294	Management accounting retrospect & prospect	USA : 2010	1	Kế toán quản trị
295	e-Business & telecommunications	USA : 2012	1	Nguyên lý thương mại điện tử
296	New corporate governance	USA : 2012	1	Quản trị doanh nghiệp
297	Money: stock prices & central banks	USA : 2011	1	Tài chính tiền tệ
298	Business law	Great Britain : 2011	1	Luật kinh tế
299	Asset prices: booms & recessions	USA : 2011	1	
300	Managing business portfolios effectively	Germany:2012	1	

2.3.4 Không gian sống và điều kiện sinh hoạt

Khu ký túc xá của Học Viện được đánh giá là ký túc xá có chất lượng cao trong các trường đại học ở Hà Nội. Học viện có không gian tốt, vệ sinh, an toàn cao, cảnh quan môi trường sinh thái tốt. Cơ sở vật chất phục vụ đời sống, hoạt động ngoại khóa như: nhà thi đấu, sân vận động khu công viên vui chơi giải trí cho người học và giáo viên. Khu dịch vụ ăn uống thuận tiện.

Kết nối giao thông của Học viện với Trung tâm Hà Nội và các tỉnh lân cận rất thuận lợi. Hiện nay Học viện có 02 tuyến xe Bus 11 và 59 vào gần giảng đường. Từ Học viện đến các nút giao thông trung tâm thành phố Hà Nội rất thuận tiện như nút cầu Thanh Trì, Vĩnh Tuy,... kết nối với các tiện ích đô thị khác cũng rất thuận lợi bao gồm các khu đô thị, trung tâm thương mại,... Học viện Nông nghiệp Việt Nam thực sự là nơi đào tạo và nghiên cứu hiện đại, văn hoá, tiện ích và môi trường trong lành.

PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

3.1 CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, TÀI LIỆU, CHUẨN QUỐC TẾ ĐÃ THAM KHẢO

- Bộ Tiêu chuẩn AUN (ASEAN University Network).
- Chương trình đào tạo Ngành Tài chính – Ngân hàng, Trường Đại học Hà Nội, Việt Nam
- Chương trình đào tạo Ngành Tài chính – Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế Đại học Quốc gia
- Chương trình đào tạo Ngành Tài chính – Ngân hàng, Đại học Công nghệ và đổi mới Châu Á Thái Bình Dương (Malaysia)
- Chương trình đào tạo Ngành Tài chính – Ngân hàng, Đại học Leeds, Vương quốc Anh

3.2 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH

Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ phải hoàn thành: 130 tín chỉ, bao gồm:

- Học phần giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Học phần cơ sở ngành: 20 tín chỉ
- Học phần chuyên ngành: 72 tín chỉ, trong đó có 13 tín chỉ thực tập giáo trình và 10 tín chỉ thực tập tốt nghiệp
- Thời gian đào tạo: 4 năm

Tuyển sinh cho chương trình xin mở

Điều kiện dự tuyển: Có bằng/giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT, có thể tuyển thẳng, xét học bạ hoặc theo điểm thi tốt nghiệp THPT

- Đối tượng tuyển sinh: học sinh đã tốt nghiệp PTTH THPT hoặc bổ túc THPT tại các trường

Phương thức tuyển sinh (khối thi/ môn thi/ hình thức tổ chức thi):

A00, A01, B00, D01, C02

Dự kiến tuyển sinh 3 năm đầu:

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 5 năm đầu của ngành đề nghị đào tạo:

Năm thứ 1 và năm thứ 2: 60-80 sinh viên mỗi năm

Năm thứ 3- năm thứ 5: 80-100 sinh viên mỗi năm

3.2.1. Mục tiêu đào tạo

3.2.1.1 Mục tiêu chung

Chương trình Tài chính- Ngân hàng có mục tiêu chung là: Đào tạo cử nhân Tài chính – Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về tài chính, ngân hàng; có tư duy nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện, giải quyết những vấn đề, thách thức mới trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng; có khả năng làm việc tại cơ quan và các tổ chức liên quan tới tài chính, ngân hàng trong và ngoài nước.

3.2.1.2 Mục tiêu cụ thể

Chương trình có những mục tiêu cụ thể như sau:

- **Mục tiêu 1:** Là công dân có phẩm chất chính trị, có đạo đức nghề nghiệp tốt, năng động và sáng tạo.

- **Mục tiêu 2:** Vận dụng các kiến thức và kỹ năng thu nhận được từ chương trình đào tạo; Sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, phát hiện và giải quyết vấn đề trong các ngân hàng, tổ chức tài chính, cơ quan công lập và doanh nghiệp;

- **Mục tiêu 3:** Theo đuổi mục tiêu học tập suốt đời; phát triển sự nghiệp để trở thành chuyên viên, chuyên gia, nhà quản lý, nhà lãnh đạo trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ở trong nước và quốc tế;

3.2.2 Chuẩn đầu ra

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên sẽ:

Bảng 7: Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Ngành Tài chính – Ngân hàng

Nội dung	Các kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo
Kiến thức chung	<i>Chuẩn đầu ra 1:</i> Áp dụng kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị, pháp luật, thống kê, toán học để giải quyết những vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.
Kiến thức chuyên môn	<i>Chuẩn đầu ra 2:</i> Áp dụng các kiến thức chuyên ngành về kế toán, tài chính, quản trị, marketing, kiểm toán vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng

Nội dung	Các kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo
	<i>Chuẩn đầu ra 3:</i> Vận dụng kiến thức chuyên ngành về tài chính, ngân hàng trong công tác quản lý và thực hiện các nghiệp vụ của ngân hàng, các tổ chức tài chính, cơ quan công lập và doanh nghiệp.
	<i>Chuẩn đầu ra 4:</i> Vận dụng kiến thức về quản lý, pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến ngành học trong việc quản lý hoạt động của các tổ chức ngân hàng, tổ chức tài chính, cơ quan công lập và doanh nghiệp.
Kỹ năng	<i>Chuẩn đầu ra 5:</i> Giao tiếp đa phương tiện hiệu quả với các bên liên quan. Trình độ tiếng Anh tối thiểu đạt mức B1 theo khung tham chiếu chung châu Âu hoặc tương đương;
	<i>Chuẩn đầu ra 6:</i> Sử dụng tốt công nghệ thông tin và thiết bị hiện đại để xử lý các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.
	<i>Chuẩn đầu ra 7:</i> Phối hợp làm việc nhóm hiệu quả trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.
	<i>Chuẩn đầu ra 8:</i> Thực hiện thành thạo việc thu thập, xử lý và phân tích thông tin phục vụ viết, trình bày báo cáo và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng
	<i>Chuẩn đầu ra 9:</i> Xử lý thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.
	<i>Chuẩn đầu ra 10:</i> Xử lý thành thạo các tình huống trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng phục vụ cho việc ra quyết định.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	<i>Chuẩn đầu ra 11:</i> Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng; có ý thức về trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường;
	<i>Chuẩn đầu ra 12:</i> Xác định được các cơ hội nghề nghiệp tương lai và có mục tiêu học tập suốt đời.

3.2.3 Định hướng nghề nghiệp sau tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành tài chính, ngân hàng sẽ làm việc trong các lĩnh vực và vị trí liên quan đến:

*** Lĩnh vực nghề nghiệp:**

- Tài chính;
- Ngân hàng;
- Kế toán, kiểm toán
- Quản trị kinh doanh;
- Đào tạo và nghiên cứu.

*** Vị trí công tác:**

- Chuyên viên và quản lý trong các ngân hàng và tổ chức tài chính
- Chuyên gia tư vấn, phân tích tài chính, đầu tư, môi giới chứng khoán
- Kế toán viên, kiểm toán viên;
- Cán bộ nghiên cứu, nhà khoa học và giảng viên trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.
- Chuyên viên tài chính trong các Dự án phát triển

*** Cơ quan công tác:**

- Các ngân hàng thương mại
- Công ty tài chính, công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm
- Các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước;
- Các cơ sở đào tạo, nghiên cứu thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

3.2.4 Định hướng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp trình độ đại học ngành Tài chính- Ngân hàng có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu khoa học ở bậc sau đại học (thạc sỹ, tiến sỹ) và các khóa học nâng cao khác ở trong và ngoài nước về các chuyên ngành:

- Tài chính ngân hàng;
- Kế toán kiểm toán;
- Quản trị kinh doanh;
- Chứng chỉ nghề nghiệp CFA

Đủ điều kiện học văn bằng 2.

3.2.5 Nội dung chương trình đào tạo

Nội dung chương trình đào tạo được xây dựng ở bảng 8, kế hoạch đào tạo ngành Tài chính- Ngân hàng được xây dựng ở bảng 9.

Bảng 8: Chương trình đào tạo Ngành Tài chính – Ngân hàng

STT	Mã	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Tổng số TC	LT	TH	Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết (*)	BB	TC	Khối kiến thức
TỔNG SỐ PHẦN ĐẠI CƯƠNG				38						34	4	
1	ML01020	Triết học Mac-Le	Philosophy of Marxism and Leninism	3	3	0				BB		Đại cương
2	KT02003	Nguyên lý kinh tế	The principle of economics	3	3	0				BB		
3	ML01009	Pháp luật đại cương	Introduction to laws	2	2	0				BB		
4	TH01007	Xác suất-thống kê	Probability and Statistics	3	3	0				BB		
5	SN00010	Tiếng Anh bổ trợ	Revision English	1	1	0				-		
6	TH01009	Tin học đại cương	Basics of Informatics	2	2	0				BB		
7	KQ01219	Tinh thần doanh nhân	Entrepreneurship	2.0	2.0	0.0				BB		
8	QS01001	Đường lối quân sự Đảng	The military policies of the Party	3	3	0				PCBB		
9	GT01016	Giáo dục thể chất đại cương	General physical education	1	0,5	0,5				PCBB		
10	SN00011	Tiếng Anh 0	English No 0	2	2	0	Tiếng Anh bổ trợ	SN00010	2	-		

STT	Mã	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Tổng số TC	LT	TH	Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết (*)	BB	TC	Khối kiến thức
11	ML03048	Luật Tài chính – Ngân hàng	Law on finance – bank	2	2	0				BB		
12	KQ01021	Kinh tế chính trị Mac – Lenin	Political economy of Marxism and Leninism	2.0	2.0	0.0				BB		
13	QS01002	Công tác quốc phòng và an ninh	Defence warker – security	2	2	0				PCBB		
14	KT02006	Nguyên lý thống kê kinh tế	Principles of Economic Statistics	3	3	0				BB		
15	GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01014/ GT01015	Giáo dục thể chất (Chọn 2 trong 9 học phần: Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu Lông, Cờ vua, Khiêu vũ thể thao, Bơi)	Physical education (Athletics, Aerobics, Football, Volleyball, Basketbal, Badminton, Chess, Dance Sport, Swimming)	1	0	1,0				PCBB		

STT	Mã	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Tổng số TC	LT	TH	Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết (*)	BB	TC	Khối kiến thức
16	KN01001/ KN01002/ KN01003/ KN01004/ KN01005/ KN01006/ KN01007	Kỹ năng mềm: 90 tiết (Chọn 3 trong 7 học phần, mỗi học phần 30 tiết: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý bản thân, Kỹ năng tìm kiếm việc làm, Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng hội nhập quốc tế, Kỹ năng khởi nghiệp)	Soft skills (communication skills, management skills, Seft management skills, Job search skills, group working skills, Skills for international integration, Start up your own business)							PCBB		
17	ML01022	Chủ nghĩa xã hội KH	Socialism	2	2	0	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	ML01021	2	BB		
18	SN01032	Tiếng Anh 1	English No 1	3	3	0	Tiếng Anh 0	SN00011	3	BB		
19	QS01003	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn	General military and AK shooting tactics, technique	3	2	1				PCBB		
20	SN01033	Tiếng Anh 2	English No 2	3	3	0	Tiếng Anh 1	SN01032	3	BB		

STT	Mã	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Tổng số TC	LT	TH	Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết (*)	BB	TC	Khối kiến thức
21	ML01005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh ideology	2	2	0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ML01022	2	BB		
22	ML01023	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	The history of Vietnamese communist Party	2	2	0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ML01005	2	BB		
23	KT01003	Kỹ năng quản lý và làm việc nhóm	Group working skills	2	2	0					TC	
24	KT02015	Kinh tế lượng căn bản	Basic Econometrics	2	2	0	Nguyên lý kinh tế	KT02003	2		TC	
25	KQ03331	Nguyên lý thương mại điện tử	Principle of E-commerce	2	2.0	0	Marketing căn bản	KQ02106	2		TC	
26	KQ02304	Tin học trong KD & QL	Applied Informatics for Business and Management	2	1,5	0,5					TC	
TỔNG SỐ PHẦN CƠ SỞ NGÀNH				20						20	0	
27	KQ02005	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	3	3	0	Nguyên lý kế toán	KQ02014	2	BB		
28	KQ02106	Marketing căn bản	Basics of Marketing	3	3	0				BB		

STT	Mã	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Tổng số TC	LT	TH	Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết (*)	BB	TC	Khối kiến thức
29	KQ02014	Nguyên lý kế toán	Principles of Accounting	3	3	0	Nguyên lý kinh tế	KT02003	2	BB		Cơ sở ngành
30	KQ01211	Quản trị học	Principles of Management	3	3	0				BB		
31	KQ02303	Tài chính tiền tệ	Fundamentals of Monetary and Finance	3	3	0	Nguyên lý kinh tế	KT02003	2	BB		
32	KQ02310	Tổng quan ngân hàng thương mại	Overview of Commercial Banks	3	3	0				BB		
33	KQ02309	Thị trường và định chế tài chính	Financial market and institutions	2	2	0	Tài chính tiền tệ	KQ02303	2	BB		
TỔNG SỐ PHẦN CHUYÊN NGÀNH				72						64	8	
34	MT03066	Môi trường và lợi thế cạnh tranh của DN	Environment and competitive advantage of the business	2	2	0				BB		
35	KQ02423	Kế toán ngân hàng thương mại	Commercial Bank Accounting	3	3	0	Nguyên lý kế toán	KQ02014	2	BB		
36	KQ03301	Quản trị tài chính DN	Corporate Financial Management	3	3	0	Tài chính tiền tệ	KQ02303	2	BB		

STT	Mã	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Tổng số TC	LT	TH	Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết (*)	BB	TC	Khối kiến thức
37	KQ03414	Tín dụng ngân hàng	Bank Credit	2	2	0	Tổng quan ngân hàng thương mại	KQ02310	2		TC	Chuyên ngành
38	KQ03007	Kế toán tài chính	Financial Accounting	3	3	0	Nguyên lý kế toán	KQ02014	2		TC	
39	KQ03310	Thuế	Taxation	2	2	0	Tài chính tiền tệ	KQ02303	2		TC	
40	SN03040	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- NH	English for finance and banking	2			Tiếng Anh 2	SN01033	2	BB		
41	KQ03415	Quản trị rủi ro ngân hàng	Bank risk management	3	3	0	Quản trị học	KQ01211	2	BB		
42	KQ03416	Tài chính quốc tế	International Finance	3	3	0	Tài chính tiền tệ	KQ02303	2	BB		
43	KQ03417	Marketing ngân hàng	Banking marketing	2	2	0	Marketing căn bản	KQ02126	2	BB		
44	KQ04976	Thực tập giáo trình 1	Internship course 1	6		6				BB		
45	KQ03217	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị kinh doanh	Research Methodology in Business Management	2	2	0					TC	
46	KQ03418	Tài chính cá nhân	Personal Finance	3	3	0	Tài chính tiền tệ	KQ02303	2		TC	

STT	Mã	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Tổng số TC	LT	TH	Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết (*)	BB	TC	Khối kiến thức
47	KQ03347	Phân tích tài chính doanh nghiệp	Corporate Financial Analysis	3	3	0	Kế toán tài chính	KQ03007	2	BB		
48	KQ04977	Thực tập giáo trình 2	Internship course 2	7	0	7	Thực tập giáo trình 1	KQ04976	2	BB		
49	KQ03019	Tổ chức kế toán trong DN	Organization of accounting in enterprises	2	2	0	Nguyên lý kế toán	KQ02014	2	BB		
50	KQ03367	Tài chính vi mô	Microfinance	2	1,5	0,5	Tài chính tiền tệ	KQ02303	2	BB		
51	KQ03400	Thanh toán quốc tế	International Payment	2.0	2.0	0.0	Tài chính quốc tế	KQ03416	2		TC	
52	KQ02209	Quản trị doanh nghiệp	Corporation Management	3	3	0	Quản trị học	KQ01211	2		TC	
53	KQ03419	Kiểm soát nội bộ Ngân hàng và Quỹ tín dụng	Internal control system in Banking	3	3	0				BB		
54	KQ03307	Thị trường chứng khoán	Fundamentals of Stock Market	3	3	0	Tài chính tiền tệ	KQ02303	2	BB		
55	KQ03420	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	Audit and Assurance	3	3	0	Nguyên lý kế toán	KQ02014		BB		
56	KQ03421	Dịch vụ bảo hiểm	KQ03421	2	2	0				BB		

STT	Mã	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Tổng số TC	LT	TH	Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết (*)	BB	TC	Khối kiến thức
57	KQ03304	Tài chính công	Public Finance	2	2	0	Tài chính tiền tệ	KQ02303	2	BB		
58	KQ03349	Định giá tài sản	Asset valuation	3	3	0	Quản trị tài chính doanh nghiệp	KQ03301	2	BB		
59	KQ03435	Đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán tài chính	Code of ethics in Accounting, Auditing, Financing	2	2	0	Nguyên lý kế toán	KQ02014	2		TC	
60	KQ04992	Thực tập tốt nghiệp	Thesis	10	0	10	Thực tập giáo trình 2	KQ04977	2	BB		
61	KQ03016	Phân tích kinh doanh	Business Analysis	3	3	0					TC	10 TC thay thế Thực tập tốt nghiệp
62	KQ03114	Thị trường- Giá cả	Markets and Prices	3	3	0	Nguyên lý kinh tế	KT02003	2		TC	
63	KQ03379	Tài chính phát triển	Development Finance	2	2	0	Tài chính tiền tệ	KQ02303	2		TC	
64	KQ03010	Kế toán thuế	Accounting on tax	2	2	0	Nguyên lý kế toán	KQ02014	2		TC	

(*): 1 - song hành, 2 - học trước, 3 - tiên quyết

Tổng số tín chỉ bắt buộc: 118

Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu: 12

Tổng số tín chỉ trong chương trình đào tạo: 130

Bảng 9: Kế hoạch đào tạo Ngành Tài chính – Ngân hàng

Năm học	Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Tổng số TC	LT	TH	Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết (*)	BB/ TC	Tổng số TC tối thiểu phải chọn
1	1	1	ML01020	Triết học Mac-Le	Philosophy of Marxism and Leninism	3	3	0				BB	0
1	1	2	KT02003	Nguyên lý kinh tế	The principle of economics	3	3	0				BB	
1	1	3	ML01009	Pháp luật đại cương	Introduction to laws	2	2	0				BB	
1	1	4	TH01007	Xác suất-thống kê	Probability and Statistics	3	3	0				BB	
1	1	5	SN00010	Tiếng Anh bổ trợ	Revision English	1	1	0				-	
1	1	6	TH01009	Tin học đại cương	Basics of Informatics	2	2	0				BB	
1	1	7	KQ01219	Tinh thần doanh nhân	Entrepreneurship	2.0	2.0	0.0				BB	
1	1	8	QS01001	Đường lối quân sự Đảng	The military policies of the Party	3	3	0				PCBB	
1	1	9	GT01016	Giáo dục thể chất đại cương	General physical education	1	0,5	0,5				PCBB	
1	2	10	SN00011	Tiếng Anh 0	English No 0	2	2	0	Tiếng Anh bổ trợ	SN00010	2	-	
1	2	11	ML03048	Luật Tài chính – Ngân hàng	Law on finance – bank	2	2	0				BB	
1	2	12	KQ01021	Kinh tế chính trị Mac – Lenin	Political economy of Marxism and Leninism	2.0	2.0	0.0				BB	

Năm học	Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Tổng số TC	LT	TH	Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết (*)	BB/ TC	Tổng số TC tối thiểu phải chọn
1	2	13	QS01002	Công tác quốc phòng và an ninh	Defence worker – security	2	2	0				PCBB	2
1	2	14	KT02006	Nguyên lý thống kê kinh tế	Principles of Economic Statistics	3	3	0				BB	
1	2	15	GT01017/GT01018/GT01019/GT01020/GT01021/GT01022/GT01023/GT01014/GT01015	Giáo dục thể chất (Chọn 2 trong 9 học phần: Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu Lông, Cờ vua, Khiêu vũ thể thao, Bơi)	Physical education (Athletics, Aerobics, Football, Volleyball, Basketbal, Badminton, Chess, Dance Sport, Swimming)	1	0	1,0				PCBB	
1	2	16	KN01001/KN01002/KN01003/KN01004/KN01005/KN01006	Kỹ năng mềm: 90 tiết (Chọn 3 trong 6 học phần, mỗi học phần 30 tiết: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý bản thân, Kỹ năng tìm kiếm việc làm, Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng hội nhập quốc tế)	Soft skills (communication skills, management skills, Seft management skills, Job search skills, group working skills, Skills for international integration)							PCBB	

Năm học	Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Tổng số TC	LT	TH	Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết (*)	BB/ TC	Tổng số TC tối thiểu phải chọn
1	2	17	MT03066	Môi trường và lợi thế cạnh tranh của DN	Environment and competitive advantage of the business	2	2	0				BB	
1	2	18	KQ02106	Marketing căn bản	Basics of Marketing	3	3	0				BB	
1	2	19	KQ02014	Nguyên lý kế toán	Principles of Accounting	3	3	0	Nguyên lý kinh tế	KT02003	2	BB	
1	2	20	KT01003	Kỹ năng quản lý và làm việc nhóm	Group working skills	2	2	0				TC	
1	2	21	KQ01211	Quản trị học	Principles of Management	3	3	0				TC	
2	3	22	SN01032	Tiếng Anh 1	English No 1	3	3	0	Tiếng Anh 0	SN00011	3	BB	2
2	3	23	ML01022	Chủ nghĩa xã hội KH	Socialism	2	2	0	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	ML01021	2	BB	
2	3	24	QS01003	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn	General military and AK shooting tactics, technique	3	2	1				PCBB	
2	3	25	KQ02308	Quản trị ngân hàng	Bank Management	3						BB	
2	3	26	KQ02303	Tài chính tiền tệ	Fundamentals of Monetary and Finance	3	3	0				BB	

Năm học	Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Tổng số TC	LT	TH	Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết (*)	BB/ TC	Tổng số TC tối thiểu phải chọn
2	3	27	KQ02310	Nghiệp vụ ngân hàng TM	Commercial bank operations	3						BB	
2	3	28	KT02015	Kinh tế lượng căn bản	Basic Econometrics	2	2	0	Nguyên lý kinh tế	KT02003	2	TC	
2	3	29	KQ02304	Tin học trong KD & QL	Applied Informatics for Business and Management	2	1,5	0,5				TC	
2	4	30	SN01033	Tiếng Anh 2	English No 2	3	3	0	Tiếng Anh 1	SN01032	3	BB	2
2	4	31	KQ02309	Thị trường và định chế tài chính	Financial market and institutions	2			Tài chính tiền tệ	KQ02303	2	BB	
2	4	32	KQ02423	Kế toán ngân hàng thương mại	Commercial Bank Accounting	3	3	0	Nguyên lý kế toán	KQ02014	2	BB	
2	4	33	KQ03301	Quản trị tài chính DN	Corporate Financial Management	3	3	0	Tài chính tiền tệ	KQ02303	2	BB	
2	4	34	KQ03414	Tín dụng ngân hàng	Bank Credit	3						BB	
2	4	35	ML01005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh ideology	2	2	0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ML01022	2	BB	
2	4	58	KQ03007	Kế toán tài chính	Financial Accounting	3	3	0	Nguyên lý kế toán	KQ02014	2	TC	
2	4	36	KQ03310	Thuế	Taxation	2	2	0	Tài chính tiền tệ	KQ02303	2	TC	

Năm học	Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Tổng số TC	LT	TH	Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết (*)	BB/ TC	Tổng số TC tối thiểu phải chọn
3	5	38	SN03040	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- NH	English for finance and banking	2			Tiếng Anh 2	SN01033	2	BB	2
3	5	39	ML01023	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	The history of Vietnamese communist Party	2	2	0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ML01005	2	BB	
3	5	40	KQ03415	Quản trị rủi ro ngân hàng	Bank risk management	3						BB	
3	5	41	KQ03416	Tài chính quốc tế	International Finance	3						BB	
3	5	42	KQ03417	Marketing ngân hàng	Banking marketing	2						BB	
3	5	43	KQ04976	Thực tập giáo trình 1	Internship course 1	6		6				BB	
3	5	44	KQ03217	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị kinh doanh	Research Methodology in Business Management	2	2	0				TC	
3	5	45	KQ03418	Tài chính cá nhân	Personal Finance	3	3	0				TC	2
3	6	46	KQ02005	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	3	3	0	Nguyên lý kế toán	KQ02014	2	BB	
3	6	47	KQ03347	Phân tích tài chính doanh nghiệp	Corporate Financial Analysis	3	3	0	Kế toán tài chính	KQ03007	2	BB	
3	6	48	KQ04977	Thực tập giáo trình 2	Intership course 2	7	0	7	Thực tập giáo trình 1		2	BB	
3	6	49	KQ03019	Tổ chức kế toán trong DN	Organization of accounting in enterprises	2	2	0	Nguyên lý kế toán	KQ02014	2	BB	

Năm học	Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Tổng số TC	LT	TH	Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết (*)	BB/ TC	Tổng số TC tối thiểu phải chọn
3	6	50	KQ03367	Tài chính vi mô	Microfinance	2	1,5	0,5				BB	
3	6	51	KQ03400	Thanh toán quốc tế	KQ03400	2.0	2.0	0.0	Tài chính quốc tế			TC	
3	6	52	KQ02209	Quản trị doanh nghiệp	Corporation Management	3	3	0	Quản trị học	KQ01211	2	TC	
4	7	53	KQ03419	Ngân hàng phát triển	Development Bank	3						BB	2
4	7	54	KQ03307	Thị trường chứng khoán	Fundamentals of Stock Market	3	3	0	Tài chính tiền tệ	KQ02303	2	BB	
4	7	55	KQ03420	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	Audit and Assurance	3	3	0	Nguyên lý kế toán	KQ02014		BB	
4	7	56	KQ03421	Dịch vụ bảo hiểm	KQ03421	2	2	0				BB	
4	7	57	KQ03304	Tài chính công	Public Finance	2	2	0	Tài chính tiền tệ	KQ02303	2	BB	
4	7	58	KQ03349	Định giá tài sản	Asset valuation	3	3	0	Quản trị tài chính doanh nghiệp	KQ03301	2	TC	
4	7	59	KQ03322	Hệ thống kiểm soát nội bộ	Internal control systems	3	3	0				TC	
4	7	60	KQ03331	Nguyên lý thương mại điện tử	Principle of E-commerce	2	2.0	0	Marketing căn bản	KQ02106	2	TC	

Năm học	Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Tổng số TC	LT	TH	Học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết (*)	BB/ TC	Tổng số TC tối thiểu phải chọn
4	8	61	KQ04992	Thực tập tốt nghiệp	Thesis	10	0	10	Thực tập giáo trình 2	KQ04977	2	BB	
4	8	62	KQ03016	Phân tích kinh doanh	Business Analysis	3	3	0				TC	10 TC thay thế Thực tập tốt nghiệp
4	8	63	KQ03114	Thị trường- Giá cả	Markets and Prices	3	3	0	Nguyên lý kinh tế	KT02003	2	TC	
3	8	64	KQ03379	Tài chính phát triển	Development Finance	2	2	0	Tài chính tiền tệ	KQ02303	2	TC	
4	8	65	KQ03010	Kế toán thuế	Accounting on tax	2	2	0	Nguyên lý kế toán	KQ02014	2	TC	

(*): 1 - song hành, 2 - học trước, 3 - tiên quyết

Tổng số tín chỉ bắt buộc: 118

Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu: 12

Tổng số tín chỉ trong chương trình đào tạo: 130

3.3 MÔ TẢ CÁC MÔN HỌC

ML01020 Triết học Mác – Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism). (3TC:3-0-6; 135). **Nội dung:** Học phần nhằm giúp người học nắm được kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác – Lênin và vận dụng các tri thức đã học vào hoạt động thực tiễn. **Tên chương:** Chương 1: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử. **Phương pháp giảng dạy:** Phương pháp thuyết giảng, Phương pháp nêu vấn đề, Phương pháp nghiên cứu trường hợp; Phương pháp giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Không

KT02003. Nguyên lý kinh tế (Principles of Economics); (3TC: 3-0-6; 135). **Nội dung:** Giới thiệu những nguyên lý cơ bản về Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô. 3 phần, (A) Những vấn đề chung về kinh tế học, (B) Những nguyên lý cơ bản về kinh tế vi mô, (C) Những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô. **Tên chương:** Chương 1: Mười nguyên lý cơ bản của kinh tế học; Chương 2: Lý thuyết cầu cung; Chương 3: Độ co giãn cầu cung và lý thuyết hành vi người tiêu dùng; Chương 4: Lý thuyết sản xuất, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp; Chương 5: Thị trường sản phẩm; Chương 6: Khái quát kinh tế học vĩ mô; Chương 7: Các chỉ tiêu đo lường thành tựu kinh tế quốc dân; chương 8: Thất nghiệp và lạm phát. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng (Lecturing method): giảng viên sử dụng các phương tiện truyền đạt (bảng viết, đèn chiếu, hệ thống âm thanh,...) để trình bày nội dung bài giảng. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Không

ML01009. Pháp luật đại cương (Introduction to Laws) (2 TC:2-0-4;90). **Nội dung:** Một số vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Một số nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nội dung cơ bản của Luật Dân sự và Luật Hình sự; Nội dung cơ bản của Luật Kinh tế, Luật Lao động, Luật Hôn nhân và Gia đình; Nội dung cơ bản của Luật Hành chính và pháp luật về phòng, chống tham nhũng. **Tên chương:** Chương 1: Nội dung cơ bản về nhà nước

và pháp luật; Chương 2: Nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Chương 3: Nội dung cơ bản của luật dân sự và luật hình sự; Chương 4: Nội dung cơ bản của luật hôn nhân và gia đình, luật lao động và luật kinh tế; Chương 5: Nội dung cơ bản của luật hành chính và pháp luật về phòng, chống tham nhũng. **Phương pháp giảng dạy:** Phương pháp thuyết giảng, Phương pháp nêu vấn đề, Phương pháp nghiên cứu trường hợp; Phương pháp giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Không

TH01007. Tên học phần: Xác suất thống kê (PROBABILITY AND STATISTIC); (3TC: 3-0-6; 135). **Nội dung:** Học phần gồm 6 chương với nội dung: Thống kê mô tả; Xác suất; Biến ngẫu nhiên; Ước lượng tham số; Kiểm định giả thuyết thống kê; Tương quan và hồi quy. **Tên chương:** Chương 1: Thống kê mô tả; Chương 2: Xác suất; Chương 3: Biến ngẫu nhiên; Chương 4: Ước lượng tham số; Chương 5: Kiểm định giả thuyết thống kê; Chương 6: Hồi quy tuyến tính đơn. **Phương pháp giảng dạy:** Phương pháp thuyết giảng, **Phương pháp đánh giá:** *Đánh giá quá trình:* (chuyên cần: 10 %; Bài tập: 10%; Thi giữa kỳ: 20%); *Đánh giá cuối kì* (Thi cuối kì) 60%. **Học phần học trước:** Không

SN00010. An Introduction to CEFR-based Tests.(1 credit: 1- 0 – 2; 45). **Brief description of the course:** An introductory module on the basic English program for students of Vietnam National University of Agriculture, introduces the structure and format of the CEFR-based tests. The content consists of 3 parts: Section A - Reading (Reading comprehension); Section B - Listening (Listening comprehension); Section C – Writing. Each section contains a number of exercises that can appear on the entrance test. **Parts:** Part 1: a brief introduction to the basic English Program for students of Vietnam National University of Agriculture; art 2: Section A: Reading; Part 2: Section A - Reading (Cont) + Section B – Listening; Part 2: Section B – Listening (cont) + Section C – Writing; Part 2: sample tests; **Teaching methods:** Lecturing method, Group-based learning, Teaching through discussion. **Assessment methods:** 1. Grading: This module doesn't count, it only is a conditional module for the placement test. 2. Average score of course: Students don't have the

final grade. If they don't attend at least 80% of the classes, they can't take the placement test.

TH01009. Tin học đại cương (Introduction to Informatics). (2TC: 1,5 – 0,5 – 4;90). *Nội dung:* Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về tin học, bao gồm: Các khái niệm cơ bản; Cơ sở toán học của máy tính; Các kiến thức cơ bản về cấu trúc máy tính, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính và Internet; Các vấn đề xã hội, pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; Các kiến thức và kỹ năng cơ bản về sử dụng máy tính, khai thác mạng máy tính, Internet và một số phần mềm thông dụng như MS Word, MS PowerPoint, MS Excel. *Tên chương:* Chương 1: Giới thiệu chung; Chương 2: Cấu trúc máy tính; Chương 3: Phần mềm máy tính và hệ điều hành; Chương 4: Mạng máy tính và Internet; Chương 5: Các vấn đề xã hội của Công nghệ thông tin; Chương 6: MS Word và MS PowerPoint; Chương 7: MS Excel. *Phương pháp giảng dạy:* huyết giảng và giảng dạy thông qua thực hành. *Phương pháp đánh giá:* Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 40%, kiểm tra cuối kì: 50%. *Học phần học trước:* Không

Tinh thần doanh nhân (Entrepreneurship). (2TC: 2 – 0 - 4; 90). *Nội dung:* Giới thiệu về bản chất khoa học tinh thần doanh nhân; Đặc điểm của các đối tượng doanh nhân, xác định cơ hội và thách thức, kỹ năng giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, phát triển các mô hình kinh doanh chủ yếu và đạo đức doanh nhân. *Tên chương:* *Chương 1:* Giới thiệu về bản chất tinh thần doanh nhân; *Chương 2:* Kỹ năng sáng tạo giải quyết vấn đề của doanh nhân; *Chương 3:* Tinh thần- ý chí – sức mạnh của doanh nhân; *Chương 4.* Đạo đức doanh nhân; *Chương 5* Kỹ năng xây dựng kế hoạch kinh doanh; *Chương 6* Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh; *Chương 7* Kế hoạch nhân sự và tài chính. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng: bài giảng được chuẩn bị powerpoint trình bày bằng máy chiếu, bảng nhằm cung cấp kiến thức của học phần; Nghiên cứu tình huống: nhằm xác định sự cần thiết xây dựng kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp, phân tích thị trường và môi trường, xác định mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh. Dạy học thông qua tiểu luận, hướng dẫn sinh viên lựa chọn chủ đề và tình huống mô hình kinh doanh, thuyết trình tiểu luận. *Phương pháp đánh giá:*

Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Không

QS01001, Đường lối quân sự của Đảng (The military policies of the Prty).

Tổng số 03 tín chỉ (Lý thuyết: 45 tiết, thực hành: không). **Nội dung:** Nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lý luận của Đảng về đường lối quân sự bao gồm: những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế-xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

Tên chương: bài 1: đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học giáo dục quốc phòng - an ninh; bài 2: quan điểm của chủ nghĩa mác-lênin, tư tưởng hồ chí minh về chiến tranh quân đội và bảo vệ tổ quốc; bài 3: xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; bài 4: chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc việt nam xã hội chủ nghĩa; bài 5: xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân việt nam; bài 6: kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh; bài 7: nghệ thuật quân sự việt nam.

Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình; Dạy học trực quan. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Không

GT01016 Giáo dục thể chất đại cương (General Physical Education); (1TC:0,5-0,5-2; 30). **Nội dung:** Sơ lược lịch sử TDTT và phong trào Olympic. Lý luận và phương pháp GDTC. **Tên chương:** bài 1: lịch sử TDTT và phong trào Olympic, bài 2: giáo dục thể chất trong trường đại học; bài 3: tác dụng và lợi ích của TDTT đối với sức khỏe; bài 4: các phương pháp giáo dục thể chất. Bài 5: các nguyên tắc và phương pháp giáo dục thể chất. Bài 6: giáo dục các tố chất thể lực. Bài 7: chấn thương trong thể thao và vệ sinh tập luyện. Bài 8: kế hoạch luyện tập TDTT. Bài 9: kiểm tra và tự kiểm y học. Bài 10: lý thuyết chạy cự ly trung bình và thảo luận. **Phương pháp giảng dạy:** Tổ chức học tập theo nhóm, giảng dạy thông qua thực hành, tập luyện. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Không

SN00011 – Name: English 0 (Total credits 02; lecture: 02 - practice: 0 - self-study: 04; 90). Brief description of the course: This course consists of 5 units at elementary level about the five topics including Lifestyle (Unit 1), People (Unit 2), Places (Unit 3), Food (Unit 4), The Past (Unit 5). In each unit, English grammar, vocabulary, and skills are provided and practiced by students through four different parts, each of which contains vocabulary, grammar, function, reading, speaking, listening, and writing. **Lecturing method:** Group-based learning; Role-play teaching; Teaching with MCQ. **Assessment methods:** attendance: 10%, mid-term: 30%, final exam: 60%. **Prerequisite course(s):** English for Introduction to CEFR - SN00010

ML03048. Luật tài chính-ngân hàng (2 TC:0-2-4; 90). Nội dung: Pháp luật về ngân sách nhà nước; pháp luật về thuế, phí, lệ phí; Pháp luật chung về ngân hàng, Ngân hàng nhà nước; Pháp luật về tổ chức tín dụng; Pháp luật về tín dụng ngân hàng. **Tên chương:** chương 1. pháp luật về ngân sách nhà nước ; chương 2. pháp luật về thuế, phí và lệ phí (7 tiết); chương 3. pháp luật chung về ngân hàng và ngân hàng nhà nước (4,5 tiết); chương 4. pháp luật về tổ chức tín dụng (6,5 tiết); chương 5. pháp luật về tín dụng ngân hàng (4 tiết). **Phương pháp giảng dạy:** Phương pháp thuyết giảng, Phương pháp nêu vấn đề, Phương pháp nghiên cứu trường hợp; Phương pháp giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông. **Phương pháp đánh giá:** Điểm quá trình: 40%/đánh giá quá trình 50%. Điểm thi cuối kì: 60%/đánh giá quá trình 50%. Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** ML_01009: Pháp luật đại cương

ML01021 - Kinh tế chính trị Mác - Lênin (political economy of marxism and leninism) (2 - 0 – 4; 90). nội dung: Học phần gồm 6 chương, trình bày các vấn đề: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể; Giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. **Tên chương:** Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin ; Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường;

Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. **Phương pháp giảng dạy:** Phương pháp thuyết giảng, Phương pháp nêu vấn đề, Phương pháp nghiên cứu trường hợp; Phương pháp giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Học phần tiên quyết: ML01020: Triết học Mác – Lênin

QS01012. Công tác quốc phòng, an ninh (National Defense and Security Activity). (2TC: 2-0-4;90). Nội dung: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; Một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam. **Tên chương:** bài 1: phòng chống chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng việt nam. bài 2: phòng chống dịch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. bài 3: xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng. bài 4: xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. bài 5: một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh. phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng việt nam. Bài 6: những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. bài 7: xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. bài 8: những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm. **Phương pháp giảng dạy:** Phương pháp thuyết giảng, Thuyết trình, dạy học trực quan. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần song hành:** QS01001; QS01003

KTE02006: Nguyên lý thống kê kinh tế (Principle of statistics) (3TC:3-0-6, 135): *Nội dung:* Học phần gồm 7 chương với nội dung: Giới thiệu thống kê học; Thu thập thông tin thống kê; Tổng hợp và trình bày tài liệu thống kê; Thống kê mức độ hiện tượng kinh tế xã hội; Điều tra chọn mẫu; Phân tích biến động hiện tượng kinh tế xã hội; Phân tích tương quan và hồi quy. *Tên chương:* Chương 1. Giới thiệu môn học; Chương 2. Thu thập thông tin thống kê; Chương 3. Tổng hợp và trình bày tài liệu thống kê; Chương 4 Thống kê mức độ hiện tượng kinh tế xã hội; Chương 5 Điều tra chọn mẫu; Chương 6 Thống kê biến động hiện tượng kinh tế xã hội; Chương 7 Phân tích tương quan. *Phương pháp giảng dạy:* Phương pháp thuyết giảng, Giảng dạy thông qua thảo luận *Phương pháp đánh giá:* Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. *Học phần học trước:* Không

Giáo dục thể chất: GT01017 Tên học phần Điền kinh (1TC:0-1-2). Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Điền kinh. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Điền kinh, Luật Điền kinh. Các kỹ thuật cơ bản: cách đóng bàn đạp, xuất phát, chạy lao sau xuất phát, chạy giữa quãng và về đích (chạy 100 mét), chạy đà, giậm nhảy, trên không và tiếp đất (nhảy xa kiểu ngồi). Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn. *Học phần học trước:* không **GT01018 Tên học phần Thể dục Aerobic(1TC:0-1-2).** Lịch sử phát triển, vị trí, khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của Thể dục Aerobic; Đội hình đội ngũ; 7 bước cơ bản của Thể dục Aerobic; Bài tập thể dục Aerobic; Phát triển tố chất sức mạnh, khả năng phối hợp vận động. *Học phần học trước:* không. **GT01019 Tên học phần Bóng đá (1TC:0-1-2).** Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Bóng đá. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Bóng đá. Luật Bóng đá. Các kỹ thuật cơ bản: đá – nhận bóng bằng lòng bàn chân, đá bóng bằng mu trong bàn chân. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn. *Học phần học trước:* không. **GT01020 Tên học phần Bóng chuyền (1TC:0-1-2).** Mô tả vắn tắt nội dung: Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Bóng chuyền. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Bóng chuyền. Luật Bóng chuyền. Các kỹ thuật cơ bản: Tư thế chuẩn bị, di chuyển, chuyền bóng cao tay, thấp tay, phát bóng cao tay (nam), thấp tay(nữ), đập bóng, chắn bóng. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn. *Học phần học trước:* không. **GT01021 Tên học phần**

Bóng rổ (1TC:0-1-2). Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Bóng rổ. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Bóng rổ. Luật Bóng rổ. Các kỹ thuật cơ bản: di chuyển, dẫn bóng, chuyền - bắt bóng, ném rổ 1 tay trên cao. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn. *Học phần học trước: không.* **GT01022**

Tên học phần Cầu lông (1TC:0-1-2). Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Cầu lông. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Cầu lông. Luật Cầu lông. Các kỹ thuật cơ bản: di chuyển, giao cầu, đánh cầu thấp tay phải, trái, cao tay phải trái, đánh cầu cao sâu, đập cầu. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn. *Học phần học trước: không.* **GT01023**

Tên học phần Cờ Vua (1TC:0-1-2). Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Cờ vua. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Cờ vua. Luật Cờ vua. Nguyên lý cơ bản chơi Cờ vua trong từng giai đoạn của ván đấu. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. *Học phần học trước: không.* **GT01014**

Tên học phần Khiêu vũ (1TC:0-1-2). Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Khiêu vũ thể thao. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Khiêu vũ thể thao. Luật Khiêu vũ thể thao. Các kỹ thuật cơ bản: thuật ngữ, vũ điệu rumba và chachacha. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn. *Học phần học trước: không.* **GT01015**

Tên học phần Bơi (1TC:0-1-2). Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Bơi. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Bơi. Luật Bơi. Các kỹ thuật cơ bản: tư thế thân người, kỹ thuật động tác – chân – thở... Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể. *Phương pháp giảng dạy:* Tổ chức học tập theo nhóm, giảng dạy thông qua thực hành, tập luyện *Phương pháp đánh giá:* Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. *Học phần học trước:* Không

Kỹ năng mềm: KN01001. Kỹ năng giao tiếp (2TC:2-0-4). Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng lắng nghe và phản hồi hiệu quả; Kỹ năng thương lượng (đàm phán). *Học phần học trước: không.* **KN01002. Kỹ năng lãnh đạo (2TC: 2-0-4).** Tổng quan về kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng tạo động lực; Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức; Kỹ năng giao tiếp và đàm phán; Kỹ năng ra quyết định; Cung cấp những kiến thức cơ bản trong lãnh đạo, ra quyết định và cách xử lý tình huống trong công tác lãnh đạo. *Học phần học trước: không.* **KN01003. Kỹ năng quản lý bản thân (2TC: 2-0-4).** Kỹ năng khám phá bản thân; Kỹ năng kiểm soát cảm xúc; Kỹ năng ứng phó căng thẳng; Kỹ

năng xác định mục tiêu; Kỹ năng quản lý thời gian hiệu. **Học phần học trước:** không.

KN01004. Kỹ năng tìm kiếm việc làm (2TC: 2-0-4). Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm; kỹ năng chuẩn bị hồ sơ tìm việc; Kỹ năng phỏng vấn tìm việc; Kỹ năng thương lượng về chế độ đãi ngộ; Hòa nhập và phát triển trong môi trường nghề nghiệp. **Học phần học trước:** không.

KN01005. Kỹ năng làm việc nhóm (2TC: 2-0-4). Khái niệm nhóm và làm việc theo nhóm; Các kỹ năng làm việc theo nhóm; Quản lý và điều hành nhóm. **Học phần học trước:** không.

KN01006. Kỹ năng hội nhập (2TC: 2-0-4). Kỹ năng tiếp cận văn hóa thế giới; Kỹ năng giao tiếp, ứng xử và làm việc trong môi trường quốc tế hóa; Kỹ năng làm việc độc lập trong đơn vị. **Phương pháp giảng dạy:** Tổ chức các bài tập cá nhân, bài tập nhóm; dạy học bằng trải nghiệm, tình huống giả định; dạy học nêu vấn đề. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%.

Học phần học trước: Không.

KN01007- Kỹ năng khởi nghiệp (Start up your own business). (2TC: 2-0-4). Tổng quan về ý tưởng kinh doanh; Phát triển dự án khởi sự kinh doanh (DAKSKD); Phân tích kỹ thuật công nghệ DAKSKD; Phân tích tài chính DAKSKD; Phân tích kinh tế xã hội và môi trường DAKSKD; Khởi tạo doanh nghiệp. **Phương pháp giảng dạy:** Tổ chức các bài tập cá nhân, bài tập nhóm; dạy học bằng trải nghiệm, tình huống giả định; dạy học nêu vấn đề. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%.

Học phần học trước: Không

MT03066. Môi trường và lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp (environment and competitive advantage of the business); (2 tc:2-0-4;90).

nội dung: môi trường là yếu tố sản xuất; bảo vệ môi trường và mục tiêu của doanh nghiệp; Hệ thống quản lý môi trường doanh nghiệp; Quản lý môi trường doanh nghiệp.

Tên chương: Chương 1: Môi trường là yếu tố sản xuất; Chương 2: Bảo vệ môi trường và mục tiêu của doanh nghiệp; Chương 3: Hệ thống quản lý môi trường doanh nghiệp; Chương 4: Phân tích kinh tế quản lý môi trường doanh nghiệp.

Phương pháp giảng dạy: Thuyết giảng, Thảo luận / thảo luận theo nhóm.

Phương pháp đánh giá: Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%.

Học phần học trước: Không

KQ02106. Marketing căn bản (Principles of marketing). (3TC: 3 – 0 – 6; 135). **Nội dung:** Học phần này gồm Tổng quan về marketing; Môi trường marketing; Nghiên cứu hành vi khách hàng; Phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị hàng hoá; Chiến lược sản phẩm; Chiến lược giá cả hàng hóa; Chiến lược phân phối hàng hóa; Chiến lược xúc tiến hỗn hợp. **Tên chương:** Chương 1: Bản chất của marketing, Chương 2: Môi trường marketing, Chương 3: Nghiên cứu hành vi của khách hàng, Chương 4: Phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị hàng hoá, Chương 5: Chiến lược sản phẩm hàng hóa, Chương 6: Chiến lược giá cả hàng hóa, Chương 7: Chiến lược phân phối hàng hóa, Chương 8: Chiến lược xúc tiến hỗn hợp, **Phương pháp giảng dạy:** Phương pháp thuyết giảng, Viết tiểu luận và/hoặc báo cáo chuyên đề theo nhóm, Thảo luận, hỏi đáp. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Không

KQ02014: Nguyên lý kế toán (principles of accounting); (3TC:3-0-6; 135). **nội dung:** học phần này gồm có 05 chương và gồm các nội dung: bản chất và đối tượng của hạch toán kế toán; phương pháp tổng hợp cân đối kế toán (báo cáo tài chính); lập chứng từ và kiểm kê ; phương pháp tài khoản và ghi sổ kép; tính giá; **tên chương:** chương 1: bản chất và đối tượng của hạch toán kế toán (6 tiết lý thuyết, 1 tiết bài tập, 14 tiết tự học); chương 2: phương pháp tổng hợp cân đối kế toán (báo cáo tài chính) (7 tiết lý thuyết, 3 tiết bài tập, 20 tiết tự học); chương 3: lập chứng từ và kiểm kê (6 tiết lý thuyết, 0 tiết bài tập, 12 tiết tự học); chương 4: phương pháp tài khoản và ghi sổ kép (9 tiết lý thuyết, 4 tiết bài tập, 26 tiết tự học); chương 5: tính giá (7 tiết lý thuyết, 3 tiết bài tập, 20 tiết tự học). **phương pháp giảng dạy:** thuyết giảng: giảng viên sử dụng các phương tiện truyền đạt (bảng viết, đèn chiếu, hệ thống âm thanh,...) để trình bày nội dung bài giảng. - Dạy học dựa trên vấn đề (Problem-based learning): giảng viên đưa ra các vấn đề thực tế để sinh viên liên hệ từ kiến thức lý thuyết sau đó cho sinh viên thảo luận và đưa ra các hướng giải quyết **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, bài tập: 10%, kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 50%. **Học phần học trước:** Nguyên lý kinh tế (KT02003)

KT01003: kỹ năng quản lý và làm việc nhóm (group working skills); (2TC: 1.5-0.5-4; 90). **nội dung:** học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về nhóm và kỹ năng quản lý và làm việc nhóm, bao gồm 4 chương – Lý luận cơ bản về nhóm, làm việc nhóm – các hoạt động của nhóm – quản lý nhóm – kỹ năng làm việc nhóm. **Tên chương:** *Chương 1:* Tổng quan về làm việc nhóm, *Chương 2:* Hoạt động của nhóm, *Chương 3:* Điều hành nhóm, *Chương 4:* Kỹ năng làm việc nhóm. **Phương pháp giảng dạy** Thuyết giảng + giảng dạy thông qua thảo luận: Giáo viên sử dụng các phương tiện bảng viết, đèn chiếu, hệ thống âm thanh để trình bày các nội dung chính về lý thuyết. Các câu hỏi được nêu ra cho sinh viên động não suy nghĩ trong quá trình học. Tổ chức học tập theo nhóm: Giáo viên tổ chức lớp học theo nhóm để thảo luận các chủ đề liên quan đến các vấn đề lý thuyết và thực tiễn. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Không

KQ01211: Quản trị học (Principles of management); (3TC:3-0-6; 135). **Nội dung:** Môn học gồm 7 chương liên quan đến: Những vấn đề cơ bản của quản trị; Nhà quản trị, nhà doanh nghiệp; Thông tin và quyết định quản trị; Chức năng hoạch định; Chức năng tổ chức; Chức năng lãnh đạo; Chức năng kiểm tra. Học phần học trước: Không. **Tên chương:** Những vấn đề cơ bản của quản trị; Nhà quản trị, nhà doanh nghiệp; Thông tin và quyết định quản trị; Chức năng hoạch định; Chức năng tổ chức; Chức năng lãnh đạo; Chức năng kiểm tra. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, Tổ chức học tập theo nhóm, Nghiên cứu trường hợp, Sử dụng các công trình nghiên cứu trong giảng dạy, Giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, quá trình: 40%, kiểm tra cuối kì: 50%. **Học phần học trước:** Không

SN01032: Tiếng Anh 1 (ENGLISH 1). (3TC:3-0-6; 135). Brief description of the course: This course aims to provide students with basics of English. This course consists of 6 units at pre-intermediate level about the six topics including Life (Unit 1), Work (Unit 2), Time out (Unit 3), Great Minds (Unit 4), Travel (Unit 5) and Fitness (Unit 6). In each unit, English grammar, vocabulary, and skills are provided and practiced by students through different activities. **Teaching methods:** Lecturing method, Group-

based learning Role-play teaching, Teaching with multiple-choice questions, Teaching with videos, Teaching through discussion. **Assessment methods:** attendance: 10%, mid-term: 30%, final exam: 60%. Prerequisite course(s): English 0 - SN00011

ML01022: Chủ nghĩa xã hội Khoa học. (Socialism). (2TC: 1.5-0.5-4; 90).

Nội dung: Học phần gồm: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. **Tên chương:** Chương 1. Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học, *Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chương 3. Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chương 4. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa, Chương 5. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chương 7. Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Phương pháp giảng dạy:* Phương pháp thuyết giảng, Phương pháp nêu vấn đề, Phương pháp nghiên cứu trường hợp; Phương pháp giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần tiên quyết:** Kinh tế chính trị Mác – Lênin

QS 01003: Quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC) (General military and AK shooting tactics, technique). (03 TC: 2-1-0). Nội dung: Trang bị cho sinh viên những vấn đề kỹ năng quân sự cần thiết như: Lý thuyết bắn súng tiểu liên AK; Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; Sử dụng bản đồ quân sự; Phòng chống các loại vũ khí hủy diệt lớn; Cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; các loại Thuốc nổ; Kỹ năng thực hành bắn súng tiểu liên AK bài 1; Chiến thuật từng người trong chiến đấu tiên công và từng người trong chiến đấu phòng ngự; Đội ngũ cấp Tiểu đội và cấp Trung đội. **Tên chương:** bài 1: kỹ thuật bắn súng tiểu liên ak, bài 2: giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; bài 3: chiến thuật từng người trong chiến đấu tiên công và phòng ngự; bài 4: sử dụng bản đồ quân sự; bài 5: phòng chống vũ khí hủy diệt

lớn; bài 6: cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; bài 7: thuốc nổ. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết trình,; Dạy học trực quan; Luyện tập. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Không, Học phần song hành: QS01001; QSO1002

KQ02303. Tài chính tiền tệ (Fundamentals of Monetary and Finance). (3TC:3-0-6; 135). **Nội dung:** Tổng quát về tiền tệ và tài chính; Hệ thống tài chính và thị trường tài chính; Thời giá tiền tệ và lãi suất; Cung cầu tiền tệ và lạm phát; Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ. **Tên chương:** chương 1: tổng quát về tiền tệ và tài chính, chương 2: hệ thống tài chính và thị trường tài chính, chương 3: thời giá tiền tệ và lãi suất, chương 4: cung cầu tiền tệ và lạm phát, chương 5: ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ, **Phương pháp giảng dạy:** Phương pháp thuyết giảng; Nghiên cứu trường hợp; Dạy học dựa trên vấn đề; Giảng dạy thông qua thảo luận. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Nguyên lý kinh tế.

KQ02310 Tổng quan ngân hàng thương mại (Fundamentals of Commercial bank). (3 – 0 – 6; 135). **Nội dung:** Tổng quan về NHTM; Nghiệp vụ huy động vốn trong NHTM; Nghiệp vụ tín dụng trong NHTM; Nghiệp vụ đầu tư tài chính; Sản phẩm dịch vụ trong NHTM. **Tên chương:** Chương 1. Tổng quan ngân hàng thương mại, Chương 2. Nghiệp vụ huy động vốn, Chương 3 Nghiệp vụ tín dụng, Chương 4. Nghiệp vụ đầu tư tài chính, Chương 5. Sản phẩm dịch vụ của ngân hàng thương mại. **Phương pháp giảng dạy:** Phương pháp thuyết giảng; Nghiên cứu trường hợp; Dạy học dựa trên vấn đề; Giảng dạy thông qua thảo luận. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Không

KT 02015. Kinh tế lượng căn bản (Basic econometrics). (2TC: 2-0-4, 90). **Nội dung:** Học phần gồm 5 chương với nội dung: Giới thiệu về kinh tế lượng; Hồi quy tuyến tính giản đơn; Hồi quy tuyến tính nhiều biến; Hồi quy với biến giả; Các mô hình kinh tế và ứng dụng. Học phần học trước: Kinh tế vi mô. **Tên chương:** Chương 1: Giới thiệu kinh tế lượng, Chương 2: Hồi quy tuyến tính giản đơn, Chương 3 : Mô hình hồi quy nhiều biến, Chương 4: Hồi quy với biến định tính. Chương 5: Xây dựng mô hình hóa và ứng dụng **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng (Lecturing method); Giảng dạy thông qua thảo luận trên lớp (Teaching through discussion), hỗ trợ làm việc

nhóm (support for group working) và thuyết trình (presentation)**Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học tiên quyết:** KT02001 - Kinh tế vi mô 1

KQ02304 Tin học trong kinh doanh và quản lý (Applied Informatics for Business and Management) (2 – 0 – 4; 90). **Nội dung:** Các ứng dụng căn bản của Excel trong quản trị thông tin kinh doanh và quản lý; Các ứng dụng xử lý, phân tích dữ liệu phục vụ báo cáo trong tổ chức; Một số ứng dụng tin học phân tích dự báo, tối ưu hóa trong kinh doanh và quản lý. **Tên chương:** Chương 1 Các ứng dụng căn bản của Excel trong quản trị thông tin kinh doanh và quản lý, Chương 2. Các ứng dụng xử lý, phân tích dữ liệu phục vụ báo cáo trong tổ chức, Chương 3. Một số ứng dụng tin học phân tích dự báo, tối ưu hóa trong kinh doanh và quản lý. **Phương pháp giảng dạy:** Phương pháp thuyết giảng; Nghiên cứu trường hợp; Dạy học dựa trên vấn đề; Giảng dạy thông qua thảo luận. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần trước:** Không

SN01033 – Tiếng Anh 2 (English 2). (3TC: 03 - 0 - 06; 135). Brief description of the course: This course aims to provide students with basics of English This course consists of 6 units at pre-intermediate level about the six topics including Changes (Unit 1), Money (Unit 2), Nature (Unit 3), I love chocolate (Unit 4), Society (Unit 5) and Technology (Unit 6). In each unit, English grammar, vocabulary, and skills are provided and practiced by students through different activities. **1. Teaching methods:** Group-based learning, Role-play teaching, Teaching with ICT. **Assessment methods:** attendance: 10%, mid-term: 30%, final exam: 60%. **Prerequisite course(s):** Prerequisite course(s): English 1 - SN01032

KQ02309. Thị trường và định chế tài chính (Financial markets and institutions). (2TC:2-0-4; 90). **Nội dung:** Học phần nhằm giúp người học hiểu cấu trúc và cơ chế hoạt động của thị trường tài chính; xem xét dòng vốn trong nền kinh tế cũng như vai trò các trung gian tài chính. Cung cấp kiến thức về công cụ tài chính, mối quan hệ chủ yếu giữa rủi ro và thu nhập kỳ vọng mà các công cụ tài chính mang lại cho nhà đầu tư. Vận dụng các kiến thức về thị trường tài chính và các định chế tài chính để giải quyết các tình huống thực tế phát sinh trong lĩnh vực kinh tế, tài chính,

kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh. **Tên chương:** Tổng quan về thị trường tài chính và các định chế tài chính; Thị trường tiền tệ; Thị trường vốn; Các định chế tài chính. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, nghiên cứu trường hợp, dạy học dựa trên vấn đề, giảng dạy thông qua thảo luận. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Tài chính tiền tệ.

KQ03423. Kế toán ngân hàng thương mại (Commercial banks accounting). (3TC: 3-0-6; 135). **Nội dung:** Học phần nhằm giúp người học hiểu các nguyên lý căn bản, pháp luật nhà nước liên quan đến lĩnh vực kế toán ngân hàng thương mại; áp dụng chế độ kế toán áp dụng trong các ngân hàng thương mại. **Tên chương:** Giới thiệu tổng quan về kế toán tại ngân hàng thương mại; Kế toán nghiệp vụ nhận tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá; Kế toán nghiệp vụ tín dụng; Kế toán nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ; Kế toán nghiệp vụ thanh toán; Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, dạy học dựa trên vấn đề. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, bài tập/kiểm tra giữa kì 01: 10%, kiểm tra giữa kỳ 02: 30%, kiểm tra cuối kì: 50%. **Học phần học trước:** Nguyên lý kế toán.

KQ03301. Quản trị Tài chính doanh nghiệp. (Corporate Financial Management). (3TC: 3 – 0 – 6; 135). **Nội dung:** Học phần giúp người học đạt được năng lực vận dụng các kiến thức và kỹ năng quản trị tài chính trong thực tiễn quản trị doanh nghiệp liên quan đến ra quyết định đầu tư, tài trợ, phân phối, phân tích kết quả và hiệu quả tài chính trong sản xuất kinh doanh, huy động các nguồn lực trong lĩnh vực tài chính, quản trị kinh doanh. **Tên chương:** Tổng quan về quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản lý vốn cố định; Quản lý vốn lưu động; Quản trị đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp; Nguồn tài trợ và chi phí sử dụng vốn; Phân tích tài chính và kế hoạch hóa tài chính doanh nghiệp. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, nghiên cứu trường hợp, dạy học dựa trên vấn đề, giảng dạy thông qua thuyết trình và thảo luận. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Tài chính tiền tệ.

KQ03414. Tín dụng ngân hàng (Bank Credit). (2TC: 2-0-4; 90). **Nội dung:** : Học phần nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về tín dụng ngân hàng và vai trò của

tín dụng ngân hàng trong nền kinh tế. Nhận thức và vận dụng lý luận về huy động vốn, cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn trong hoạt động thực tiễn. **Tên chương:** Tổng quan về tín dụng và tín dụng ngân hàng; Huy động vốn của ngân hàng thương mại; Cho vay của ngân hàng thương mại **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, nghiên cứu trường hợp, dạy học dựa trên vấn đề, giảng dạy thông qua thảo luận. **Phương pháp đánh giá:** Quá trình: 40%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Tài chính tiền tệ.

ML01005. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh ideology). (2TC: 2 – 0 – 4; 90). **Nội dung:** Tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới. **Tên chương:** Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, thuyết trình theo nhóm. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30 %, kiểm tra cuối kì: 60 %. **Học phần học trước:** Chủ nghĩa xã hội khoa học.

KQ03007. Kế toán tài chính (Financial accounting). (3TC: 3-0-6; 135). **Nội dung:** Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về kế toán, các phương pháp theo dõi, ghi chép, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế và các phương tính giá thành, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp cũng như hiểu, phân tích được các thông tin trên báo cáo tài chính. **Tên chương:** Kế vốn bằng tiền, các khoản phải thu, ứng trước, trả trước; Kế toán hàng tồn kho; Kế toán tài sản cố định và đầu tư tài chính; Kế toán nợ phải trả; Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành; Kế toán doanh thu bán hàng, thu chi tài chính, thu chi khác và xác định kết quả kinh doanh; Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, dạy học dựa trên vấn đề. **Phương pháp đánh giá:** Chuyên cần: 10%, bài kiểm tra 01: 10%, bài kiểm tra 02: 30%, thi cuối kỳ: 50%. **Học phần học trước:** Nguyên lý kế toán.

KQ03310. Thuế (Taxation). (2TC: 2-0-4; 90). *Nội dung:* Học phần nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về Thuế và tác động của Thuế đến nền kinh tế. Hiểu về hệ thống thuế ở Việt Nam và phương pháp áp dụng những chính sách này vào thực tiễn. *Tên chương:* Nhập môn; Tổng quan về thuế; Các sắc thuế chủ yếu ở Việt Nam; Hệ thống thuế ở Việt Nam. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng, nghiên cứu trường hợp, dạy học dựa trên vấn đề, giảng dạy thông qua thảo luận. *Phương pháp đánh giá:* Quá trình: 50%, kiểm tra cuối kì: 50%. *Học phần học trước:* Tài chính tiền tệ.

SN03040. Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng (English for Finance and Banking). (2TC: 2 – 0 – 4; 90). *Nội dung:* Học phần giúp người học sử dụng vốn từ vựng về các chủ đề tài chính ngân hàng. Phương pháp diễn đạt trong các tình huống thương mại cụ thể. *Tên chương:* This course consists of 18 units, providing basic knowledge on specific topics in Banking and Finance sector (Designed for the Internet, electronic cash, companies and their banks, globalisation, profitable banks, bank mergers...). All units include sections aiming to vocabulary, reading and related skills. *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết giảng, thảo luận nhóm, giảng dạy thông qua thảo luận. *Phương pháp đánh giá:* Chuyên cần: 10%, Thuyết trình cá nhân: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. *Học phần học trước:* Không.

ML01023. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (The history of Vietnamese communist party). (2TC: 2-0-4; 90). *Nội dung:* Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và sự lãnh đạo của Đảng từ năm 1930 đến nay và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng. *Tên chương:* Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975). Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Kết luận về những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng. Tư tưởng Hồ Chí Minh. *Phương pháp giảng dạy:* thuyết trình, nêu vấn đề, phát vấn, giảng dạy kết hợp với phương tiện đa truyền thông.

Phương pháp đánh giá: tham dự lớp: 20%, thi giữa kỳ 30%, thi cuối kỳ 50%. **Học phần học trước:** Tư tưởng Hồ Chí Minh.

KQ03215. Quản trị rủi ro ngân hàng (Bank Risk Management). (3TC : 3 – 0 - 6; 135). **Nội dung:** Học phần nhằm giúp người học đạt được những kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm trong lĩnh vực quản trị rủi ro như bản chất của rủi ro và quản trị rủi ro, nhận diện rủi ro, đo lường rủi ro, và các chiến lược quản trị rủi ro. **Tên chương:** Giới thiệu chung về quản trị rủi ro; Các bước quản trị rủi ro; Nhận diện rủi ro; Đo lường rủi ro; Chiến lược quản trị rủi ro. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng trên lớp, tổ chức học tập theo nhóm, giảng dạy thông qua thảo luận, trực quan, trò chơi, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. **Phương pháp đánh giá:** tham dự lớp: 10%, thảo luận nhóm 20%, tiểu luận nhóm/ kiểm tra giữa kỳ 20%, thi cuối kỳ 50%. **Học phần học trước:** Quản trị học

KQ03416. Tài chính quốc tế (International Finance). (3TC: 3-0-6; 135). **Nội dung:** Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề cơ bản liên quan đến Tài chính quốc tế, môi trường tài chính quốc tế. **Tên chương:** Hệ thống tiền tệ quốc tế; Thị trường tài chính quốc tế, quan hệ tỷ giá- giá cả, Biến động tỷ giá và dự báo tỷ giá, Đầu tư và tài trợ quốc tế. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, nghiên cứu trường hợp, dạy học dựa trên vấn đề, giảng dạy thông qua thảo luận. **Phương pháp đánh giá:** chuyên cần: 10%, quá trình/ kiểm tra giữa kỳ 30%, kiểm tra cuối kỳ 60%. **Học phần học trước:** Tài chính tiền tệ

KQ03417. Marketing ngân hàng (Banking Marketing). (02TC: 2-0-4; 90). **Nội dung:** Học phần giúp người học hiểu được những kiến thức cơ bản về các hoạt động marketing tại các ngân hàng thương mại. **Tên chương:** Tổng quan về Marketing ngân hàng; Hành vi tiêu dùng của khách hàng và thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm của ngân hàng; Một số quyết định về sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; Một số quyết định về giá cả sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; Chiến lược phân phối sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; và Chiến lược xúc tiến – truyền thông sản phẩm, dịch vụ ngân hàng. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, viết tiểu luận và/ hoặc báo cáo chuyên đề theo nhóm, thảo luận hỏi đáp. **Phương pháp đánh giá:** tham dự lớp: 10%, làm việc nhóm/ tiểu

luận nhóm/seminar nhóm/ thi giữa kỳ 30%, thi cuối kỳ 60%. **Học phần học trước:**Marketing căn bản.

KQ04976. Thực tập giáo trình 1 (Internship course 1). (6TC: 0- 6-12; 270).

Nội dung: Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những nguyên lý cơ bản về quản trị, tài chính, ngân hàng, marketing và kế toán quản trị để phân tích thực trạng tổ chức và hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các ngân hàng thương mại. **Tên chương:** Xây dựng kế hoạch thực tập; Quá trình hình thành và phát triển của doanh nghiệp, ngân hàng; Cơ cấu tổ chức; Thực trạng các nguồn lực; Kết quả (sản xuất) kinh doanh và phương hướng phát triển của doanh nghiệp, ngân hàng. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức. **Phương pháp giảng dạy:** làm việc nhóm, thông qua tham quan thực tế, thông qua là báo cáo. **Phương pháp đánh giá:** đánh giá của giáo viên hướng dẫn tại trường: 40%, đánh giá của thành viên thứ nhất trong hội đồng: 30%, đánh giá của thành viên thứ nhất trong hội đồng: 30%. **Học phần học trước:**Không.

KQ03217. Phương pháp nghiên cứu trong quản trị kinh doanh (Research Methodology in Business Management). (2TC: 2- 0- 4; 90). **Nội dung:** Học phần nhằm giúp sinh viên vận dụng kiến thức để thiết kế, phát triển một nghiên cứu cụ thể, sử dụng các công cụ nghiên cứu và một số phần mềm thống kê thông dụng. Đồng thời, áp dụng chính xác quy trình thiết kế, tiến hành một nghiên cứu cụ thể, kỹ năng sử dụng đúng phần mềm thống kê trong phân tích dữ liệu. **Tên chương:** Tổng quan chung về phương pháp nghiên cứu trong quản trị kinh doanh; Quy trình nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu; Thu thập dữ liệu nghiên cứu; Phân tích số liệu; Phần mềm ứng dụng trong nghiên cứu QTKD; Trình bày kết quả nghiên cứu. **Phương pháp giảng dạy:** Lấy người học làm trung tâm; Thuyết giảng; Nghiên cứu tình huống; Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua thảo luận; Dạy học dựa trên vấn đề; Động não. **Phương pháp đánh giá:**chuyên cần, tham dự lớp: 10%, tiểu luận/báo cáo thu hoạch (bài làm theo nhóm) 20%, thi giữa kỳ: 20%, thi cuối kỳ: 50%, **Học phần học trước:** Không.

KQ03418. Tài chính cá nhân (Personal Finance). (3TC : 3 – 0 - 6; 135). **Nội dung:** giúp cho người học nắm vững kiến thức về việc lập kế hoạch tài chính cá nhân

dựa trên chi tiêu thông minh, kiến tạo nguồn thu nhập và sử dụng hiệu quả các dịch vụ ngân hàng nhằm tối ưu tài chính cá nhân. Ngoài ra, môn học còn cung cấp các kiến thức về đầu tư tài sản tài chính và hoạch định tương lai tài chính của cá nhân. **Tên chương:** Những kiến thức chung về tài chính cá nhân; Hoạch định nghề nghiệp và thu nhập; Quản lý tiền; Đầu tư; Bảo hiểm và các công cụ quản lý rủi ro tài chính cá nhân. **Phương pháp giảng dạy:** Giảng viên trao đổi lý thuyết trên lớp, gợi mở tình huống thực tế gắn với nội dung bài giảng để sinh viên liên hệ thảo luận và vận dụng vào thực tế. **Phương pháp đánh giá:** chuyên cần: 10%, quá trình/ kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Tài chính tiền tệ.

KQ02005. Kế toán quản trị (Managerial Accounting). (3TC : 3 – 0 - 6; 135). **Nội dung:** Học phần giúp người học có thể giải thích được những vấn đề cốt lõi của kế toán quản trị để phân biệt được kế toán quản trị với kế toán tài chính; nhận diện, phân loại chi phí và xác định hàm chi phí trong kế toán quản trị; xây dựng định mức chi phí sản xuất và lập dự toán SXKD; vận dụng các chỉ tiêu vào phân tích mối quan hệ chi phí-khối lượng-lợi nhuận trong các quyết định SXKD; diện thông tin thích hợp và vận dụng cho việc ra quyết định cụ thể; vận dụng các phương pháp định giá vào định giá sản phẩm và dịch vụ. **Tên chương:** Những kiến thức chung về kế toán quản trị; Chi phí và phân loại chi phí trong Kế toán quản trị; Lập dự toán sản xuất kinh doanh; Phân tích mối quan hệ chi phí-khối lượng-lợi nhuận; Thông tin thích hợp cho việc ra các quyết định; Định giá sản phẩm và dịch vụ. **Phương pháp giảng dạy:** Giảng viên trao đổi lý thuyết trên lớp, gợi mở tình huống thực tế gắn với nội dung bài giảng để sinh viên liên hệ thảo luận và vận dụng vào thực tế. **Phương pháp đánh giá:** chuyên cần: 10%, quá trình/ kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Nguyên lý kế toán.

KQ03347. Phân tích tài chính doanh nghiệp (Analysis of Business Finance). (3TC: 3-0-6; 135). **Nội dung:** Học phần nhằm giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về phân tích tài chính doanh nghiệp và vận dụng kiến thức đã có để phân tích, đánh giá tình hình tài chính của các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. **Tên chương:** Tổng quan về phân tích tài chính doanh nghiệp; Tài liệu sử dụng trong phân tích tài chính doanh nghiệp; Phân tích tình hình và kết quả kinh doanh;

Phân tích tình hình và kết quả kinh doanh; Phân tích biến động tài sản và nguồn vốn; Phân tích tình hình lưu chuyển tiền tệ; Phân tích các tỷ số tài chính cơ bản. **Phương pháp giảng dạy:** thuyết giảng, nghiên cứu trường hợp, dạy học dựa trên vấn đề, giảng dạy thông qua thảo luận. **Phương pháp đánh giá:** chuyên cần: 10%, quá trình/ kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Kế toán tài chính.

KQ04977. Thực tập giáo trình 2 (Internship course 2). (07TC: 0-7-14; 315).

Nội dung: Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những nguyên lý cơ bản về quản trị, tài chính, marketing và kế toán quản trị để phân tích thực trạng tổ chức và hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. **Tên chương:** Xây dựng kế hoạch thực tập; Tìm hiểu lịch sử hình thành và phát triển của doanh nghiệp, ngân hàng; Tìm hiểu quy trình và thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, ngân hàng; Phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, ngân hàng thông qua các chỉ tiêu tài chính cơ bản; Xác định vấn đề công ty, ngân hàng đang gặp phải (tập trung các vấn đề về marketing, kế toán, tài chính, quản trị) và đề xuất giải pháp; **Phương pháp giảng dạy:** làm việc nhóm, tham quan thực tế, viết báo cáo. **Phương pháp đánh giá:** đánh giá của giáo viên hướng dẫn tại trường: 40%, đánh giá của thành viên thứ nhất trong hội đồng: 30%, đánh giá của thành viên thứ nhất trong hội đồng: 30%. **Học phần học trước:** Thực tập giáo trình 1.

KQ03367. Tổ chức kế toán doanh nghiệp (Organization of Accounting in Enterprises). (3TC:3-0-6; 135). **Nội dung:** Học phần nhằm giúp người học biết cách tổ chức kế toán doanh nghiệp và lập chứng từ vào sổ sách kế toán, tổ chức các phần hành kế toán, tổ chức bộ máy kế toán. **Tên chương:** Quy định chung về tổ chức kế toán doanh nghiệp; Tổ chức bộ máy kế toán; Tổ chức hạch toán ban đầu và sổ kế toán; Tổ chức hạch toán một số yếu tố cơ bản của sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp; Tổ chức kế toán các quá trình sản xuất kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp. **Phương pháp giảng dạy:** thuyết giảng, dạy học dựa trên vấn đề. **Phương pháp đánh giá:** chuyên cần: 10%, bài kiểm tra giữa kỳ 01: 20%, bài kiểm tra giữa kỳ 02/thảo luận nhóm: 20%, kiểm tra cuối kỳ: 50%. **Học phần học trước:** Nguyên lý kế toán.

KQ03367. Tài chính vi mô (Micro Finance). (2TC: 2 – 0 – 4; 90). **Nội dung:** Học phần cung cấp kiến thức về tài chính vi mô: Hệ thống tài chính vi mô; đặc điểm

tài chính vi mô; Các phương pháp của tài chính vi mô; ứng dụng cơ bản về tài chính vi mô và thực hành tài chính vi mô trong thực tiễn. **Tên chương :** Giới thiệu về tài chính vi mô; Nội dung và phương pháp tài chính vi mô; Ứng dụng tài chính vi mô. **Phương pháp giảng dạy:** thuyết giảng, nghiên cứu trường hợp, dạy học dựa trên vấn đề, giảng dạy thông qua thảo luận. **Phương pháp đánh giá:** chuyên cần: 10%, quá trình/kiểm tra giữa kỳ: 30%, kiểm tra cuối kỳ: 60%. **Học phần học trước:** Tài chính tiền tệ.

KQ03400. Thanh toán quốc tế (International Payment). (2TC: 2-0-4; 90).
Nội dung: Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về hợp đồng ngoại thương, Incoterms, cách phát hành và lưu thông các phương tiện thanh toán và cách thực hiện các phương thức thanh toán quốc tế. Ngoài ra, sinh viên còn được giới thiệu những kiến thức về chứng từ trong thanh toán, thực hành kiểm tra bộ chứng từ và xử lý các tình huống tranh chấp phát sinh trong các giao dịch thương mại và dịch vụ quốc tế. **Tên chương:** Khái quát về hợp đồng ngoại thương; Các phương thức thanh toán quốc tế; Phương thức thanh toán L/C; Bộ chứng từ trong thanh toán quốc tế. **Phương pháp giảng dạy:** thuyết giảng, nghiên cứu trường hợp, dạy học dựa trên vấn đề, giảng dạy thông qua thảo luận. **Phương pháp đánh giá:** chuyên cần: 10%, quá trình/kiểm tra giữa kỳ: 30%, kiểm tra cuối kỳ: 60%. **Học phần học trước:** Tài chính quốc tế.

KQ02209. Quản trị doanh nghiệp (Corporation management). (3TC: 3-0-6; 135). **Nội dung:** Học phần giúp người học hiểu được các vấn đề về quản trị doanh nghiệp, vận dụng được các kiến thức đã được trang bị để giải quyết một số tình huống trong thực tế quản lý doanh nghiệp. **Tên chương:** Nhập môn quản trị doanh nghiệp; Tổng quan về doanh nghiệp; Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp; Tổ chức sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp; Quản trị tư liệu sản xuất trong doanh nghiệp; Quản trị vốn trong doanh nghiệp; Tổ chức lao động và tiền lương trong doanh nghiệp; Quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp; Quản trị kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp. **Phương pháp giảng dạy:** Lấy người học làm trung tâm; Thuyết giảng; Nghiên cứu tình huống; Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy; Giảng dạy thông qua thảo luận; Dạy học dựa trên vấn đề; Động não. **Phương pháp đánh giá:** chuyên cần, tham dự lớp: 10%, tiểu luận/báo cáo thu hoạch

(bài làm theo nhóm) 20%, thi giữa kỳ: 20%, thi cuối kỳ: 50%. **Học phần học trước:** *Quản trị học.*

KQ03419: Kiểm soát nội bộ Ngân hàng và Quỹ tín dụng (Internal control system in Banking). (03TC: 03-0-06; 135). **Nội dung:** Sinh viên có thể tóm lược được những kiến thức cơ bản về kiểm soát nội bộ trong ngân hàng và quỹ tín dụng; Có thể thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ và có thể đánh giá và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ trong các tổ chức này. **Tên chương:** Tổng quan về KSNB; Các yếu tố cấu thành KSNB; Thiết lập KSNB trong ngân hàng và quỹ tín dụng; Hoạt động của KSNB trong ngân hàng và quỹ tín dụng; Kiểm toán nội bộ trong ngân hàng và quỹ tín dụng. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng trên lớp, tổ chức học tập theo nhóm, áp dụng các tình huống thực tế trong giảng dạy. **Phương pháp đánh giá:** chuyên cần: 10 %, quá trình/ kiểm tra giữa kỳ: 30%, kiểm tra cuối kỳ: 60%. **Học phần học trước:** *Không.*

KQ03307. Thị trường chứng khoán (Fundamentals of Stock Market). (3TC: 3-0-6; 135). **Nội dung:** Học phần nhằm giúp người học hiểu cấu trúc và cơ chế hoạt động của thị trường chứng khoán; phân biệt được các công cụ tài chính trên thị trường chứng khoán; hiểu cách thức thẩm định đầu tư trên thị trường chứng khoán; **Tên chương:** Đại cương về thị trường chứng khoán; Hàng hoá trên thị trường chứng khoán; Giá chứng khoán và định giá chứng khoán; Thị trường chứng khoán sơ cấp; Thị trường chứng khoán thứ cấp; Công ty chứng khoán và quỹ đầu tư chứng khoán; Đầu tư chứng khoán và phân tích chứng khoán. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, nghiên cứu trường hợp, dạy học dựa trên vấn đề, giảng dạy thông qua thảo luận. **Phương pháp đánh giá:** tham dự lớp: 10%, bài tập/ thuyết trình và thảo luận nhóm/ kiểm tra giữa kỳ: 30%, kiểm tra cuối kỳ: 60%. **Học phần học trước:** *Tài chính tiền tệ.*

KQ03420. Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo (Audit and Assurance). (3TC: 3-0-6; 135). **Nội dung:** Học phần giúp người học hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản gồm khái niệm, đối tượng, nội dung cơ bản, quy trình và các phương pháp áp dụng trong kiểm toán và dịch vụ đảm bảo. **Tên chương:** Khái niệm chung về kiểm toán; Các vấn đề cơ bản trong kiểm toán; Các vấn đề cơ bản về dịch vụ đảm bảo; Đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng trên lớp,

tổ chức học tập theo nhóm, áp dụng các tình huống thực tế trong giảng dạy. **Phương pháp đánh giá:** chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Nguyên lý Kế toán.

KQ03421. Dịch vụ bảo hiểm (Insurance Services). (02TC: 02-0-04; 90): Nội dung: Học phần giúp người học Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về rủi ro và bảo hiểm; Nội dung cơ bản của dịch vụ bảo hiểm; Tính phí dịch vụ bảo hiểm; Hợp đồng bảo hiểm; Tổ chức hoạt động kinh doanh bảo hiểm. **Tên chương:** Khái quát chung về dịch vụ bảo hiểm; Các vấn đề cơ bản về dịch vụ bảo hiểm; Tính phí dịch vụ bảo hiểm; Hợp đồng bảo hiểm; Tổ chức hoạt động kinh doanh bảo hiểm. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng trên lớp, tổ chức học tập theo nhóm, áp dụng các tình huống thực tế trong giảng dạy. **Phương pháp đánh giá:** chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Không.

KQ03304. Tài chính công (Public Finance). (2TC: 2-0-4; 90). Nội dung: Học phần nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về tài chính công và vai trò của tài chính công trong nền kinh tế. **Tên chương:** Tổng quát về tài chính công; Chính sách chi tiêu công; Nguồn lực công; Tài chính công ở Việt Nam. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, nghiên cứu trường hợp, dạy học dựa trên vấn đề, giảng dạy thông qua thảo luận. **Phương pháp đánh giá:** tham dự lớp: 10%, bài tập/ thảo luận nhóm/ kiểm tra giữa kỳ: 30%, kiểm tra cuối kỳ: 60%. **Học phần học trước:** Tài chính tiền tệ.

KQ03349. Định giá tài sản (Asset valuation). (3TC: 3 – 0 – 6; 135). Nội dung: Học phần nhằm giúp người học đạt được năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng định giá tài sản trong thực tiễn liên quan tới các quyết định đầu tư, tài trợ để giải quyết các tình huống cụ thể trong tổ chức và doanh nghiệp. **Tên chương:** Tổng quan về định giá; Định giá tài sản phi tài chính; Định giá tài sản tài chính. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, nghiên cứu trường hợp, dạy học dựa trên vấn đề, giảng dạy thông qua thảo luận. **Phương pháp đánh giá:** chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Quản trị tài chính doanh nghiệp.

KQ03435. Đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán tài chính (Code of ethics in Accounting, Auditing, Financing). (02: 02 - 0 - 0 4). Hiểu được các kiến thức về vấn đề đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán; các quy định về đạo đức nghề nghiệp

kế toán - kiểm toán quốc tế và ở Việt Nam. Tổng hợp kiến thức về đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán trong nghiên cứu nhằm phát triển nghề nghiệp kế toán kiểm toán. **Tên chương:** (1) Tổng quan về đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, tài chính; (2) Các quy định đạo đức nghề nghiệp thực hành (3) Vấn đề đạo đức trong các nghiên cứu nhằm phát triển nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, tài chính. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng trên lớp; Tổ chức học tập, thảo luận theo nhóm; Áp dụng các tình huống thực tế trong giảng dạy. **Phương pháp đánh giá:** Điểm quá trình: 40%; Điểm kiểm tra cuối kì: 60%

KQ03331. Nguyên lý thương mại điện tử (Principle of E-commerce). (02TC: 2-0-4; 90). **Nội dung:** Học phần nhằm giúp người học đạt được những kiến thức cơ bản để có thể vận dụng xây dựng những chiến lược kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử nói chung và lĩnh vực du tài chính ngân hàng nói riêng. **Tên chương:** Tổng quan về thương mại điện tử; Luật giao dịch điện tử và các vấn đề thực thi luật; Hợp đồng điện tử; Các mô hình kinh doanh trong TMĐT; Thanh toán điện tử; An toàn trong TMĐT; Quản trị quan hệ khách hàng và quản trị chuỗi cung ứng TMĐT. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, viết tiểu luận và/hoặc báo cáo chuyên đề theo nhóm, thảo luận, hỏi đáp. **Phương pháp đánh giá:** tham dự lớp: 10%, làm việc nhóm/ tiểu luận nhóm/ seminar nhóm/ thi giữa kỳ: 30%, thi cuối kỳ: 60%. **Học phần học trước:** Không.

KQ04992. Khóa luận tốt nghiệp (Thesis). (10TC: 0-10-20; 450). **Nội dung:** Học phần giúp sinh viên có thể vận dụng các kiến thức đã học vào nghiên cứu một vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực quản trị tài chính và các lĩnh vực khác có liên quan tại cơ sở thực tập để làm khóa luận tốt nghiệp. **Tên chương:** Xác định vấn đề nghiên cứu; Xây dựng đề cương sơ bộ; Xây dựng đề cương chi tiết; Thu thập thông tin (thứ cấp, sơ cấp); Tổng hợp và xử lý thông tin; Phân tích thông tin; Viết khoá luận; Hoàn thiện và trình bày khoá luận tốt nghiệp. **Phương pháp giảng dạy:** Làm việc nhóm, tham quan thực tế: giảng viên và sinh viên, làm việc tại các tổ chức trong thực tế, có sự hướng dẫn của giảng viên. **Phương pháp đánh giá:** đánh giá quá trình thực tập tốt nghiệp: 20%, đánh giá phản biện khóa luận tốt nghiệp: 20%, đánh giá bảo vệ khóa luận tốt nghiệp/ đánh giá thi tốt nghiệp: 60%. **Học phần học trước:** Thực tập giáo trình 2.

KQ03016. Phân tích kinh doanh (Business Analysis). (3TC: 3 – 0 - 6; 135).

Nội dung: Học phần giúp sinh viên có thể giải thích được những nội dung cơ bản của PTKD; có thể nhận diện và phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp; Có thể phân tích tình hình chi phí, giá thành, kết quả sản xuất, hiệu quả sản xuất, các yếu tố sản xuất, lợi nhuận của hoạt động SXKD và báo cáo tài chính trong kỳ của doanh nghiệp. **Tên chương:** Những kiến thức chung về phân tích kinh doanh; Phân tích môi trường kinh doanh; Phân tích chi phí; Phân tích sản xuất; Phân tích tiêu thụ, lợi nhuận và báo cáo tài chính. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng trên lớp, tổ chức học tập theo nhóm, áp dụng các công trình nghiên cứu trong giảng dạy. **Phương pháp đánh giá:** chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Không.

KQ03114. Thị trường giá cả (Market and price). (3TC: 3-0-6; 135).

Nội dung: Học phần nhằm cung cấp cho người học phân tích các nguyên lý hoạt động của thị trường hàng hoá nông sản dựa trên quy luật của nền kinh tế cạnh tranh và ứng dụng các công cụ vào phân tích sự biến động của giá hàng hoá nông sản. **Tên chương:** Đối tượng, nội dung và phương pháp nghiên cứu môn học. Mối quan hệ giữa giá cả và cung – cầu. Hình thành giá cả nông sản và thực phẩm trong các hình thái thị trường. Thị trường kỳ hạn cho nông sản và thực phẩm. Phân tích biến động giá nông sản và thực phẩm. Định giá sản phẩm. Sự can thiệp của Chính phủ vào thị trường và giá cả; **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, tổ chức và điều hành thảo luận nhóm, Ra đề, chữa bài tập, cung cấp chủ đề thảo luận cho sinh viên. **Phương pháp đánh giá:** chuyên cần: 10 %, quá trình/kiểm tra giữa kì: 30%, kiểm tra cuối kì: 60%. **Học phần học trước:** Không.

KQ03379. Tài chính phát triển (Development finance). (2TC: 2-0-4; 90).

Nội dung: Học phần giúp sinh viên giải thích được các vấn đề cơ bản liên quan đến tăng trưởng, phát triển kinh tế và vai trò của tài chính đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế; phân tích nhu cầu tài chính và phương thức tài trợ phù hợp trong một số lĩnh vực then chốt phục vụ tăng trưởng và phát triển kinh tế. **Tên chương:** Tài chính và phát triển, tổng quan về hệ thống tài chính, ngân hàng trung ương, ngân hàng thương mại. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, nghiên cứu trường hợp, dạy học dựa trên vấn đề, giảng dạy thông qua thảo

luận. **Phương pháp đánh giá:** chuyên cần: 10%, quá trình/kiểm tra giữa kỳ: 30%, kiểm tra cuối kỳ: 60%. **Học phần học trước:** Tài chính tiền tệ.

KQ03010. Kế toán thuế (Accounting on Tax). (2TC: 2-0-4; 90). Nội dung: Học phần nhằm giúp người học hiểu và vận dụng các phương pháp kế toán để phân ánh, phân tích, tổng hợp các thông tin kế toán cho mục đích thuế. **Tên chương:** Tổng quan về thuế và kế toán thuế; Thuế GTGT và kế toán thuế GTGT; Thuế TTĐB và kế toán thuế TTĐB; Thuế XNK và kế toán thuế XNK; Thuế thu nhập và kế toán thuế thu nhập; Kế toán các loại thuế khác. **Phương pháp giảng dạy:** Thuyết giảng, giảng dạy thông qua thảo luận tình huống/bài tập. **Phương pháp đánh giá:** chuyên cần: 10%, quá trình/thảo luận nhóm/tiểu luận môn học, kiểm tra giữa kỳ: 40%, kiểm tra cuối kỳ: 50%. **Học phần học trước:** Nguyên lý kế toán.

PHẦN 4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Địa chỉ website đăng thông tin công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học:

<http://www1.vnua.edu.vn/khoa/ketoan/vi/>

2. Đề nghị của khoa

Với đội ngũ giảng viên, cán bộ hỗ trợ và cơ sở vật chất hiện có, Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh có đủ năng lực để đào tạo đại học ngành Tài chính – Ngân hàng.

Khoa Kế toán & Quản trị kinh doanh cam kết thực hiện có kết quả, đảm bảo chất lượng đối với ngành mới.

Kính đề nghị Giám đốc Học viện cho phép Khoa được đăng ký mở chương trình đào đại học ngành Tài chính ngân hàng, được giảng dạy bằng tiếng Việt.

3. Cam kết triển khai thực hiện.

Khoa cam kết sẽ triển khai thực hiện tốt nhất chương trình đào tạo mới mở.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Khoa KT&QTKD
- Ban QLĐT

TRƯỞNG KHOA



PGS.TS Trần Hữu Cường